

Accuphase | DENON | Jamo | Klipsch | MONITOR AUDIO[®]
design for sound

Sonus faber[®] | TANNOY[®] | PATHOS | UNISON RESEARCH | OPERA | Wadia



Audio Catalogue

2 0 1 5 - 2 0 1 6

Hướng dẫn ghép bộ - Thông tin sản phẩm - Karaoke - Thuật ngữ kỹ thuật

AnhDuyAudio

Thế giới nghe nhìn

Công ty TNHH Quốc Tế Anh Duy (AnhDuy Audio) xây dựng cuốn catalogue này nhằm giới thiệu đến người tiêu dùng đầy đủ tất cả các nhãn hiệu do công ty phân phối chính thức tại Việt Nam.

Các sản phẩm do AnhDuyAudio phân phối thuộc lĩnh vực thiết bị âm thanh cao cấp, trong đó Quý khách hàng có thể tìm hiểu để xây dựng cho mình các bộ dàn âm thanh gia dụng như: Home Cinema (Phòng chiếu phim gia đình), Hi-Fi (Bộ dàn âm thanh nghe nhạc 2 kênh stereo), Hi-End (Bộ dàn âm thanh nghe nhạc chất lượng cao), bộ dàn nghe nhạc cá nhân (Mini Component), các thiết bị chiếu phim HD, thiết bị cho iPod, tai nghe, karaoke gia đình, cho đến những hệ thống âm thanh chuyên nghiệp cho phòng thu, sân khấu, rạp hát, rạp chiếu phim công cộng, nhà hàng-bar karaoke...

Các thương hiệu do AnhDuyAudio phân phối và làm đại lý từ lâu đã quen thuộc với Quý khách hàng như Denon, Jamo, Tannoy, Sonus Faber, Klipsch, Monitor Audio..., và các sản phẩm của tập đoàn Harman Pro như JBL Pro, Crown, BSS, Sound Craft, AKG.

Uy tín và chuyên nghiệp, giải quyết hậu mãi nhanh chóng là tôn chỉ của AnhDuyAudio trong phục vụ Quý khách hàng.

Chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã sử dụng sản phẩm của AnhDuyAudio.

Mục Lục

Lời giới thiệu 02

Mục lục 03

Phần 1: Ghép bộ 04 - 35

Ghép bộ 04 - 17

Karaoke 18 - 21

Micro 22 - 23

Thiết bị di động Bluetooth - NFC 24 - 29

Tai nghe 30 - 35

Phần 2: Sản phẩm 36 - 147

Denon 36 - 55

Jamo 56 - 67

Klipsch 68 - 81

Monitor Audio 82 - 89

Cambridge Audio 90 - 97

Sonus Faber 98 - 107

Tannoy 108 - 117

Accuphase 118 - 127

Wadia 128 - 131

Unison Research 132 - 137

Pathos 138 - 141

Opera 142 - 143

Projector 144

EZ Acoustics 145

HiDiamond cables 146 - 147

**Phần 3: Âm thanh công trình
và biểu diễn chuyên nghiệp 148 - 155**



Jamo S 626

Jamo | **PHỐI GHÉP
NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO**

Jamo S 626 là đôi loa đứng có 3 đường tiếng, gồm 1 loa treble, 2 mid và 1 bass hông.
Loa thích hợp cho phòng rộng trên 20m² và thể hiện các dòng nhạc mạnh, trữ tình.
Jamo S 626 cũng có thể dùng hát Karaoke gia đình với chất lượng âm thanh không thua gì loa Karaoke chuyên dụng.

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²
Loa	Jamo S 626
Ampli để nghị	Denon PMA-1520AE Denon PMA-720AE
Đầu phát	Denon DCD-720AE

Denon DCD-720AE



Denon PMA-1520AE



Jamo S 426/S428 HCS

Jamo | **PHỐI GHÉP
XEM PHIM, NGHE NHẠC**

Có thể xem đây là bộ dàn cơ bản để người thưởng thức cảm nhận thể nào là hiệu ứng âm thanh 5.1 với mức chi phí thấp nhất. Thấp nhưng hiệu quả cao là điều thích thú của bất kỳ ai yêu thích loại hình giải trí này.

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Bộ loa Loa Sub	Jamo S 428 HCS Jamo SUB J 12	Jamo S 426 HCS Jamo SUB 210 / J 10
Ampli để nghị	Denon AVR-X2200W Denon AVR-X1200W	Denon AVR-X1200W Denon AVR-X520BT Denon AVR-X510BT
Đầu phát	Denon DBT-1713UD	Denon DBT-1713UD

Denon DBT-1713UD



Denon AVR-X1200W





Jamo S 526 HCS



Jamo S 626 HCS/S 628 HCS

Jamo **PHỐI GHÉP
XEM PHIM, NGHE NHẠC**

Jamo S 526 HCS là bộ loa 5.0 kênh, gồm 2 loa chính S 526, loa centre S 52 và 2 loa surround S 522.
Bộ loa này dùng kết nối với Ampli receiver dùng nghe nhạc, xem phim. Cần kết nối thêm loa Sub để hiệu ứng tiếng trầm hay hơn.

Thiết bị	Phòng từ 15m ² - 25m ²
Bộ loa Loa Sub	Jamo S 526 HCS Jamo SUB 210 / SUB J 10 / SUB J 12
Ampli để nghị	Denon AVR-X2200W Denon AVR-X1200W
Đầu phát	Denon DBT-1713UD



Jamo **PHỐI GHÉP
XEM PHIM, NGHE NHẠC**

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Bộ loa Loa Sub	Jamo S 628 HCS Jamo SUB J 12	Jamo S 626 HCS Jamo SUB J 10
Ampli để nghị	Denon AVR-X3200W Denon AVR-X3100W	Denon AVR-X2200W
Đầu phát	Denon DBT-1713UD	Denon DBT-1713UD





Jamo C97/C95/C93

Jamo PHỐI GHÉP NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO

Jamo C 9 Series C 9 là sản phẩm mới của Jamo. Nó được cho là thay thế dòng C 60 đã tồn tại khá lâu. Với thiết kế hoàn toàn mới từ hình dáng bên ngoài và kết cấu bên trong, Jamo C 9 sẽ làm cho những ai đã quen thuộc với Jamo sẽ hết sức bất ngờ về những cải tiến này.

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa	Jamo C 97	Jamo C 95/C 93
Ampli để nghị	Denon PMA-1520AE Cambridge CXA80	Denon PMA-720AE Denon PMA-520AE Cambridge CXA60/AM10/AM5
Đầu phát	Denon DCD-1520AE Denon DCD-720AE Cambridge CXC	Denon DCD-720AE Denon DCD-520AE Cambridge CD10/CD5

Denon DCD-1520AE



Denon PMA-1520AE



Jamo C97/C95/C93

Jamo PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa chính Loa Sur Loa Cent Loa Sub	Jamo C 97 Jamo C 9 Sur Jamo C 9 Cent Jamo SUB J 112/ SUB J 110	Jamo C 95/C 93 Jamo C 9 Sur Jamo C 9 Cent Jamo SUB J12 / J 10/ SUB 210
Ampli để nghị	Denon AVR-X3200W Denon AVR-X3100W Denon AVR-X2200W	Denon AVR-X2200W Denon AVR-X1200W
Đầu phát	Denon DBT-1713UD	Denon DBT-1713UD

Denon DBT-1713UD



Denon AVR-X2100W





Jamo C109/C103



Jamo C109/C103

Jamo PHỐI GHÉP NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO

Jamo C 10
C 10 là dòng loa mới của Jamo, thay thế cho dòng Jamo C 80, bao gồm một model loa đứng C 109, một model bookshelf C 103, bộ surround C 10 Sur và một loa centre C 10 Cent. Jamo đã làm một sự thay đổi toàn diện từ hình dáng cho đến kết cấu kỹ thuật, biến dòng loa này trở nên mới lạ hơn, chất âm trung thực và nhạc tính hơn.

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa	Jamo C 109	Jamo C 103
Ampli đề nghị	Denon PMA-2020AE	Denon PMA-1520AE Cambridge CXA80
Đầu phát	Denon DCD-2020AE Denon DCD-1520AE	Denon DCD-1520AE Denon DCD-720AE Cambridge CXC

Denon DCD-1520AE



Denon PMA-1520AE



Jamo PHỐI GHÉP XEM PHIM, NGHE NHẠC

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa chính Loa Sur Loa Cent Loa Sub	JJamo C 109 Jamo C 10 Sur Jamo C 10 Cent Jamo SUB J 112/ SUB J 110	Jamo C 103 Jamo C 10 Sur Jamo C 10 Cent Jamo SUB J12 / J 10/ SUB 210
Ampli đề nghị	Denon AVR-X7200W Denon AVR-X6200W Denon AVR-X5200W	Denon AVR-X3200W Denon AVR-X3100W
Đầu phát	Denon DBT-3313UD	Denon DBT-1713UD

Denon DBT-1713UD



Denon AVR-X2100W





K-28F/K-26F/R-15M/R-14M

Klipsch
Reference
Base

**PHỐI GHÉP
NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO**

Reference là dòng loa mới của Klipsch, phát triển năm 2014. Loa vẫn giữ lại đường nét thiết kế của dòng Reference II và thay đổi củ loa thế hệ mới và bộ phân tần cũng được cải tiến cho âm thanh hay hơn.

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa	Klipsch R-28F/R-26F	Klipsch R-15M/R-14M
Ampli để nghị	Denon PMA-2020AE Denon PMA-1520AE Cambridge CXA80 Cambridge CXA60	Denon PMA-720AE Denon PMA-520AE Denon PMA-50 Cambridge CXA60 Cambridge AM10
Đầu phát	Denon DCD-2020AE Denon DCD-1520AE Cambridge CXC	Denon DCD-720AE Denon DCD-520AE Denon DCD-50 Cambridge CD10 Cambridge CD5

Denon DCD-520AE



Denon PMA-520AE



Klipsch
Reference
Base

**PHỐI GHÉP
XEM PHIM, NGHE NHẠC**

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa chính Loa Sur Loa Cent Loa Sub	Klipsch K-28F/K-26F Klipsch R-14S Klipsch R-25C Klipsch R-12W	Klipsch R-15M/R-14M Klipsch R-14S Klipsch R-25C Klipsch R-10W
Ampli để nghị	Denon AVR-X4200W Denon AVR-X3200W Denon AVR-X4100W Denon AVR-X3100W	Denon AVR-2200W Denon AVR-1200W Denon AVR-520BT Denon AVR-X510BT
Đầu phát	Denon DBT-3313UD	Denon DBT-1713UD

Denon AVR-X2100W



Denon DBT-1713UD





RP-280F/RP-260F/RP-250F/
RP-160M/RP-150M

Klipsch
Reference
Premiere

**PHỐI GHÉP
NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO**

Reference Premiere là dòng loa mới của Klipsch, phát triển năm 2015, thay thế dòng Reference II. Loa vẫn giữ lại đường nét thiết kế của dòng Reference II và thay đổi củ loa thế hệ mới và bộ phân tần cũng được cải tiến cho âm thanh hay hơn.

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa	RF-7II/RP-280F/RP-260F	RP-250F/RP-160M//RP-150M
Ampli để nghe	Denon PMA-2020AE Denon PMA-1520AE Cambridge 851A Cambridge CXA80 Cambridge CXA60	Denon PMA-720AE Denon PMA-520AE Denon PMA-50 Cambridge CXA60 Cambridge AM10
Đầu phát	Denon DCD-2020AE Denon DCD-1520AE Cambridge 851C Cambridge CXC	Denon DCD-720AE Denon DCD-520AE Denon DCD-50 Cambridge CD10 Cambridge CD5

Denon DCD-520AE



Denon PMA-520AE



Klipsch
Reference
Premiere

**PHỐI GHÉP
XEM PHIM, NGHE NHẠC**

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m ²	Phòng nhỏ hơn 20m ²
Loa chính Loa Sur Loa Cent Loa Sub	Klipsch RF7II/RP-280F/RP-260F Klipsch RP-250S Klipsch RP-450C/ RP-440C Klipsch R-115W/ R-112W	Klipsch RP-250F/RP-160M//RP-150M Klipsch RP-240S Klipsch RP-250C Klipsch R-110W
Ampli để nghe	Denon AVR-X7200W Denon AVR X6200W Denon AVR-X5200W Denon AVR-X4200W Denon AVR-X3200W Denon AVR-X3100W	Denon AVR-X2200W Denon AVR-X1200W Denon AVR-X520BT Denon AVR-X510BT
Đầu phát	Denon DBT-3313UD	Denon DBT-1713UD

Denon DBT-1713UD



Denon AVR-X2100W





PHỐI GHÉP
NGHE NHẠC 2 KÊNH STEREO

Silver là dòng loa mới của Monitor Audio. Nó thay thế cho dòng Silver RX trước đây. Loa thể hiện trung âm cực rõ và tần số cao lên đến 35kHz. Dòng loa này thích hợp cho nhiều thể loại nhạc, tùy theo phối ghép với Ampli.

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m²	Phòng nhỏ hơn 20m²
Loa	Monitor Audio Silver 10 Monitor Audio Silver 8	Monitor Audio Silver 6 Monitor Audio Silver 2 Monitor Audio Silver 1
Ampli để nghị	Denon PMA-2020AE Denon PMA-1520AE Cambridge Audio 851A Cambridge Audio CXA80	Denon PMA-1520AE Denon PMA-720AE Denon PMA-520AE Cambridge Audio 651A Cambridge Audio CXA80 Cambridge Audio CXA60 Cambridge Audio AM10
Đầu phát	Denon DCD-2020AE Denon DCD-1520AE Cambridge Audio 851C Cambridge Audio CXC	Denon DCD-720AE Denon DCD-520AE Cambridge Audio 651C Cambridge Audio 351C Cambridge Audio CD5 Cambridge Audio CD10

Denon DCD-720AE



Denon PMA-720AE



PHỐI GHÉP
XEM PHIM, NGHE NHẠC

Monitor Audio Silver là dòng loa dành cho phòng chiếu phim, nghe nhạc cao cấp. Với thiết kế mỹ thuật và chất liệu

Thiết bị	Phòng lớn hơn 20m²	Phòng nhỏ hơn 20m²
Loa chính	Monitor Audio Silver 10 Monitor Audio Silver 8	Monitor Audio Silver 6/ Silver 2/Silver 1
Loa Sur Loa Cent Loa Sub	Monitor Audio Silver FX Monitor Audio Silver Centre Monitor Audio Silver W 12	Monitor Audio Silver FX Monitor Audio Silver Centre Monitor Audio Silver W 12
Ampli để nghị	Denon AVR-X6200W Denon AVR-X4200W Denon AVR-X3200W Denon AVR-X5200W Denon AVR-X4100W Denon AVR-X3100W	Denon AVR-X3200W Denon AVR-X2100W Denon AVR-X1200W Denon AVR-X3100W
Đầu phát	Denon DBT-3313UD	Denon DBT-1713UD

Denon DBT-1713UD



Denon AVR-X2100W





HÁT HAY VỚI
HỆ THỐNG
KARAOKE
CAO CẤP

Đối với những ai thích sự đơn giản, gọn gàng, chỉ cần một ampli Karaoke Master-Audio HS 8200 kết nối với loa JBL KS-308 hoặc KS-310 là có thể hát hay. Nếu muốn tiếng trầm mạnh, mẽm và xuống thấp, chúng ta nên dùng thêm một loa sub để tăng hiệu ứng.

Các bạn nào muốn hệ thống Karaoke “đỉnh đám” hơn thì có thể dùng Power đầy kết hợp Mixer rời. Trường hợp nhưng vậy hãy dùng Power của Crown như Xli 1500/2500 hoặc XLS 1500/2000/2500 kết hợp với loa JBL KS 310, KS 312, Ki 110/Ki 112 hoặc các dòng loa khác của JBL.

Micro là thành phần rất quan trọng trong hệ thống Karaoke. Nếu bạn đã sắm đầy đủ tất cả các thiết bị tốt nhất nhưng chỉ dùng Micro không chuẩn, sẽ làm cho giọng hát bạn không hay hoặc sẽ bị hụt hơi khi hát. Micro AKG với nhiều mẫu để bạn lựa chọn. Hàng nhập chính thức từ hãng, không nhái nên sẽ giúp bạn thoải mái hơn khi hát ca giải trí.



JBL Pro là h.ng chuyên làm loa phục vụ biểu diễn chuyên nghiệp. Hầu như tất cả các rạp hát, các show biểu diễn live trên khắp thế giới đều dùng JBL với niềm tin tuyệt đối về chất lượng âm thanh.

JBL KS 300 Series

Loa Karaoke



Model	JBL KS-312	JBL KS-310	JBL KS-308
Dải tần	65Hz-20KHz	65Hz-20KHz	70Hz-20KHz
Độ nhạy (1w/1m)	90dB	88dB	86dB
Trở kháng	8ohm	8ohm	8ohm
Maximum SPL	115dB (121dB peak)	113dB (119dB peak)	110dB (116dB peak)
Công suất chịu đựng	350W/700W/1400W	250W/500W/1000W	150W/300W/600W
Kích thước (C x N x S)	344 x 595 x 360 mm	290 x 525 x 320 mm	235 x 435 x 295 mm
Trọng lượng	16.2kg /1 cái	11.5kg/1 cái	8.1kg/1 cái

JBL Ki 100 Series

Loa Karaoke



Model	Ki 110	Ki 112
Dải tần (-10 dB)	48Hz-18kHz	45Hz-18 KHz
Độ nhạy (1w/1m)	89dB	90dB
Trở kháng	8ohms	8ohms
Maximum SPL	115dB (121dB peak)	115dB (121dB peak)
Công suất chịu đựng	150W/300W/600W	250W/500W/1000W
Kích thước (C x N x S)	290 x 506 x 320 mm	350 x 586 x 368 mm
Trọng lượng	12.4kg	17.8kg

Master Audio HS 8200

Ampli Karaoke



Ampli Karaoke với mixer được nghiên cứu và phát triển tại Korea.

Thiết kế cẩn thận với quạt hút nhiệt phía sau máy, dùng rờ-le nhiệt để khởi động, giúp máy hoạt động thời gian dài cả ngày mà không bị nóng máy.

Bộ nguồn được thiết kế để hoạt động tốt từ 185 V - 265 V

Công suất ra loa: 180 W + 180 W (8 Ohm).

Ba ngõ vào Micro.

Ngõ ra audio dùng làm mixer kết nối với power ngoài.

Chỉnh được treble, bass cho Micro.

Chọn chế độ hát.

Ba trạm cắm dây loa (hai loại vặn hoặc nhấn), có thể đấu song song ba cặp loa cùng một lúc.

Remote đầy đủ chức năng như chọn ngõ vào, chỉnh âm lượng, chọn chế độ hát.

Màu: Trắng, Vàng và Đen.

Mixer

Mixer dùng phối ghép vào hệ thống Karaoke dùng power đầy. Mixer kết nối với Power, các thiết bị khác như đầu Karaoke và Micro sẽ cắm vào Mixer



Mixer JBL KX 100

JBL KX-100Vừa là một Mixer+professor vừa là preampli với đầy đủ các tính năng. Đặc biệt sản phẩm thiết kế chuyên cho Karaoke giúp người dùng dễ dàng kết nối vào ampli của hệ thống âm thanh gia đình. KX-100 là sự kết hợp các tính năng và đặc điểm kỹ thuật những sản phẩm chuyên dụng của hãng dbx và Lexicon được lựa chọn bởi nhiều ca sĩ trên thế giới.

Lưu trữ đến 60 chương trình (30 cài sẵn từ nhà máy, 30 người dùng tự cài và nhớ lại bằng nút store). Khi hát ta chỉ cần chọn chương trình nào phù hợp với giọng mình và hát, không cần chỉnh nhiều lần.

Tính năng chống hú hiệu quả

Xử dụng kỹ thuật hiệu ứng delay nổi tiếng của Lexicon®

Xử lý của dbx® processing (feedback elimination, EQ, AGC, limiting, crossover, and microphone exciter)

Thay đổi âm vực phù hợp với nhiều giọng ca

Chế độ Dance tự động tăng cường sub

6 ngõ vào Micro (3 mặt trước, 2 mặt sau)

3 ngõ vào RCA audio/video switching kết nối nhiều thiết bị

Tích hợp Mixer trộn tiếng tiếng microphones, music, and effects

Ngõ ra Record dùng ghi lại bài hát

Ngõ USB kết hợp software và update firmware

Remote đầy đủ tính năng

Power

Crown XLi 800/1500/2000/2500



	DUAL		BRIDGED
Model	4-ohm	8-ohm	8-ohm
800	300W	200W	600W
1500	450W	330W	900W
2500	750W	500W	1,500W
3500	1,350W	1,000W	2,700W

Ngõ vào: RCA x 1/ XLR x1

Crown XLS 1000/1500/2000/2500



	DUAL			BRIDGED	
Model	2-ohm	4-ohm	8-ohm	4-ohm	8-ohm
1000	550W	350W	215W	1,100W	700W
1500	775W	525W	300W	1,550W	1,050W
2000	1,050W	650W	375W	2,100W	1,300W
2500	1,200W	775W	440W	2,400W	1,550W

Ngõ vào: RCA x 1/ XLR x1

Ngõ ra jack 6 ly song song với XLR dùng kết nối với power khác

Micro có dây



AKG P3 S Perception

Tần số : 40Hz-20000Hz
Độ nhạy : 2.5mV/Pa
Trở kháng : 600Ω
Trọng lượng : 320g



AKG P5 S Perception

Dải tần : 40Hz-20000Hz
Độ nhạy : 2.5mV/Pa
Trở kháng : 580Ω
Trọng lượng : 320g



AKG D5 S

Dải tần : 70Hz-20000Hz
Độ nhạy : 2.6mV/Pa
Trở kháng : 600Ω
Trọng lượng : 320g

Micro không dây

AKG WMS 40 Mini Vocal Set

Micro không dây, 1 cây (mua thêm cây thứ 2).



Âm thanh rõ ràng, trong trẻo
Thiết kế phân cực Cardioid với đầu thu giọng nói phía trước và làm giảm tiếng ồn không mong muốn phía sau.
Lưới được thiết kế ngăn ảnh hưởng của tiếng gió bên ngoài.
Khởi động nhanh trong vòng vài giây.

Dải tần : 40Hz-20000Hz
Signal to noise : 110dB-A
Radio range : 20m
Pin AA
Trọng lượng : 195g
Đầu thu kết nối jack 6 ly

AKG Perception 45 Vocal Set Micro Wireless

Micro không dây, 1 cây.



Âm thanh trung thực, trong trẻo
Thiết kế phân cực Cardioid với đầu thu giọng nói phía trước và làm giảm tiếng ồn không mong muốn phía sau.
Lưới được thiết kế ngăn ảnh hưởng của tiếng gió bên ngoài.
Khởi động nhanh trong vòng vài giây.
Pin sạc sử dụng được 8 giờ

Dải tần : 70Hz-20000Hz
Signal to noise : 105dB-A
Radio range : 30m
Pin AA
Trọng lượng : 214g
Đầu thu kết nối jack Balance XLR

AKG DMS 70 Q Vocal Set

Micro không dây, 2 cây



DMS 70 Q là Micro dùng để cho ca sỹ chuyên nghiệp hoặc dùng hát Karaoke gia đình.

Thiết kế đặc biệt, giúp lấy giọng tốt. Kỹ thuật Varimotion cho âm thanh trung thực, sắc nét

Thiết kế phân cực Supercardioid với đầu thu giọng nói phía trước và làm giảm tiếng ồn không mong muốn phía sau kể cả trên sân khấu ồn ào.

Lưới bao được thiết kế ngăn ảnh hưởng của tiếng gió bên ngoài.

Đầu thu kết nối cùng lúc với 4 micro với mã hóa tiêu chuẩn AES 128 bit.

Tự động chọn tần số tối ưu nhất để kết nối.

Khởi động nhanh trong vòng vài giây.

Pin sạc sử dụng 6 giờ

Dải tần : 70Hz-20000Hz
Signal to noise : 120dB-A
Radio range : 30m
Pin AA
Trọng lượng : 260g
Đầu thu kết nối jack Balance XLR



Denon DSB-200

Loa kết nối Bluetooth - NFC Bluetooth pairing

Kết nối với tất cả các thiết bị phát bluetooth.
Âm thanh xuất sắc từ hệ thống loa hifi
Làm máy sạc dự phòng cho thiết bị di động
Pin sạc có thể chơi 10 giờ



Denon Envaya Mini

Loa kết nối Bluetooth - NFC Bluetooth pairing

Loa bluetooth chống nước, pin dùng liên tục 10 giờ
Âm thanh xuất sắc với ngỗ kết nối kỹ thuật MaxxAudio® technology
Bluetooth® aptX® Low Latency
Hai loa 40mm Full Range và một màng loa passive 40 x 83mm cho âm bass dồi dào
NFC Pairing kết nối nhanh chóng
Tích hợp Micro kỹ thuật triệt ồn dùng trả lời điện thoại
Có túi đựng



Go

Go với thiết kế gọn nhẹ dùng kết nối với các thiết bị nghe nhạc cầm tay như iPhone và các điện thoại thông minh khác. Loa bao gồm 2 loa treble titan, 2 bass 50mm và 1 loa bass cộng hưởng phía sau, cho âm thanh nét và bass mạnh
Bluetooth NFC với AptX
Ngõ vào 3.5 ly
USB dùng sạc pin điện thoại. Pin sạc lithium-ion dùng liên tục 18 giờ

G2

G2 có kích thước siêu nhỏ, cầm gọn trong tay, có thể đem theo dễ dàng đến bất kỳ đâu
Âm thanh nét và bass mạnh
Bluetooth NFC với AptX. Ngõ vào 3.5 ly
USB dùng sạc pin điện thoại. Pin sạc lithium-ion dùng liên tục 10 giờ.
Chức năng bấm trả lời điện thoại trực tiếp trên G2





Mini



Klipsch KMC-3

Loa nghe nhạc kết nối bluetooth

Loa nghe nhạc xách tay 2.1 với loa sub bên trong

Kết nối nhanh và dễ dàng bằng sóng Bluetooth

Kỹ thuật sóng Bluetooth ApyX cho phép truyền tín hiệu âm thanh chất lượng cao

Ngõ vào 3.5 để kết nối thiết bị không dùng sóng Bluetooth

Ngõ cắm USB dùng sạc smartphone

Dùng được pin

Thiết kế dùng ngoài trời cho âm thanh rõ ràng mạnh mẽ

Công suất: tối đa 130W

Tần số: 45Hz-24kHz

Kích thước: 183x432x140mm

Trọng lượng: 3.5kg



Klipsch KMC-1



Loa nghe nhạc kết nối bluetooth

Ngõ vào 3.5 để kết nối thiết bị không dùng sóng Bluetooth

Ngõ cắm USB dùng sạc smartphone

Pin sạc dùng được 16 giờ.

Thiết kế dùng ngoài trời cho âm thanh rõ ràng mạnh mẽ

Công suất: tối đa 40W

Tần số: 65Hz-18kHz

Kích thước: 109x102x86mm



Klipsch GiG Portable Wireless Music System

Loa nghe nhạc kết nối bluetooth



GiG là một loa nhỏ cỡ bằng bàn tay với thiết kế đẹp mắt, kết nối bằng sóng Bluetooth hoặc ngõ AUX 3.5 ly. Sản phẩm hướng đến sự tiện ích vì tính nhỏ gọn, dễ dàng bố trí trên bàn làm việc, trên giường hoặc bất kỳ đâu khi bạn muốn nó theo bạn!

Công suất: tối đa 20W

Tần số: 77Hz-20kHz

Kích thước: 91x178x53mm

Trọng lượng: 0.6kg





Music Maniac là dòng tai nghe cao cấp dùng cho các Audiophile những người yêu thích âm thanh chất lượng cao nhất.

Denon AH-D7100

Màng loa có đường kính 50 mm được làm từ sợi nano cực mịn với kỹ thuật không dùng gân nhúng (Free Edge Nano Fiber Driver). 2 bộ dây, một dùng để nghe trực tiếp và một dùng cho iphone và tương thích với các điện thoại dùng hệ điều hành Android.

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu
Đường kính màng loa	: 50 mm
Driver Type	: Dynamic, Free Edge/Nano Fiber
Trở kháng	: 25 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 5Hz- 45kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone



Denon AH-D600

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu
Đường kính màng loa	: 50 mm
Driver Type	: Dynamic, Free Edge/Nano Fiber
Trở kháng	: 25 Ohm
Độ nhạy	: 108dB/mW
Tần số	: 5Hz - 45kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone



Denon AH-D340

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu
Đường kính màng loa	: 40 mm
Driver Type	: Dynamic, Free Edge/Nano Fiber
Trở kháng	: 36 Ohm
Độ nhạy	: 108 dB/mW
Tần số	: 7Hz - 37kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone



Denon AH-MM400

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu
Đường kính màng loa	: 40 mm
Driver Type	: Dynamic, Free Edge/Nano Fiber
Trở kháng	: 36 Ohm
Độ nhạy	: 108 dB/mW
Tần số	: 10Hz - 40kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone



Denon AH-MM300

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu
Đường kính màng loa	: 40 mm
Driver Type	: Dynamic, Free Edge/Nano Fiber
Trở kháng	: 32 Ohm
Độ nhạy	: 96 dB/mW
Tần số	: 10Hz - 40kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone



Denon AH-MM200

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu, cỡ vừa.
Đường kính màng loa	: 30 mm
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 36 Ohm
Độ nhạy	: 99 dB/mW
Tần số	: 10Hz - 25kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone



Denon AH-C400

Kiểu tai nghe	: Nhét tai
Driver Type	: Dual Balanced Armature
Trở kháng	: 43 Ohm @ 1kHz
Độ nhạy	: 106dB/mW
Tần số	: 4Hz - 20kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone



Denon AH-C250

Kiểu tai nghe	: Nhét tai
Driver Type	: Single Balanced Armature
Trở kháng	: 87 Ohm @ 1kHz
Độ nhạy	: 109dB/mW
Tần số	: 4Hz - 19kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone



Denon AH-C120

Kiểu tai nghe	: Nhét tai
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 32 Ohm
Độ nhạy	: 106 dB/mW
Tần số	: 5Hz - 24kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone.



Denon AH-C50

Kiểu tai nghe	: Nhét tai
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 16 Ohm
Độ nhạy	: 103dB/mW
Tần số	: 20Hz - 23kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone

Denon AH-NCW500

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu, Bluetooth, khuếch đại bên trong
Đường kính màng loa	: 40 mm
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 100 Ohm
Độ nhạy	: 112dB/mW
Tần số	: 5Hz - 37kHz
Điều khiển và Mic	: Có, kết nối Bluetooth

Denon AH-W200

Kiểu tai nghe	: Nhét tai, Bluetooth
Đường kính màng loa	: 11.5 mm
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 16 Ohm
Độ nhạy	: 102dB/mW
Tần số	: 5Hz - 25kHz
Điều khiển và Mic	: Có, kết nối Bluetooth



GLOBE CRUISER

Urban raver



Denon AH-D400

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu, khuếch đại bên trong
Đường kính màng loa	: 50 mm
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 64 Ohm
Độ nhạy	: 115dB/mW
Tần số	: 5Hz - 37kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone.



Denon AH-D320

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu
Đường kính màng loa	: 40mm
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 16 Ohm
Độ nhạy	: 108dB/mW
Tần số	: 6Hz - 37kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone.



Denon AH-C300

Kiểu tai nghe	: Nhét tai
Đường kính màng loa	: 11.5mm X 2
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 16 Ohm
Độ nhạy	: 115dB/mW
Tần số	: 5Hz - 25kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone.



Denon AH-C100

Kiểu tai nghe	: Nhét tai
Đường kính màng loa	: 11.5mm
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 16 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 5Hz - 24kHz
Điều khiển và Mic	: Có, tương thích iPhone.

Denon AH-W150

Kiểu tai nghe	: Nhét tai, Bluetooth
Đường kính màng loa	: 11.5mm
Driver Type	: Dynamic
Trở kháng	: 16 Ohm
Độ nhạy	: 102dB/mW
Tần số	: 5Hz - 25kHz
Điều khiển và Mic	: Có, kết nối Bluetooth.



Exercise Freak



X11i

Kiểu tai nghe	: Nhét tai, tương thích iPhone
Driver design	: Full Range Balanced Armature.
Trở kháng	: 50 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 5Hz- 19kHz
Điều khiển và Mic	: Có, 3 nút điều khiển từ xa



X7i

Kiểu tai nghe	: Nhét tai, tương thích iPhone
Driver design	: Balanced Armatures.
Trở kháng	: 50 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 10Hz - 19kHz
Điều khiển và Mic	: Có, 3 nút điều khiển từ xa.



R6

Kiểu tai nghe	: Nhét tai
Đường kính màng loa	: 6.5 mm
Driver design	: Dual Magnet, Dynamic Moving Coil Micro Speaker
Trở kháng	: 18 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 10Hz - 19kHz



R6m

Kiểu tai nghe	: Nhét tai, có Micro trả lời điện thoại
Đường kính màng loa	: 6.5mm
Driver design	: Dual Magnet, Dynamic Moving Coil Micro Speaker
Trở kháng	: 18 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 10Hz - 19kHz



R6i

Kiểu tai nghe	: Nhét tai, tương thích iPhone
Đường kính màng loa	: 6.5mm
Driver design	: Dual Magnet, Dynamic Moving Coil Micro Speaker
Trở kháng	: 18 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 10Hz - 19kHz



AW-4i

Kiểu tai nghe	: Nhét tai, tương thích iPhone
Đường kính màng loa	: 8.5 mm
Driver design	: Dual Magnet, Dynamic Moving Coil Micro Speaker
Trở kháng	: 18 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 10Hz - 19kHz



Pro Sport AS-5i

Kiểu tai nghe	: Nhét tai, dùng trong thể thao, tương thích iPhone
Đường kính màng loa	: 6.5mm
Driver design	: Dual Magnet, Dynamic Moving Coil Micro Speaker
Trở kháng	: 17 Ohm
Độ nhạy	: 107dB/mW
Tần số	: 10Hz - 19kHz



On-ear headphones



Reference

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu
Đường kính màng loa	: 40mm
Driver design	: Dynamic 40mm Moving Coil
Trở kháng	: 32 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 20Hz - 20kHz
Điều khiển và Mic	: Có, 3 nút điều khiển từ xa



Image ONE Bluetooth

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu
Đường kính màng loa	: 40mm
Driver design	: Wireless on-ear
Trở kháng	: 32 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 16Hz - 23kHz
Điều khiển và Mic	: Có, kết nối Bluetooth

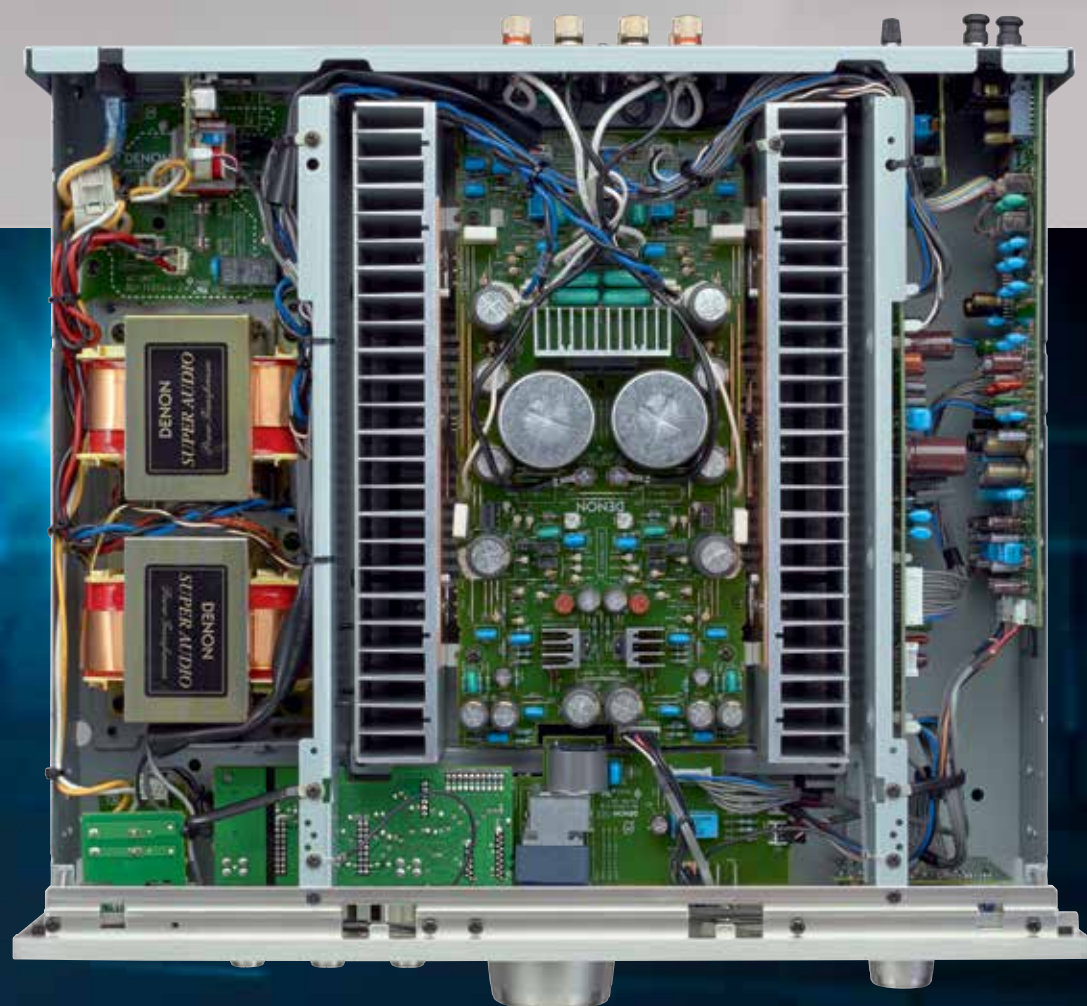


Image ONE (II)

Kiểu tai nghe	: Chụp qua đầu
Đường kính màng loa	: 40mm
Driver design	: Dynamic Moving Coil 40mm Speaker
Trở kháng	: 32 Ohm
Độ nhạy	: 110dB/mW
Tần số	: 16Hz - 23kHz
Điều khiển và Mic	: Có, 3 nút điều khiển từ xa

DENON

The first name in digital audio



Âm thanh hay khi làm ta say đắm. Bạn không cần phải đọc chi tiết các thuật ngữ kỹ thuật

AirPlay

Chức năng Airplay (trên sản phẩm Denon) có các đặc điểm sau đây:

Cho phép bạn phát (truyền) các file nhạc từ PC hoặc Mac (trong iTunes), iPhone, iPad, iPod Touch đến các sản phẩm Denon có hỗ trợ tính năng AirPlay thông qua mạng LAN internet.



Truyền phát âm thanh khi chơi các chương trình Game trên iPhone, iPad, iPod Touch đến các thiết bị Denon như Ampli, dàn máy có tính năng AirPlay.

Cũng với tính năng AirPlay bạn cũng có thể điều chỉnh các thiết bị Denon có đặc điểm này bằng iPhone, iPad, iPod Touch hoặc từ PC qua các giao diện Remote App tải trên iTunes (gõ trên Google từ khóa "Denon Remote App" và tải về).

Minimum signal path design/Thiết kế đường dẫn tín hiệu ngắn nhất

Với kỹ thuật hiện đại tiên tiến nhất, nhóm kỹ sư Denon đã thiết kế mạch in theo nguyên lý "đơn giản và thẳng đường" (simple and straight). Kỹ thuật này làm đường dẫn tín hiệu trong mạch in có khoảng cách ngắn nhất, không vòng vèo, giúp tín hiệu hình và tiếng không bị suy yếu, khi phát lại âm thanh và hình ảnh rõ và sạch sẽ hơn.



Direct Mechanical Ground Construction/Cấu trúc tiếp đất

Bộ phận gây ra nhiều rung chấn là biến áp nguồn, được gắn trực tiếp xuống sàn máy, ngay trên chân bằng hợp chất gang. Điều này giúp các rung động từ trong ra ngoài và từ ngoài vào trong dễ dàng bị triệt tiêu.

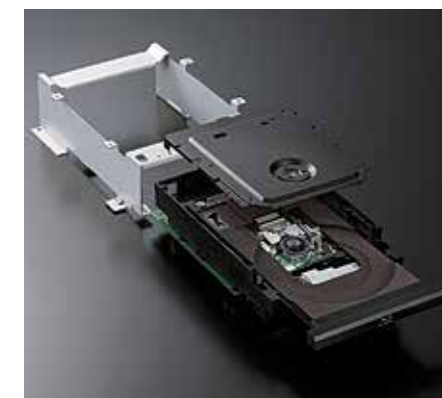
Separated block structure/Cấu trúc khối mạch độc lập

Để ngăn không cho can nhiễu (từ và điện) qua lại giữa các khối mạch điện như mạch cấp nguồn, mạch hình, mạch tiếng và mạch digital, Denon thiết kế phân khối độc lập các mạch này với nhau, bảo đảm chất lượng tiếng và hình khi tái tạo sạch, rõ và độ phân giải cao.



Multi-layer construction/Cấu trúc đa tầng

Công nghệ này đề cập đến cấu trúc vỏ và nắp máy, đặc biệt là đầu phát. Vỏ và nắp máy được làm bằng nhiều lớp với các hợp chất đặc biệt có tính hút và triệt tiêu rung chấn từ ngoài tác động vào, giữ cho máy hoạt động trong môi trường tĩnh lặng. Ở các đầu phát khi các loại đĩa SACD/DVD-A, Blu-ray có tốc độ quay cực kỳ cao, công nghệ «Cấu trúc đa tầng» kết hợp với «Cấu trúc sàn máy tiếp đất» sẽ bảo đảm cho tốc độ ổn định, tiếng và hình khi tái tạo nhờ vậy chính xác nhất.



Advanced S.V.H (Suppress Vibration Hybrid) Mechanism/ Hợp chất chống rung tối ưu

Công nghệ này nói đến hệ thống ổ đĩa của đầu phát. Cấu tạo bộ cơ đặc biệt, ra vào êm ái và chống rung hiệu quả. Ổ đĩa bố trí ngay giữa ở vị trí thấp sát sàn máy nhằm hạn chế rung phát sinh khi mô-tơ hoạt động. Bộ cơ có những đặc điểm đáng chú ý sau:

- Nắp đẩy hộc đĩa bằng thép nhiều lớp có trọng lượng rất nặng.
- Hệ thống thắng phanh mạnh mẽ hiệu quả.
- Sườn ổ đĩa làm bằng hợp kim gang tráng kẽm.
- Bộ thanh trượt bằng thép với độ láng bóng đặc biệt.
- Các bộ chống rung hộc đĩa ra vào loại mới.
- Khay đĩa bằng gang tráng nhôm mỏng.



Identical quality and power for all channels/Công suất mạnh đồng đều cho tất cả các kênh

Sự xuất hiện của đĩa Blu-ray đòi hỏi chất lượng âm thanh cao cho tất cả các kênh. Denon chủ trương thiết kế mạch công suất cho Ampli đa kênh có chất lượng giống nhau về công suất, đáp tuyến tần số cho tất cả các kênh. Muốn làm được điều này thì mạch cấp nguồn đủ mạnh, các thành phần linh kiện chọn lọc và kiểm tra kỹ trước khi lắp ráp.

7ch Discrete Mono Amp Construction/Cấu trúc mạch công suất 7 kênh độc lập mono

Thiết kế mạch công suất trong ampli receiver 7 kênh hoàn toàn độc lập. Nó giống như 7 ampli mono ghép lại với nhau. Điều này đảm bảo âm thanh sạch và rõ ràng khi phát.

D.D.S.C/Chữ viết tắt của Dynamic Discrete Surround Circuit, có nghĩa là mạch điện surround có cấu trúc tách biệt với hiệu ứng mạnh mẽ sống động.

D.D.S.C - Digital HD

Trên nguyên lý của mạch DDSC, Denon phát triển mạch DDCS-Digital HD. Theo đó các thành phần của bộ xử lý âm thanh surround được tối ưu hóa bằng việc dùng các thành phần rời chất lượng cao như bộ chuyển đổi tín hiệu A/D và D/A với bộ giải mã surround DSP chuyên dụng. DDSC-Digital HD được phát triển rất thích hợp cho các nguồn phát HD hiện nay.

Advanced AL32 Processing

Thuật ngữ này gắn kết với hãng Denon suốt nhiều thập niên qua. Tên đầy đủ là Advanced (Adaptive Line Pattern Harmonized Algorithm) 32 Processing.

Suốt nhiều thập niên, hãng DENON đã nâng cấp từ AL processing cho đến năm 2009 Denon đã chế tạo thành công kỹ thuật chuyển đổi và nâng hệ số chuỗi bit từ 16 bit trên CD thường lên 32 bit ngõ ra để cho âm thanh gần với bản gốc hơn. Kỹ thuật này sau đó được ứng dụng vào các đầu phát CD và DVD của Denon.

Advanced AL 32 Proccessing sử dụng thuật toán phép nội suy dữ liệu để đạt được tín hiệu đầu ra có tần số lấy mẫu và lượng bit nhiều hơn. Nội suy trong toán học là nhờ biểu thức đã có mà ta có thể ước tính giá trị của hàm số tại các điểm chưa có số liệu. Tương tự như thế, kỹ thuật này áp dụng vào mạch AL (Adaptive Line Pattern Harmonized Algorithm), bằng việc phân tích số lượng lớn tần số mẫu trước và sau khi đọc từ CD, mô phỏng nó, rồi nội suy các giá trị tồn tại, cho phép tái tạo một dạng sóng có độ nét, mịn hơn gần với âm thanh nguyên bản.

Compressed Audio Restorer/Tái tạo chất lượng âm thanh từ các file nhạc nén

Khi nén các bản nhạc gốc từ CD qua file định dạng MP3, WMA, AAC thì thường bị mất các dải tần số cao và thấp (1 bản nhạc gốc khoảng 20MB-40MB nén còn lại 5-7MB). Mạch Compressed Audio Restorer của Denon sẽ phục hồi lại các tần số bị mất này, cho âm thanh phát lại gần ngang bằng với bản gốc. Có 4 chế độ để chọn là (Restorer64/Restorer96/RestorerHQ/OFF) tùy vào chất lượng file nhạc để chọn.

Cinema equaliser

Âm thanh trong các phim ghi dưới các định dạng như Dolby Digital, DTS, vì màn ảnh phim nằm trước loa, nên thường chú trọng đến việc chỉnh sửa lại các thành phần làm ảnh hưởng dải tần số cao. Khi đánh qua DVD để xem phim gia đình nếu không hiệu chỉnh lại, âm thanh sẽ rất chất.

Chức năng Cinema Equaliser chỉnh sửa lại các thành phần tần số cao sao cho âm thanh tự nhiên hơn khi xem phim dưới các định dạng này.

Analogue to HDMI up conversion and HDMI to HDMI

Cụm thuật ngữ này ý nghĩa là tín hiệu Analog gồm ngõ Composite, S-video, component sẽ được chuyển đổi thành tín hiệu digital qua ngõ HDMI.

Denon Pixel Image Correction

Kỹ thuật chỉnh sửa điểm ảnh của Denon làm cho hình ảnh chi tiết hơn. Một mạch thuật toán lấy mẫu 9 điểm ảnh theo các hướng chiếu ngang, dọc và các hướng đường chéo nhằm tăng cường và bổ sung ánh sáng, màu sắc cho tự nhiên và chi tiết hơn.

1080/24p output, for maximum enhancement of film texture

Đầu phát Denon được trang bị ngõ ra HDMI 1080/24p có chức năng tái tạo hình ảnh trung thực với các pha chuyển động nhanh nhưng vẫn mịn hình. Với kỹ thuật này, khi ta xem DVD vẫn có chất lượng hình tốt hơn.

Audyssey DSX processing (Wide and Height)

Audyssey DSX mở rộng khả năng hiệu ứng âm thanh trong phim từ các nguồn 5.1 kênh và 7.1 kênh theo hướng rộng và cao gọi là Front wide gồm Left Wide / Right Wide (LW/RW) và Front Height gồm Left Height và Right Height (LH, RH).

Dolby Pro Logic IIz processing (Height extension)

Dolby Pro Logic IIz phát triển hiệu ứng âm thanh thêm 2 kênh trước bên trên gọi là Front Height cho âm thanh tái tạo gần giống với thực tế hơn.

Audyssey MultEQ Auto setup and Room EQ

Dùng 1 micro để thu nhận tín hiệu từ các loa phát ra tại phòng đang đặt bộ dàn này. Dữ liệu được thu nhận qua bộ DSP phân tích và tự động cân chỉnh các tần số cho từng kênh loa, phù hợp với phòng nghe thực tế. Kỹ thuật MultEQ xử lý đến 6 vị trí nghe tốt nhất. Chức năng RoomEQ chỉnh sửa các đáp tuyến tần số để đạt đến sự tối ưu âm thanh trong môi trường nghe của phòng.

Audyssey Dynamic Volume and Dynamic EQ

Audyssey Dynamic Volume có chức năng liên tục dò tìm nguồn phát âm thanh và điều chỉnh volume đến mức tối ưu mà không làm mất đi dynamic range (dải động âm thanh từ đoạn nhỏ nhất đến đoạn lớn nhất trong bản nhạc). Nó cũng có chức năng bù vào sự khác nhau của âm lượng giữa các chương trình. Ví dụ volume sẽ tăng cường khi ta chuyển từ chương trình thể thao qua chương trình tin tức.

Dynamic EQ có chức năng tái tạo lại dải tần số thấp và cao khi volume ở mức thấp nhằm cân bằng dải âm thanh ngang bằng nhau.

Three quick select buttons/ 3 nút chọn nhanh

Trên Receiver có chức năng này cho phép người dùng lưu lại các tính năng cài đặt sẵn để khi nhấn vào là có thể dùng ngay mà không cần can chỉnh lại.

UHC (Ultra High Current) Single Push-Pull Circuit

Mạch khuếch đại công suất single Push-Pull dùng sơ MOSFET chịu dòng siêu cao, loại bỏ những sai biệt do trở kháng đầu ra lệch nhau, tạo mạch công suất cân bằng tuyệt đối. Mạch này dùng 2 MOSFET (mỗi kênh) có cùng số hiệu cho mỗi bên. Nhờ vậy bản kỳ âm và dương đều dẫn trên cùng một loại sơ công suất, tạo cân bằng tuyến tính đầu ra, giúp âm thanh tái tạo có sự tinh tế, mượt mà và nhạc tính hơn.

Audyssey Platinum

Một nhóm gồm các đặc điểm kỹ thuật ứng dụng cân chỉnh cho âm thanh như : Audyssey MultEQ XT32, Audyssey Dynamic Volume, Audyssey Dynamic EQ, Audyssey DSX, Audyssey Sub EQ HT, Audyssey LFC, and Audyssey Pro.

DHCT (Denon High Current Transitors)

Transitor dòng cao của Denon. Trong cách mạch công suất của ampli receiver, Denon dùng transitor dòng cao, cho âm thanh mạnh mẽ hơn.

Dolby Atmos®: Một định dạng âm thanh mới của hãng Dolby phát triển cho các rạp chiếu chuyên nghiệp. Với định dạng này hiệu ứng âm thanh surround sẽ bao phủ hơn, thật hơn, phù hợp với nội dung trong phim hơn. Kỹ thuật này ứng dụng vào các receiver xem phim cho đình, làm tăng phần thích thú khi thưởng thức phim ảnh. Nó bao gồm những đặc điểm sau:

Thêm vào hệ thống loa áp trần cho hiệu ứng thật với nội dung phim hơn. Những âm thanh như mưa rơi trên mái nhà, tiếng máy bay cất cánh được định vị nơi xuất phát chính xác hơn.

Dolby Atmos cho phép các nhà làm phim sự sáng tạo không hạn qua việc đánh các hiệu ứng âm thanh lên nội dung phim, nhằm tạo một hiệu ứng hoàn chỉnh hơn.

Trang bị phòng chiếu cho Dolby Atmos sử dụng lên đến 64 loa được điều khiển độc lập. Bạn sẽ trải nghiệm sức mạnh và tác động phi thường như đạo diễn muốn. Bạn cũng sẽ nghe các chi tiết tinh tế nhất với độ rõ nét tuyệt vời.



AVR-X7200WA

Ampli Receiver 9.2 kênh với Dolby Atmos, AURO 3D, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.

Đặc điểm kỹ thuật:

- Công suất: 190W x 9 (6ohm, 1kHz,THD 0.7%,)
- 150W x 9 (8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)
- 9.2ch với mạch DHCT và 11.2 processing
- Dolby Atmos 11 Channel processing (7.1.4)
- Mạch DDSC-HD với AL32 Processing Plus nghe nhạc stereo hay hơn
- Mạch DSD (Direct Stream Digital)
- HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support
- 3 zone cho 3 nguồn phát khác nhau
- Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI
- Hỗ trợ “Denon Remote App” để có thể điều khiển ampli từ iPod/iPhone hoặc smartphone chạy phần mềm Android.
- Tính năng AirPlay có thể truyền phát các file nhạc từ iPad, iPhone và iPod touch hoặc từ iTunes trong PC đến ampli.
- Bluetooth cho phép các thiết bị nghe nhạc cầm tay hoặc smartphone có thể phát nhạc trực tiếp vào ampli.
- Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ XT32/LFC

Định dạng:

- Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo:X 11.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX,
- DSD, FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB
- Mạch Audyssey LFC giải quyết vấn đề âm thanh tần số thấp làm ảnh hưởng đến người phòng kế bên.

Kết nối:

- Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
- Denon link HD
- Ngõ vào : HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x5, Component x2, RCA Audio x 7, USB x 1
- Ngõ ra: HDMI x 3 (2Main + Zone HDMI out), Composite x 2, Component x 1
- Ngõ ra Preout: 13.2
- Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
- Trạm cắm loa mạ vàng
- Kích thước: 196x 434 x 437mm
- Trọng lượng: 17.1Kg



AVR-X6200W

Ampli Receiver 9.2 kênh với Dolby Atmos, AURO 3D, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.

Đặc điểm kỹ thuật:

- Công suất: 175W x 9 (6ohm, 1kHz,THD 0.7%,)
- 140W x 9 (8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)
- 9.2ch với mạch DHCT và 11.2 processing
- Dolby Atmos 11 Channel processing (7.1.4)
- Mạch DDSC-HD với AL24 Processing Plus nghe nhạc stereo hay hơn
- Mạch DSD (Direct Stream Digital)
- HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support
- 3 zone cho 3 nguồn phát khác nhau
- Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI
- Hỗ trợ “Denon Remote App” để có thể điều khiển ampli từ iPod/iPhone hoặc smartphone chạy phần mềm Android.
- Tính năng AirPlay có thể truyền phát các file nhạc từ iPad, iPhone và iPod touch hoặc từ iTunes trong PC đến ampli.
- Bluetooth cho phép các thiết bị nghe nhạc cầm tay hoặc smartphone có thể phát nhạc trực tiếp vào ampli.
- Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ XT32/LFC

Định dạng:

- Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo:X 11.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX.
- DSD, FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB
- Mạch Audyssey LFC giải quyết vấn đề âm thanh tần số thấp làm ảnh hưởng đến người phòng kế bên.

Kết nối:

- Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
- Denon link HD
- Ngõ vào : HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x5, Component x2, RCA Audio x 7, USB x 1
- Ngõ ra: HDMI x 3 (2Main + Zone HDMI out), Composite x 2, Component x 1
- Ngõ ra Preout: 13.2
- Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
- Trạm cắm loa mạ vàng
- Kích thước: 167x 434 x 393 mm
- Trọng lượng: 14.2Kg



AVR-X4200 W

Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.

Đặc điểm kỹ thuật:

- Công suất:1 65W x 7(6ohm, 1kHz,THD 0.7%,)
- 125W x 7(8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)
- 7.2ch với mạch DHCT và 9.2 processing
- Dolby Atmos 9 Channel processing (5.1.4 & 7.1.2)
- Mạch DDSC-HD với AL24 Processing Plus nghe nhạc stereo hay hơn.
- Mạch DSD (Direct Stream Digital)
- HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support
- 3 zone cho 3 nguồn phát khác nhau
- Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI
- Hỗ trợ “Denon Remote App” để có thể điều khiển ampli từ iPod/iPhone hoặc smartphone chạy phần mềm Android.
- Tính năng AirPlay có thể truyền phát các file nhạc từ iPad, iPhone và iPod touch hoặc từ iTunes trong PC đến ampli.
- Bluetooth cho phép các thiết bị nghe nhạc cầm tay hoặc smartphone có thể phát nhạc trực tiếp vào ampli.
- Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ XT32/LFC

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo:X 9.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX.
DSD, FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB
Mạch Audyssey LFC giải quyết vấn đề âm thanh tần số thấp làm ảnh hưởng đến người phòng kế bên.

Kết nối:

Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
Denon link HD
Ngõ vào : HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x 3, Component x 2, RCA Audio x 6
Ngõ ra: HDMI x 3 (2 Main + Zone HDMI out),
Ngõ ra Preout: 13.2
Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
Kích thước: 167 x 434 x 389
Trọng lượng: 12.Kg



AVR-X3200 W

Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.

Đặc điểm kỹ thuật:

- Công suất: 135W x 7(6ohm, 1kHz,THD 0.7%,)
- 105W x 7(8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)
- Dolby Atmos 7 Channel processing (5.1.2)
- Mạch DSD (Direct Stream Digital)
- HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support
- 2 zone cho 2 nguồn phát khác nhau
- Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI
- Hỗ trợ “Denon Remote App” để có thể điều khiển ampli từ iPod/iPhone hoặc smartphone chạy phần mềm Android.
- Tính năng AirPlay có thể truyền phát các file nhạc từ iPad, iPhone và iPod touch hoặc từ iTunes trong PC đến ampli.
- Bluetooth cho phép các thiết bị nghe nhạc cầm tay hoặc smartphone có thể phát nhạc trực tiếp vào ampli.
- Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ

Định dạng:

Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS Neo:X 9.1, Dolby Pro Logic IIz, Audyssey DSX.
DSD, FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Kết nối:

Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
Ngõ vào : HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Coax x 2, Composite x3, Component x2, RCA Audio x 5
Ngõ ra: HDMI x 2 (Zone HDMI out)
Ngõ ra Preout: 7.2
Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
Kích thước: 167 x 434 x 388 mm
Trọng lượng: 11.1Kg



AVR-X2200 W

Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.

Đặc điểm kỹ thuật:

- Công suất: 125W x 7(6ohm, 1kHz,THD 0.7%),
- 95W x 7(8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)
- Dolby Atmos 7 Channel processing (5.1.2)
- Mạch DSD (Direct Stream Digital)
- support
- 2 zone cho 2 nguồn phát khác nhau
- Chuyển đổi tất cả các nguồn hình vào và up scale lên 4K (3840x 2160 pixels) cho ra ngõ HDMI
- Hỗ trợ “Denon Remote App” để có thể điều khiển ampli từ iPod/iPhone hoặc smartphone chạy phần mềm Android.
- Tính năng AirPlay có thể truyền phát các file nhạc từ iPad, iPhone và iPod touch hoặc từ iTunes trong PC đến ampli.
- Bluetooth cho phép các thiết bị nghe nhạc cầm tay hoặc smartphone có thể phát nhạc trực tiếp vào ampli.
- Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ

Định dạng:

- Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS-UHD, DTS:X ready (update firmware), Dolby Pro Logic IIz, Audyssey
- DSD, FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Kết nối:

- Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
- Ngõ vào : HDMI x 8 (1 trước, 7 sau), Opt x 2, Composite x 2, RCA Audio x 4, USB x 1
- Ngõ ra: HDMI x 2
- Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
- Kích thước: 167 x434x339 mm
- Trọng lượng: 9.4Kg



AVR-X1200 W

Ampli Receiver 7.2 kênh với Dolby Atmos, kết nối Wifi, Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D.

Đặc điểm kỹ thuật:

- Công suất: 120W x 7(6ohm, 1kHz,THD 0.7%),
- 80W x 7(8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)
- Dolby Atmos 7 Channel processing (5.1.2)
- Mạch DSD (Direct Stream Digital)
- HDMI 2.0 với 4K Ultra HD 60Hz, HDCP 2.2 support
- 2 zone cho 2 nguồn phát khác nhau
- Hỗ trợ “Denon Remote App” để có thể điều khiển ampli từ iPod/iPhone hoặc smartphone chạy phần mềm Android.
- Tính năng AirPlay có thể truyền phát các file nhạc từ iPad, iPhone và iPod touch hoặc từ iTunes trong PC đến ampli.
- Bluetooth cho phép các thiết bị nghe nhạc cầm tay hoặc smartphone có thể phát nhạc trực tiếp vào ampli.
- Kỹ thuật setup phòng phim: Audyssey MultEQ với 8 chỗ ngồi nghe lý tưởng.

Định dạng:

- Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio, DTS:X ready (update firmware), Dolby Pro Logic IIz, Audyssey
- DSD, FLAC, ALAC, AIFF qua ngõ USB

Kết nối:

- Networking: AirPlay, Internet Radio, Spotify Connect, DSD & AIFF streaming và DLNA 1.5
- Ngõ vào: HDMI x 6 (1 trước, 5 sau), Opt x 2, Composite video x 2, RCA Audio x 2, USB x 1
- Ngõ ra: HDMI x 1, composite monitor x 1,
- Cắm và phát các thiết bị iOS vào USB mặt trước
- Kích thước: 151 x 434 x 339 mm
- Trọng lượng: 8.5 Kg



AVR-X520 BT

Ampli Receiver 5.2 kênh, kết nối Bluetooth, HDMI 2.0, HDCP 2.2, 4K, 3D

Đặc điểm kỹ thuật:

- Công suất : 90W x 5(6ohm, 1kHz,THD 0.7%),
- 70W x 5 (8ohm, 20Hz-20kHz,THD:0.08%)
- 4K Ultra HD/60 Hz Video Pass-through; HDCP 2.2
- Bluetooth cho phép các thiết bị nghe nhạc cầm tay hoặc smartphone có thể phát nhạc trực tiếp vào Ampli.
- Setup phòng phim tự động (Auto setup)
- Điều khiển qua app đối với các smartphone kết nối Bluetooth chạy Android. Ứng dụng dung cho IOS sẽ có trong thời gian sớm.

Định dạng:

- Dolby TrueHD, dts-HD Master Audio
- Tương thích với FLAC HD(96 kHz / 24-bit) khi dùng USB phát nhạc

Kết nối:

- Ngõ vào : HDMI x 5, Opt x 2.
- Ngõ ra: HDMI x 1
- Subwoofer Preout
- Cắm và phát thẻ nhớ chứa các file nhạc vào ngõ USB
- Kích thước: 151 x434x319 mm
- Trọng lượng: 7.5Kg

Hi-Fi Component



Denon PMA-2020AE

Advanced Ultra High Current (UHC)-MOS Single-Push-Pull Circuit Power Amplifier

Công suất: 80W + 80W (8ohm), 160W + 160W (4ohm).
Transitor loại UHC-MOS-FET, mạch công suất Single Push-Pull Circuit.
Kích thước (CxNXS): 181 x 434 x 435 mm.
Trọng lượng: 24.4kg.
Loa đề nghị: Jamo C109, C97, C95. Klipsch RF 7 II. Monitor Audio Silver 10, Boston Acoustics AW 360, M 350.



Denon DCD-2020AE

Đầu phát CD/SACD

Advanced AL32 processor, 32-bit/192 kHz D/A Converter.
Ngõ vào USB mặt trước mặt tương tích iPod/iPhone/iPad.
Ngõ vào USB-B mặt sau tương thích file nhạc 192/24bit trên thẻ nhớ.
Ngõ vào Coaxial/Optical hoạt động như một DAC.
Tương thích MP3/WMA.
Kích thước (CxNXS): 138 x 434 x 335 mm.
Trọng lượng: 13.7kg.



Denon PMA-1520AE

Loa đề nghị: Jamo C109, C97, C95. Klipsch RF82II. Monitor Audio Silver 8, Boston Acoustics AW250, M340

PMA-1520AE là mẫu ampli mới thay thế PMA-1510AE đã thành công nhiều năm qua. Ampli PMA-1520AE cải tiến kỹ thuật, thay thế nhiều linh kiện mới nhất của Denon, nhằm đưa ampli này lên một bậc về chất lượng âm thanh.
Ultra High Current (UHC)-MOS Single-Push-Pull Circuit Power Amplifier.
Công suất: 70W + 70W (8ohm).
140W + 140W (4ohm).
Transitor loại UHC-MOS-FET, mạch công suất Single Push-Pull Circuit.
Kích thước (CxNXS): 134 x 434 x 410 mm
Trọng lượng: 16.1kg.



Denon DCD-1520AE

Đầu phát CD/SACD
Advanced AL32 Processing and high-precision 32-bit/192kHz D/A converter

Ngõ vào USB mặt trước mặt tương tích iPod/iPhone/iPad.
Ngõ vào USB-B mặt sau, dùng kết nối laptop, Mac để phát nhạc như một DAC cao cấp
Tương thích MP3/WMA.
Kích thước (CxNXS): 135 x 434 x 331 mm.
Trọng lượng: 8.2kg

Denon PMA-720AE

Advanced High Current (HC) Single-Push-Pull Circuit



Mặt nhôm phay sang trọng
Mạch Loudness
Speaker A/B
Công suất: 50W + 50W (8ohm), 85W + 85W (4ohm)
Kích thước (CxNXS): 121 x 434 x 308 mm
Trọng lượng: 7.1kg

Denon DCD-720AE

Đầu phát CD



Mạch xử lý AL32 Processing và bộ chuyển đổi D/A 32-bit /192kHz.
Ngõ vào USB mặt trước, tương tích iPod/iPhone/iPad.
Tương thích MP3/WMA.
Kích thước (CxNXS): 107 x 434 x 279 mm.
Trọng lượng: 4.2kg.

Denon PMA-520AE

Advanced High Current (HC) Single-Push-Pull Circuit



Mặt nhôm phay sang trọng.
Mạch Loudness.
Công suất: 45W + 45W (8ohm), 70W + 70W (4ohm)
Kích thước (CxNXS): 121 x 434 x 308 mm
Trọng lượng: 6.8kg

Denon DCD-520AE

Đầu phát CD



Bộ chuyển đổi 32-bit 192kHz D/A dùng chip Burr Brown PCM1791.
Tương thích MP3/WMA.
Kích thước (CxNXS): 107 x 434 x 279 mm
Trọng lượng: 4.0kg.



Denon PMA-50

Ampli digital tích hợp DAC, Bluetooth, digital-in

Ampli nhỏ gọn kết nối Bluetooth, ngõ vào digital để dùng DAC trong ampli.
DAC giải mã dùng mạch Advanced AL32 Processing.
Kỹ thuật ampli digital mới nhất.
Công suất: 50W x 2ch (4ohms, 1kHz, THD 0.7%), khả năng đánh những đôi loa trên 100W.

Kết nối:
Ngõ vào USB-B (hỗ trợ 192/24 và DSD High-Res Audio). Asynchronous mode and bit transparent operation.
Kết nối Bluetooth (hỗ trợ aptX và NFC) cho smartphone/tablet.
Ngõ vào optical x 2 và coaxial x 1 dùng kết nối TV, media player, etc.
Ngõ vào Analogue.
Ngõ ra tai nghe.



Denon DCD-50

Player/Transport

DCD-50 được thiết kế để đi chung với PMA-50. Nó gồm 1 ngõ ra Coaxial và 1 ngõ RCA. Bộ chuyển đổi DA 32 bit/192kHz. Đồng hồ hiển thị OLED. Có thể đặt nằm ngang hoặc đứng.
Tương thích MP3/WMA.
Kích thước (CxNXS): 86x200 x 240mm
Trọng lượng: 2.4kg.

Denon DA-300USB

Bộ DAC chuyển đổi tín hiệu và Headampli chất lượng cao, tương thích định dạng DSD

- DA-300USB là bộ DAC dùng bộ xử lý trong đầu phát cao cấp của Denon là DCD-2020AE. Bộ xử lý dùng thuật toán để nâng độ bit cũng như tần số lấy mẫu làm âm thanh ra hay hơn rất nhiều lần. DA-300USB còn tương thích định dạng DSD. Đây còn là một headampli chất lượng cao, thích hợp cho các audiophile thích nghe tai nghe.
- Cổng USB-B cho phép kết nối với máy vi tính như laptop để chuyển phát các file nhạc chứa trong ổ cứng, được tải về từ internet, cho ra chất lượng âm thanh cao nhất. DAC DA-300USB tương thích hầu hết các định dạng âm thanh như MP3/MP4, AAC, ALAC, WAV and FLAC HD (up to 192 kHz/24 bit) và DSD (2.5Mhz and 5.6Mhz).
- 3 ngõ vào digital, 1 coaxial và 2 optical cho phép các audiophile kết nối nhiều thành phần và DAC DA-300USB để thưởng thức âm thanh chất lượng cao nhất. Ngõ Coaxial và optical hỗ trợ tín hiệu vào PCM lên đến 192/24bit.
- Bộ xử lý Advanced AL32 chuyển đổi và nâng tần số lấy mẫu từ tất cả các nguồn tín hiệu vào (ngoại trừ DSD) thành ra các dữ liệu có độ phân giải cao 192kHz/32bit, cho âm thanh trung thực nhất.
- Bộ vi xử lý Denon Advanced AL32 Processing (32bits, 192kHz).
- Tương thích với PCM 192/24, DSD64 và DSD128.
- Đầu vào: 2 x optical, 1 x coaxial, 1 x USB-B không đồng bộ.
- Jack cắm 6,3mm cho headphone, núm âm lượng, nút chọn đầu vào (cảm ứng).
- USB 2.0 High speed/USB Audio Class Ver.2.0.
- Màn hình OLED với khả năng xoay theo tư thế sử dụng (ngang hoặc đứng).
- Master clock có độ chính xác cao.
- Thiết kế cổng USB-B cô lập với nguồn điện.
- Linh kiện cao cấp cho đầu ra (RCA và headphone).
- Đáp tần: DSD: 2Hz ~ 50kHz (-3 dB) và PCM: 2Hz ~ 20kHz (± 0,5 dB).
- Nhiễu âm SNR (Signal-to-noise ratio): DSD (112dB) và PCM (112dB).
- Tổng méo hài 0,0018% cho cả DSD lẫn PCM.
- Tần số lấy mẫu cho tín hiệu DSD: 2.8224/5.6448MHz.
- Tần số lấy mẫu cho tín hiệu 32/44.1/48/64/88.2/96/176.4/192kHz.
- Đầu ra cho tai nghe: 55 mW/32ohm (1kHz 0dB).



DAC



Denon DA-10

DAC cầm tay, dùng khi ra ngoài và trong nhà. Pin sạc lithium-ion

- Chất lượng âm thanh cao cấp của Denon dùng cho Smartphone/Tablet/Computer.
- Advanced AL32 Processing.
- DAC master clock design.
- PCM1795-192kHz/32bit D/A Cùng loại với DCD-1520AE.
- Hỗ trợ các file âm thanh phân giải cao.
- 192kHz/24bit and DSD (2.8MHz/5.6MHz) files.
- Asynchronous mode.
- Hỗ trợ ASIO, WASAPI EVENT.
- Chế độ analogue output để kết nối Hi-Fi Amp
- Kết nối đa năng.
- USB Micro-B input dùng cho computer.
- USB-A input (cho iPod/iPhone/iPad).
- Mini Jack (AUX) input cho Android hoặc các thiết bị nghe nhạc khác.
- Ngõ ra tai nghe.
- Thiết kế tiện ích.
- Thiết kế nhỏ gọn có thể đem theo ra ngoài
- Kích thước ngang bằng điện thoại iPhone.
- Pin sạc 8 giờ loại lithium-ion.
- Túi đi kèm đủ chứa DA-10 và thiết bị nghe nhạc cầm tay.
- Lỗ cắm tai nghe mạ vàng.
- Volume núm vặn.
- Vỏ máy bằng Alumium.

DA -10 – use case indoor



DA -10 – use case outdoor



Bộ dàn Mi-Ni



Denon Ceol D-N9

Bộ dàn mini nghe nhạc CD, kết nối iPod/iPhone, Network, Airplay, Bluetooth

Kết nối:

- Kết nối iPod/iPhone/iPad qua ngõ USB.
- Kết nối wifi, phát nhạc bằng Airplay, internet radio.
- Cắm và phát được các ổ cứng ngoài chứa file nhạc.
- Truyền phát nhạc bằng sóng Bluetooth và NFC.
- Ngõ vào optical x 2 dùng kết nối tivi.
- Ngõ vào Jack 3.5 ly phía sau máy.
- Computer/NAS music file streaming (DLNA1.5).

Các đặc điểm khác:

- Tương thích với các file nhạc lossless như WAV, FLAC, AIFF, ALAC 192kHz/24bit.
- Tương thích với App Remote Denon.
- Công suất 65W x 2 kênh (4ohm)
- Cắm và phát nhạc trong thẻ nhớ USB.
- Phát được CD, CD-R/CD-RW (WMA or MP3).
- Nghe FM/AM.
- Có 2 màu đen, trắng.



Denon Ceol Piccolo D-N4

Bộ dàn mini, kết nối iPod/iPhone, Network, Airplay, Bluetooth

Kết nối:

- Kết nối iPod/iPhone/iPad qua ngõ USB
- Kết nối wifi, phát nhạc bằng Airplay, internet radio
- Cắm và phát được các ổ cứng ngoài chứa file nhạc
- Truyền phát nhạc bằng sóng Bluetooth và NFC
- Ngõ vào optical dùng kết nối tivi
- Ngõ vào Jack 3.5 ly phía sau máy
- Computer/NAS music file streaming (DLNA1.5)

Các đặc điểm khác:

- Tương thích với các file nhạc lossless như WAV,FLAC, AIFF, ALAC 192kHz/24bit
- Tương thích với App Remote Denon
- Công suất 40w x 2 kênh (4 Ohm)
- Cắm và phát nhạc trong thẻ nhớ USB.
- Nghe FM/AM.
- Có 2 màu đen, trắng.



Denon Ceol Carino D-N2

Bộ dàn mini kết nối Bluetooth, Computer

- USB-B cho kết nối computer
- Truyền phát nhạc bằng sóng Bluetooth
- Công suất 40w x 2 kênh (4 Ohm)
- Có 2 màu đen, trắng.



Denon D-F109

Dàn máy mini nghe nhạc

Dàn máy mini D-F109 với 3 thớt (tùy chọn). Đầu CD có ngõ cắm USB. Thớt Network ngõ USB chạy được WAV 192kHz/24bit, FLAC 192kHz/24bit. Ampli có tăng công suất mạch class D, mạnh mẽ, công suất ra loa 60W x 2 kênh (ohm).

Ngõ vào digital gồm ngõ Coaxial và Optical có thể dùng kết nối với đầu HD xem phim. Ampli có ngõ ra SUB OUT dùng kết nối loa sub ngoài để tăng cường bass. Thích hợp phòng nhỏ, cá nhân, phòng ngủ. Thiết kế sang trọng, nhỏ gọn.



Denon D-M40

Bộ dàn nghe nhạc cá nhân D-M40

Cắm trực tiếp iPod vào máy qua cổng USB.

Tương thích định dạng MP3, WMA, FLAC, WAV, AAC, M4A

Âm thanh trong trẻo, mượt mà. Kiểu dáng sang trọng và hiện đại.

Thích hợp phòng ngủ, đọc sách và các phòng cá nhân có kích thước vừa và nhỏ.

Công suất: 30W x 2 kênh.

Đồng hồ báo giờ.

Mạch chỉnh âm thiết kế tại Châu Âu

Mạch giảm ồn.

Ngõ ra cho subwoofer.

Headphone jack – Ngõ cắm USB – Ngõ cắm iPod 3.5 ly.

2 ngõ vào optical dùng kết nối đầu HD hoặc Tivi.

Kích thước loa (CxRxS): 238 x 145 x 234 mm.

Kích thước máy (CxRxS): 115 x 210 x 308 mm.

Trọng lượng: 4 Kg

Màu: đen và vàng sáng.



THE CREATIVITY OF
ENGINEERING.

Thuật ngữ kỹ thuật

Anti-Diffraction Waveguide

Khó khăn lớn nhất của nhà thiết kế loa thường gặp đó là giải quyết vùng giao thoa giữa 3 tần số cao, trung và thấp sao cho hài hòa. Tại vùng giao thoa này, hai dải tần số trung và thấp có khuynh hướng lấn lướt dải tần số cao. Loa treble được thiết kế với kỹ thuật WaveGuide, có họng loa dẹt và to ra, hướng sóng âm thanh tỏa ra có góc rộng hơn, giúp giảm tối đa độ nhiễu, gia tăng độ mạnh mẽ dải treble thấp. Điều này có nghĩa là cần ít công suất hơn khi đánh và độ méo tiếng thấp hơn.



DTT (Decoupled Tweeter Technology) Kỹ thuật cách ly loa treble với thùng loa.

Khi loa hoạt động ở volume lớn, sóng âm từ các loa mid và bass tác động vào thùng loa, gây rung chấn, ảnh hưởng đến sự tái tạo âm thanh. Chịu ảnh hưởng nhiều nhất là âm tần số cao. Để khắc chế vấn đề này, Jamo sáng chế ra kỹ thuật định vị loa treble trên một nổi đúc bằng hợp chất gang, giữa loa và nổi đúc này được lót các tấm ron có đặc tính triệt tiêu rung chấn. Như vậy khi sóng âm tác động vào loa treble, nhờ kỹ thuật này, rung chấn sẽ bị triệt tiêu, không làm ảnh hưởng đến âm thanh khi tái tạo, giúp âm tần số cao trung thực và chi tiết hơn.



Tweeter Distortion Reduction (TDR)

Màng loa treble được thiết kế với viền loa rộng hơn giúp tái tạo tần số cao và trung cao tốt hơn

Thiết kế cộng hưởng thấp hơn, cho phép âm treble phù hợp với trung âm

Tái hiện tần số cao hơn, mịn hơn, không méo tiếng



HCCC (Hybrid Composition Conical Cone)

Màng loa được làm bằng hợp chất nhôm và sợi gỗ đặc biệt và được dệt có hình tổ ong. Đặc tính màng loa này vừa nhẹ vừa cứng, đáp ứng nhanh các tần số âm thanh. Loa còn có gân nhún làm bằng cao su tự nhiên, giúp giảm rung chấn từ các tác động ngược vào màng loa. Kết quả là loa tái tạo âm tần số trung rất chuẩn xác và trung thực

Aluminum centre-plug:

Mũ loa trước đây được thay bằng kỹ thuật Centre Plug. Nó là một thanh nhôm được anode hóa có trọng lượng rất nhẹ, cắm thẳng xuống tiếp giáp với nam châm, tạo khe hở giữa thỏi nhôm và màng loa, giúp màng loa nhẹ và khi chuyển động hơi nóng thoát ra ngoài, làm mát cuộn coil. Kỹ thuật này cho phép loa đánh thời gian lâu, âm lượng cao mà không méo tiếng.



Long Displacement Surround (LDS)

Gân nhún loại hoàn toàn mới dùng cho loa bass và mid giúp tiếng bass sâu và chặt hơn



Jamo



CONCERT

Sau nhiều năm thành công với hai dòng loa C80 và C 60, Jamo quyết định thay thế chúng bằng hai dòng mới là C10 và C9. Hai dòng này vẫn thuộc series Concert. Jamo cũng đã thay đổi thiết kế hoàn toàn mới từ kiểu dáng cho đến kết cấu kỹ thuật, nhằm cải thiện chất âm hay hơn và kiểu dáng mỹ thuật hơn rất nhiều.

Đặc tính kỹ thuật của dòng loa này bao gồm

ADW (Anti-Diffraction Waveguide)

DTT (Decoupled Tweeter Technology)

TDR (Tweeter Distortion Reduction)

HCCC (Hybrid Composition Conical Cone)

Aluminum centre-plug

LDS (Long Displacement Surround)

(Xem phần Thuật ngữ kỹ thuật của Jamo)

C103

Loa bookshelf

Thông số kỹ thuật:

Tần số	: 45Hz-27kHz
Công suất	: 150W/300W
Độ nhạy	: 88 dB
Trở kháng	: 6ohm
Tweeter	: 25mm dome lụa, Wave Guide
Mid/woofer	: 177mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 420 x 244 x 297
Trọng lượng	: 11.4kg



C10 CEN

Loa centre

Thông số kỹ thuật:

Tần số	: 55Hz-24 kHz
Công suất	: 140W/200W
Độ nhạy	: 88dB
Trở kháng	: 6ohm
tweeter	: 25mm dome lụa, Wave Guide
woofer	: 2 x 101 mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 179 x 460 x 219
Trọng lượng	: 6.8kg



C10 SUR

Loa Surround

Thông số kỹ thuật:

Tần số	: 65 Hz-27kHz
Công suất	: 160/320W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 6ohm
Tweeter	: 25 mm dome lụa, Wave Guide
Woofer	: 2 x 152mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 350 x 400 x200
Trọng lượng	: 9.5kg



C109

C 109 thay thế cho C 809 trước đây, tuy nhiên kiểu dáng loa này hoàn toàn mới. Loa được thiết kế bởi nhóm kỹ sư Đan Mạch. Chất âm được cải thiện tốt hơn rất nhiều.

Đặc điểm kỹ thuật:

Tần số	: 30Hz-27kHz
Công suất	: 200W/400W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6ohm
Tweeter	: 25mm dome lụa, Wave Guide
Mid	: 177mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất bằng sợi gỗ, cứng và nhẹ
Woofer	: 2 x 177, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước (CxRxS)	: 1132 x 234 x 417 mm
Trọng lượng	: 36kg





C97

Jamo C97 thuộc dòng C9, được thiết kế để thay thế cho dòng C60 trước đây. Hình dáng hoàn toàn khác so với dòng C60. Kết cấu kỹ thuật và chất liệu cũng được cải tiến, sao cho chất âm trung thực và nhạc tính hơn.

Thông số kỹ thuật:	
Tần số	: 32Hz-24kHz
Công suất	: 180W/360W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6ohm
tweeter	: 25 mm dome lụa, Wave Guide
Mid	: 152, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất bằng sợi gỗ, cứng và nhẹ
woofer	: 2 x 152mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 1072 x 215 x 342 mm
Trọng lượng	: 23kg



C95

Thông số kỹ thuật:	
Tần số	: 37Hz-24kHz
Công suất	: 165W/330W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6ohm
tweeter	: 25 mm dome lụa, Wave Guide
Mid	: 152 mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Woofer	: 1 x 152, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 982 x 215 x 317
Trọng lượng	: 20kg



C93

Thông số kỹ thuật:	
Tần số	: 45Hz-24kHz
Công suất	: 120W/240W
Độ nhạy	: 88dB
Trở kháng	: 6ohm
Tweeter	: 25mm dome lụa, Wave Guide
Mid/bass	: 152mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 350 x 200 x 259
Trọng lượng	: 6.4kg



C9 CEN

Loa centre

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 55Hz-24kHz
Công suất	: 140W/200W
Độ nhạy	: 88dB
Trở kháng	: 6ohm
Tweeter	: 25 mm dome lụa, Wave Guide
Mid/bass	: 2 x 101 mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 179 x 460 x 219
Trọng lượng	: 6.8kg



C9 SUR

Loa Surround

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 80Hz-24kHz
Công suất	: 120W/180W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 6ohm
Tweeter	: 25 mm dome lụa, Wave Guide
Mid	: 95 mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Woofer	: 1 x 101 mm, màng loa kết cấu tổ ong với hợp chất nhôm và sợi gỗ, cứng và nhẹ
Kích thước	: 350 x 318 x 196
Trọng lượng	: 8.2kg

S628 HCS

Bộ loa 5.0 kênh gồm 2 loa chính S628, 1 loa centre C62 CEN và 2 loa surround C622.

Thông số kỹ thuật

Bass phải hồi (Bass-reflex) cho âm trầm mạnh hơn.
Waveguide: Loa treble với kỹ thuật Waveguide, dải tần từ 2-10kHz nhờ kỹ thuật này tăng độ dynamic và độ chi tiết, giảm méo âm.
Centre-plug: tách rời màng loa và mũi loa, cho màng loa hoạt động nhẹ, đáp ứng nhanh hơn.
Tất cả màng loa đều mạ nhôm, cho cứng và nhẹ, đáp ứng tốt dải mid/lower.
Bass hông mạnh mẽ, khi quay vào tường sẽ cộng hưởng âm trầm tốt hơn.

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Woofer : 1 x 254 mm/bass hông
Loa Mid : 3x 127 mm
Loa Treble : 1 x 25 mm
Công suất : 150/240W
Độ nhạy : 90dB
Trở kháng : 6ohm
Tần số : 37Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS) : 1134 x 190 x 380 mm
Trọng lượng : 25.5kg



S626 HCS

Bộ loa 5.0 kênh, bao gồm 2 loa chính S626, 1 loa centre (62 CEN) , 2 loa surround (S622)

Đặc tính kỹ thuật

S626

Bass phải hồi (Bass-reflex) cho âm trầm mạnh hơn.
Waveguide: Loa treble với kỹ thuật Waveguide, dải tần từ 2-10kHz nhờ kỹ thuật này tăng độ dynamic và độ chi tiết, giảm méo âm.
Centre-plug: tách rời màng loa và mũi loa, cho màng loa hoạt động nhẹ, đáp ứng nhanh hơn.
Tất cả màng loa đều mạ nhôm, cho cứng và nhẹ, đáp ứng tốt dải mid/lower.

Bass hông mạnh mẽ, khi quay vào tường sẽ cộng hưởng âm trầm tốt hơn.

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 3 đường tiếng
Loa Woofer : 1 x 203 mm/bass hông
Loa Mid : 2 x 127 mm
Loa Treble : 1 x 25 mm
Công suất : 130/210W
Độ nhạy : 89dB
Trở kháng : 6ohm
Tần số : 42Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS) : 1080 x 190 x 345 mm
Trọng lượng : 24.1kg

S62 CEN

Loa centre

(dùng chung cho S628 HCS và S626 HCS)

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Woofer/Mid : 2 x 102 mm
Loa Treble : 1 x 25 mm
Công suất : 80/130W
Độ nhạy : 87dB
Trở kháng : 6ohm
Tần số : 75Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS) : 133 x 400 x 210 mm
Trọng lượng : 5.2kg

S622

loa surround

(dùng chung cho S 628 HCS và S 626 HCS)

Thông số kỹ thuật

Hệ thống loa : 2 đường tiếng
Loa Woofer/Mid : 2 x 102 mm
Loa Treble : 1 x 25 mm
Công suất : 80/130W
Độ nhạy : 87dB
Trở kháng : 6ohm
Tần số : 80Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS) : 240 x 133 x 210 mm
Trọng lượng : 6.7kg/1 cặp



S526 HCS

Bộ loa 5.0 kênh, bao gồm 2 loa chính (S526), 1 loa centre (S52 CEN), 2 loa surround (S522).
Loa được cải tiến từ dòng bộ S506 HCS trước đây.

Đặc tính kỹ thuật

S526

Bass phản hồi (Bass-reflex) cho âm trầm mạnh hơn (Loa S526).
Waveguide: Loa treble với kỹ thuật Waveguide, dải tần từ 2-10kHz nhờ kỹ thuật này tăng độ dynamic và độ chi tiết, giảm méo âm.
Centre-plug: tách rời màng loa và mũi loa, cho màng loa hoạt động nhẹ, đáp ứng nhanh hơn.
Tất cả màng loa đều mạ nhôm, cho cứng và nhẹ, đáp ứng tốt dải mid/lower.

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 3 đường tiếng
Loa Woofer	: 2 x 165 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm
Công suất	: 130/180W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6ohm
Tần số	: 45Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1000 x 195 x301 mm
Trọng lượng	: 15.2kg

S52 CEN

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 2 x 102 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm
Công suất	: 100/140W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 6ohm
Tần số	: 75Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS)	: 134 x 400 x 207 mm
Trọng lượng	: 4.7kg

S 522

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 1 x 102 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm
Công suất	: 80/130W
Độ nhạy	: 86dB
Trở kháng	: 6ohm
Tần số	: 80Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS)	: 240x134x202 mm
Trọng lượng	: 2.6kg



S428 HCS

Bộ loa 5.0 kênh, bao gồm 2 loa chính (S428), 1 loa centre (S420 CEN), 2 loa surround (S420 SUR).

Đặc tính kỹ thuật

S428

S428 HCS thuộc dòng Studio của Jamo. Loa chính được thiết kế 2 đường tiếng với 3 loa bass 140 mm, treble dome với kỹ thuật Wave Guide. Công suất tối đa 160W cho âm thanh mạnh mẽ, rất thích hợp cho nghe nhạc và xem phim. Loa được thiết kế đẹp mắt với kích thước tương đối gọn, phù hợp cho việc bố trí trong phòng khách.

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 3 x 140 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm
Công suất	: 100/160W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6ohm
Tần số	: 42Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1070 x 180 x 300 mm
Trọng lượng	: 11.9kg

S420 CEN

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 2 x 89 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm
Công suất	: 80-120W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 6ohm
Tần số	: 90Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS)	: 118 x 340 x 125 mm
Trọng lượng	: 1.83kg

S420 SUR

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 1 x 89 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm
Công suất	: 100/140W
Độ nhạy	: 86dB
Trở kháng	: 6ohm
Tần số	: 90Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS)	: 215 x 118 x 125 mm
Trọng lượng	: 1kg

S426 HCS

Bộ loa 5.0 kênh, bao gồm 2 loa chính (S426), 1 loa centre (S420 CEN), 2 loa surround (S420 SUR).

Đặc tính kỹ thuật

S426

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 2 x 140 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm
Công suất	: 100/140W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6ohm
Tần số	: 48Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS)	: 910 x 180 x 238 mm
Trọng lượng	: 8.7kg

S420 CEN

Loa centre

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 2 x 89 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm
Công suất	: 80-120W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 6ohm
Tần số	: 90Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS)	: 118 x 340 x 125 mm
Trọng lượng	: 1.83kg

S420 SUR

Loa Surround

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Woofer	: 1 x 89 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm
Công suất	: 100/140W
Độ nhạy	: 86dB
Trở kháng	: 6ohm
Tần số	: 90Hz-20kHz
Kích thước (CxRxS)	: 215 x 118 x 125 mm
Trọng lượng	: 1kg

Loa Subwoofer

Loa subwoofer của Jamo được thiết kế có nhiều loại. Tùy vào kích thước phòng và hệ thống âm thanh, chúng ta chọn sản phẩm thích hợp

Jamo J 12

Đường kính loa	: 308mm
Công suất	: 200W/400W
Tần số	: 27 Hz-120 Hz
Kích thước	: 419 x 355 x 498
Trọng lượng	: 15.2kg

Jamo J 10

Đường kính loa	: 254mm
Công suất	: 150W/300W
Tần số	: 31 Hz-120 Hz
Kích thước	: 368 x 317x 427
Trọng lượng	: 12kg

Jamo J 112

Đường kính loa	: 304 mm
Công suất	: 300W / 600W
Tần số	: 24 - 125Hz
Kích thước	: 431 x 431.8 x 464.
Trọng lượng	: 26kg

Jamo J 110

Đường kính loa	: 254mm
Công suất	: 200W / 450W
Tần số	: 26 - 125Hz
Kích thước	: 381 x 381 x 406.4
Trọng lượng	: 12kg

Heritage

Dòng Heritage được xem là “cây đa cây đề” trong làng âm thanh hiend. Sản phẩm của nó không những có bề dày lịch sử trên 60 năm mà còn là một trong những dòng loa danh tiếng về chất lượng âm thanh.



Klipsch Horn

Người tiên phong đồng thời nhà sáng lập công ty, Paul W. Klipsch tung ra loa Klipschorn vào năm 1946, đem lại cho mọi người, lần đầu tiên trong đời, có sự trải nghiệm về sự mạnh mẽ, chi tiết và giàu cảm xúc như xem trình diễn nhạc sống của đôi loa này.

Model này cũng được mệnh danh như là sản phẩm có thiết kế độ đáo nhất, loa còi đặt ở góc tường (Corner-Horn Speaker).

Là một dòng loa duy nhất trên thế giới được sản xuất liên tục trong 60 năm qua, Klipschorn vẫn không thay đổi nhiều kể từ khi ra đời.



Thông số kỹ thuật

Tần số : 33Hz-17kHz (±) 4dB

Công suất : 100W (400W peak)

Độ nhạy : 105dB @ 1watt/1meter

Trở kháng : 8Ω

Tần số cắt HF: 4500Hz

MF: 450Hz

Tweeter : K-77-F1 x 2.54 cm Màng loa nén với chất Phenolic

Midrange : K-55-X x 5.08 cm Màng loa nén với chất Phenolic

Woofer : K-33-E x 38.1 cm Màng loa bằng sợi composite cone

Kích thước (CxRxS) : 128.91 x 79.38 x 71.75 cm

Trọng lượng : 78Kg Không thùng



Klipsch La Scala II

Thông số kỹ thuật

Tần số : 54Hz-17kHz (±) 4dB

Công suất : 100W (400W peak)

Độ nhạy : 105dB @ 1watt/1meter

Trở kháng : 8Ω

Tần số cắt HF: 4500Hz

MF: 400Hz

Tweeter : K-77-F1 x 2.54 cm Màng loa nén với chất Phenolic

Midrange : K-55-X x 5.08 cm Màng loa nén với chất Phenolic

Woofer : K-33-E x 38.1 cm Màng loa bằng sợi composite cone

Kích thước (CxRxS) : 97.79 x 61.60 x 64.14 cm

Trọng lượng : 78Kg Không thùng



Klipsch Cornwall III

Thông số kỹ thuật

Tần số : 34Hz - 20kHz (±) 3db

Công suất : 100W (400W peak)

Độ nhạy : 102dB @ 1watt/1meter

Trở kháng : 8Ω

Tần số cắt HF: 5000Hz

LF: 800Hz

Tweeter : K-107-TI x 2.54 cm, màng loa Titanium

Midrange : K-53-TI x 4.45 cm màng loa Titanium

Woofer : K-33-E x 38.1 cm Fiber composite

Kích thước (CxRxS) : 90.81 x 64.29 x 39.37 cm

Trọng lượng : 44Kg Không thùng



Klipsch Heresy III

Thông số kỹ thuật

Tần số : 58Hz-20kHz (±) 3dB

Công suất : 100W (400W peak)

Độ nhạy : 99dB @ 1watt/1meter

Trở kháng : 8Ω

Tần số cắt HF: 5000Hz

LF: 850Hz

Tweeter : K-107-TI x 2.54 cm, màng loa Titanium

Midrange : K-53-TI x 4.45 cm, màng loa Titanium

Woofer : K-28-E x 30.48cm, Fiber-composite

Kích thước (CxRxS) : 60.48 x 39.37 x 33.66 cm

Trọng lượng : 20Kg Không thùng



Palladium



Klipsch P-39F

P-39F là đôi loa lớn nhất thuộc dòng Palladium của hãng loa Klipsch (Mỹ). Đây là đôi loa tâm huyết của người sáng lập Paul W Klipsch, là kết tinh của 60 năm kinh nghiệm làm loa chất lượng cao, sở hữu nhiều đặc tính kỹ thuật cũng như ứng dụng công nghệ vào loại bậc nhất trong ngành công nghiệp chế tạo loa nghe nhạc gia đình

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 28Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 400W (1600W peak)
Độ nhạy	: 99dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	: 4Ω
Tần số cắt	HF: 3200Hz MF: 500Hz
Tweeter	: 1.9 cm/titanium/90° x 60° Tractrix® Horn
Midrange	: 11.4 cm/aluminum/90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 3 x 22.9 cm/aluminum/Rohacell®/Kevlar®
Kích thước (CxRxS)	: 142.2 x 30.5 x 62.9 cm
Trọng lượng	: 74.9Kg



Klipsch P-38F

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 29Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 300W (1200W peak)
Độ nhạy	: 98dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	: 4ohm
Tần số cắt HF	: 3400Hz
MF	: 550Hz
Tweeter	: 1.9 cm/titanium/90° x 60° Tractrix® Horn
Midrange	: 11.4 cm/aluminum/90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 3 x 20.3 cm/aluminum/Rohacell®/Kevlar®
Kích thước (CxRxS)	: 127.6 x 27.3 x 54.6 cm
Trọng lượng	: 55.4kg



Klipsch P-37F

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 31Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 275W (1100W peak)
Độ nhạy	: 96dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	: 4ohm
Tần số cắt HF	: 3400Hz
MF	: 550Hz
Tweeter	: 1.9 cm/titanium/90° x 60° Tractrix® Horn
Midrange	: 11.4 cm/aluminum/90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 3 x 17.8 cm/aluminum/Rohacell®/Kevlar®
Kích thước (CxRxS)	: 118.1 x 24.8 x 49.5 cm
Trọng lượng	: 44.5kg



Reference II

Reference II là dòng loa được nâng cấp từ phiên bản cũ Reference. Loa cải tiến nhiều về bộ phận tần cũng như các đặc tính kỹ thuật khác, nhằm cho tiếng treble cao và đều hơn, tiếng bass mạnh, chắc hơn.

Loa treble dòng Tractrix Horn đảm nhận cả vai trò tái tạo tiếng trung. Màng treble làm bằng titanium, được gắn bên trong hộc còi vuông vức. Đây là loại loa treble mà dòng Palladium dùng, cho âm thanh tần số cao chính xác và độ trung thực rất tốt. Màng loa bass được làm bằng hợp chất Cerametallic (gốm và kim loại) có đặc tính cứng và nhẹ, đáp ứng nhanh các tần số.



Reference Premiere

Klipsch cho ra dòng loa Reference Premiere để thay cho dòng loa rất thành công là Reference II. Với đội ngũ kỹ sư thiện nghệ và một nhà máy to vào hàng bậc nhất, Klipsch luôn đem lại cho người yêu nhạc và yêu thích thương hiệu mình những sản phẩm tốt nhất với mức giá thật hợp lý.



Klipsch RF-7 II

Màu sắc vàng của vỏ loa cũng chính là lớp gỗ veneer được đánh bóng nổi vân trông rất đẹp. Bên dưới chân loa là đế chân với 4 trụ hình tròn vững chắc, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn châu Âu.

Công suất danh định loa là 250 W nhưng công suất đỉnh đạt được đến 1000W. Loa có độ nhạy quá lý tưởng, lên đến 101dB, khi đánh với Ampli không cần nhiều công suất vẫn đạt được âm lượng mong muốn.

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 30Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 250W (1000W peak)
Độ nhạy	: 101dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 4.45 cm/titanium/hạng loa 200 cm/90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 2 x 25.4 cm/màng loa Cerametallic™
Kích thước (CxRxS)	: 1233 x 295 x 415 mm
Trọng lượng	: 39.5kg



Klipsch RP-280F

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 32-25kHz +/- 3dB
Công suất	: 150W/600W
Độ nhạy	: 98dB @ 2.83V / 1m
Trở kháng	: 8 Ohm
tweeter	: 1x25mm/ titanium /Tractrix® Horn
Mid/Bass	: 2 x 200mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	: C1094x R268 x 465 mm
Trọng lượng	: 28.35kg



Klipsch RP-260F

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 34-25kHz +/- 3dB
Công suất	: 125W/500W
Độ nhạy	: 97dB @ 2.83V / 1m
Trở kháng	: 8 Ohm
tweeter	: 1x25mm/ titanium / Tractrix® Horn
Mid/Bass	: 2 x 162mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	: C1000 x R229 x 448 mm
Trọng lượng	: 22.45 Kg



Klipsch RP-250F

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 35-25kHz +/- 3dB
Công suất	: 125W/500W
Độ nhạy	: 96dB @ 2.83V / 1m
Trở kháng	: 8 Ohm
tweeter	: 1x25mm/ titanium / Tractrix® Horn
Mid/Bass	: 2 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	: C917x R200 x 377 mm
Trọng lượng	: 17 Kg



Klipsch RP-160M

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 45-25kHz +/- 3dB
Công suất	: 100W/400W
Độ nhạy	: 96dB @ 2.83V / 1m
Trở kháng	: 8 Ohm
tweeter	: 1x25mm/ titanium LTS / Tractrix® Horn
Mid/Bass	: 1 x 162mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	: C424x R224 x 327 mm
Trọng lượng	: 9 Kg



Klipsch RP-150M

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 48-25kHz +/- 3dB
Công suất	: 75W/300W
Độ nhạy	: 93dB @ 2.83V / 1m
Trở kháng	: 8 Ohm
tweeter	: 1x25mm/ titanium LTS / Tractrix® Horn
Mid/Bass	: 1 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	: C370x R195 x 271 mm
Trọng lượng	: 6.6 Kg



Klipsch RP-450C

Loa center

Thông số kỹ thuật		
Tần số	: 58-25kHz +/- 3dB*	tweeter : 1 x 25mm/ titanium LTS / Tractrix® Horn
Công suất	: 150W/600W	Mid/Bass : 4 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
Độ nhạy	: 97dB @ 2.83V / 1m	Kích thước : C173x R791 x 368 mm
Trở kháng	: 8 Ohm	Trọng lượng : 16.16 Kg



Klipsch RP-440C

Loa center

Thông số kỹ thuật		
Tần số	: 59-25kHz +/- 3dB*	tweeter : 1x 25mm/ titanium LTS / Tractrix® Horn
Công suất	: 150W/600W	Mid/Bass : 4 x 100mm/ màng loa Cerametallic™
Độ nhạy	: 97dB @ 2.83V / 1m	Kích thước : C144x R660 x 344 mm
Trở kháng	: 8 Ohm	Trọng lượng : 13.11 Kg



Klipsch RP-250C

Loa center

Thông số kỹ thuật		
Tần số	: 58-24kHz +/- 3dB	tweeter : 1x25mm/ titanium LTS / Tractrix® Horn
Công suất	: 100W/400W	Mid/Bass : 2 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
Độ nhạy	: 95dB @ 2.83V / 1m	Kích thước : C173x R470 x 253 mm
Trở kháng	: 8 Ohm	Trọng lượng : 8.35 Kg



Klipsch RP-250S

Loa Surround

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 58-24kHz +/- 3dB
Công suất	: 100W/400W
Độ nhạy	: 95dB @ 2.83V / 1m
Trở kháng	: 8 Ohm
tweeter	: 2x25mm/ titanium LTS / Tractrix® Horn
Mid/Bass	: 2 x 131mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	: C343x R305 x 201 mm
Trọng lượng	: 7.12 Kg



Klipsch RP-240S

Loa Surround

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 62-24kHz +/- 3dB
Công suất	: 75W/300W
Độ nhạy	: 93dB @ 2.83V / 1m
Trở kháng	: 8 Ohm
tweeter	: 2x25mm/ titanium LTS / Tractrix® Horn
Mid/Bass	: 2 x 100mm/ màng loa Cerametallic™
Kích thước	: C295x R264 x 176 mm
Trọng lượng	: 6 Kg



Reference Base



Klipsch R-28 F

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 35Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 150W/600W
Độ nhạy	: 98dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 1 x 25 mm, hống loa 90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 2 x 203 mm
Kích thước (CxRxS)	: 1066 x 398 x 241 mm
Trọng lượng	: 25.86kg



Klipsch R-26 F

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 38Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 100W/400W
Độ nhạy	: 97dB @ 2.83V/1 m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 1 x 25 mm, hống loa 90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 2 x 165mm
Kích thước (CxRxS)	: 991 x 345 x 198 mm
Trọng lượng	: 19.2kg



Klipsch R-15 M

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 62Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 85W/340W
Độ nhạy	: 94dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 1 x 25 mm, hống loa 90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 1 x 133 mm
Kích thước (CxRxS)	: 318 x 178 x 206 mm
Trọng lượng	: 4.67kg



Klipsch R-14 M

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 64Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 50W/200W
Độ nhạy	: 90dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 1 x 25 mm, hống loa 90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 1 x 102 mm
Kích thước (CxRxS)	: 248 x 149 x 191mm
Trọng lượng	: 3.2kg



Klipsch R-25 C

Loa centre

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 82Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 100W/400W
Độ nhạy	: 98dB @ 2.83V/1m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 1 x 25 mm, hống loa 90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 2 x 133 mm
Kích thước (CxRxS)	: 184 x 476 x 184 mm
Trọng lượng	: 6.73kg



Klipsch R-14 S

Loa surround

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 83Hz-24kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 50W/200W
Độ nhạy	: 89dB @ 2.83V/1 m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 1 x 25 mm, hống loa 90° x 60° Tractrix® Horn
Woofer	: 1 x 102 mm
Kích thước (CxRxS)	: 196 x 381 x 165 mm
Trọng lượng	: 3.6kg

Loa Subwoofer



Klipsch R-10SW

Loa subwoofer dòng Reference

Loa sub với loa bass cực lớn, cho tiếng trầm rung chuyển, phù hợp xem phim nghe nhạc, hát Karaoke

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 32Hz-120Hz ± 3dB
Công suất	: 150 watts / 300 watts
woofer	: 1 x 245mm
Kích thước	: C350x R317 x S398mm
Trọng lượng	: 11.6 kg



Klipsch R-112SW

Loa subwoofer dòng Reference

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 24Hz-125Hz
Công suất	: 300 watts / 600 watts
woofer	: 1 x 305mm
Kích thước	: C414x R393 x S463mm
Trọng lượng	: 22.1 kg



Klipsch R-12SW

Loa subwoofer dòng Reference

Loa sub với loa bass cực lớn, cho tiếng trầm rung chuyển, phù hợp xem phim nghe nhạc, hát Karaoke

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 19Hz-120Hz ± 3dB
Công suất	: 200 watts / 400 watts
woofer	: 1 x 305mm
Kích thước	: C406x R355 x S470mm
Trọng lượng	: 15 kg



Klipsch R-115SW

Loa subwoofer dòng Reference

Loa sub với loa bass cực lớn gần 4 tấn, cho tiếng trầm rung chuyển, phù hợp xem phim nghe nhạc, hát Karaoke.

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 18Hz-125Hz
Công suất	: 400 watts / 800 watts
woofer	: 1 x 380mm
Kích thước	: C546x R495 x S655mm
Trọng lượng	: 34.2 kg



Klipsch R-110SW

Loa subwoofer dòng Reference

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 27Hz-125Hz
Công suất	: 200 watts / 400 watts
woofer	: 1 x 254mm
Kích thước	: C414x R373 x S401mm
Trọng lượng	: 17.8 kg



Klipsch KW-120-THX

Loa sub hơi dùng với Power KA-1000 THX

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 20Hz-200Hz (+/-) 3dB
Công suất	: Dùng với ampli KA-1000THX
woofer	: 1 x 30.5 cm
Kích thước (CxRxS)	: 514 x 451 x 451 mm
Trọng lượng	: 36.3kg



THX Ultra2 Home Theater System

Bộ loa xem phim đạt chuẩn THX Ultra2

Klipsch THX Ultra2 là hệ thống loa xem phim gia đình đạt đẳng cấp của hệ thống Cinema chuyên nghiệp. Loa được thiết kế có kiểu dáng hiện đại. Loa chính và centre có thể đặt sau màn chiếu mà không suy giảm về chất lượng âm thanh.



Klipsch KL-650-THX LCR

Dùng làm loa chính và centre



Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 48Hz-20kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 150W (600W peak)
Độ nhạy	: 97dB @ 2.83V/1 m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 1 x 2.5 cm/ Tractrix® Horn
Woofer	: 2 x 16.5 cm
Kích thước (CxRxS)	: 38.1 x 43.2 x 31.8 cm
Trọng lượng	: 17.7kg

Klipsch KL-525-THX LCR

Dùng làm loa chính và centre



Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 80Hz-20kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 100W (400W peak)
Độ nhạy	: 94dB @ 2.83V/1 m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 1 x 2.5 cm/ Tractrix® Horn
Woofer	: 2 x 13.3 cm
Kích thước (CxRxS)	: 324 x 406 x 318 mm
Trọng lượng	: 14.5kg

Klipsch KS-525-THX surround

Loa Surround



Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 80Hz-20kHz (+/-) 3dB
Công suất	: 100W (400W peak)
Độ nhạy	: 96dB @ 2.83V/1 m
Trở kháng	: 8ohm
Tweeter	: 2 x 2.5 cm/ Tractrix® Horn
Woofer	: 2 x 13.3 cm
Kích thước (CxRxS)	: 350 x 330 x 216 mm
Trọng lượng	: 9.1kg



Monitor Audio là hãng loa của Anh Quốc. Các dòng loa của Monitor Audio đều có kiểu dáng đẹp, chất lượng từ âm thanh đến kết cấu bên trong.

Loa được rất nhiều các tạp chí chuyên ngành khen tặng và đánh giá cao từ khả năng trình diễn đến giá thành sản phẩm.

Gold GX

Gold GX đứng thứ 2 trong số dòng sản phẩm của Monitor Audio. Dòng loa này có thể đứng vào hàng ngũ loa hiend với thiết kế thật chất lượng về hình thức lẫn âm thanh.

Các đặc điểm đáng chú ý dòng loa này như sau:



C-CAM / (Ceramic-Coated Aluminium/Magnesium)

Mô phỏng từ công nghệ trong ngành hàng không. Đó chính là sự kết hợp giữa nhôm, ma-nê và phủ bên ngoài chất gốm, làm màng loa cứng nhưng cực nhẹ giúp đáp ứng nhanh tần số thấp, đặc biệt cho tiếng bass không bị méo khi trình diễn ở mức âm lượng lớn với các đoạn nhạc có tiết tấu nhanh và thay đổi đột ngột từ cao xuống thấp.



C-CAM Bass Drivers/ (Ceramic-Coated Aluminium/Magnesium Bass Drivers)

Ứng dụng kỹ thuật C-CAM vào màng loa bass, cho âm bass sống động, sâu và chính xác



Gold C-CAM

Công nghệ xử lý màng loa dùng hợp chất nhôm-ma-nê và phủ bên ngoài chất gốm sau đó được Anode vàng. Loa treble dom dùng công nghệ này có đặc tính nhẹ, mỏng và cứng hơn, có thể tái tạo tần số cao lên trên 35kHz, thích hợp cho các nguồn nhạc HD hiện nay.



HiVe II Port Technology:

Vành ống của lỗ thoát hơi có các rãnh chia đều nhau, giúp khí thoát nhanh. Điều này giúp âm bass mạnh và nhanh hơn.



Ribbon Transducer

Màng loa cực mỏng bằng hợp chất C-CAM đặt trong từ trường cực mạnh của nam châm dùng đất hiếm NeFeB có năng lượng từ đối đảo. Màng loa loại ribbon cũng chính là cuộn voice coil. Đặc tính dòng loa treble này là có thể dải tần số cao lên đến 60kHz, phù hợp với các nguồn nhạc HD như SACD, DVD-A, nhạc Lossless.



RST®

Màng loa C-CAM theo công nghệ RST® có độ nén cao, trên mặt màng loa có lỗ lồi lõm, có đặc tính hạn chế sóng đứng, đáp ứng tần số nhanh hơn.



Gold GX300

Đặc điểm loa
C-CAM® Bass Drivers ứng dụng vào loa bass
C-CAM® Drivers ứng dụng vào loa Mid
Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
RST®

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 3 đường tiếng
Loa Bass	: 2 x 162 mm
Loa Mid	: 1 x 100 mm
Loa Treble	: 1 x C-CAM H.Fribbon transducer
Công suất	: 200W
Độ nhạy	: 90dB
Trở kháng	: 8ohm
Tần số	: 30Hz-60kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1060 x 210 x 330 mm
Trọng lượng	: 27.2kg



Gold GX200

Đặc điểm loa
C-CAM® Bass Drivers ứng dụng vào loa bass
C-CAM® Drivers ứng dụng vào loa Mid
Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
RST®

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 3 đường tiếng
Loa Bass	: 2 x 162 mm
Loa Mid	: 1 x 100 mm
Loa Treble	: 1 x C-CAM H.Fribbon transducer
Công suất	: 150W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 8ohm
Tần số	: 35Hz-60kHz
Kích thước (CxRxS)	: 951 x 170 x 300 mm
Trọng lượng	: 22.2kg

Gold GX100



Đặc điểm loa
C-CAM® Bass Drivers ứng dụng vào loa bass
C-CAM® Drivers ứng dụng vào loa Mid
Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
RST®

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Bass	: 1 x 162 mm
Loa Treble	: 1 x C-CAM H.Fribbon transducer
Công suất	: 120W
Độ nhạy	: 88dB
Trở kháng	: 8ohm
Tần số	: 42Hz-60kHz
Kích thước (CxRxS)	: 362 x 210 x 303 mm
Trọng lượng	: 9.9kg



GXFX

Loa surround



Đặc điểm loa
C-CAM® Bass Drivers ứng dụng vào loa bass
C-CAM® Drivers ứng dụng vào loa Mid
Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble
HiVe II Port Technology
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
RST®

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Bass	: 1 x 162 mm
Loa Mid	: 2 x 100 mm
Loa Treble	: 1 x C-CAM H.Fribbon transducer 2 x 25 mm gold dome C-CAM
Công suất	: 100W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 8ohm
Tần số	: 60Hz-60kHz
Kích thước (CxRxS)	: 310 x 390 x 160 mm
Trọng lượng	: 11.9kg

GXC 150

Loa centre



C-CAM® Bass Drivers ứng dụng vào loa bass
C-CAM® Drivers ứng dụng vào loa Mid
Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble
Ribbon Transducer ứng dụng vào loa treble
RST®

Thông số kỹ thuật	Công suất	: 150 W	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng	Độ nhạy	: 89dB
Loa Bass/Mid	: 2 x 137 mm	Trở kháng	: 8ohm
Loa Treble	: 1 x C-CAM	Tần số	: 55Hz-60kHz
H.Fribbon transducer		Kích thước (CxRxS)	: 172 x 461 x 303 mm
		Trọng lượng	: 6.9kg

GXW150

Loa subwoofer



Đặc tính kỹ thuật
C-CAM Driver

Thông số kỹ thuật	
Loa Bass	: 1 x 375 mm
Công suất	: 650W-1200W
Trở kháng	: 20k ohm
Tần số	: 18Hz-120Hz
Kích thước (CxRxS)	: 430 x 400 x 400 mm
Trọng lượng	: 35.3kg



Silver

Monitor Audio cho ra đời dòng Silver để thay thế dòng Silver RX trước đây. Đặc điểm kỹ thuật của dòng Silver được thừa hưởng từ dòng 2 dòng Platinum và Gold với những thay đổi về chất liệu đến việc xây dựng thùng loa và hệ thống phân tần. Bề ngoài được thiết kế sang trọng với màu vân gỗ Wanut hoặc màu đen sơn mài bóng loáng. Các củ loa có màng trắng bạc, trông nổi bật trên thùng loa, tạo một điểm nhấn thẩm mỹ khi bạn trưng bày nó trong phòng.



Silver 10

Đặc điểm loa
Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System x2
RST®

Hệ thống loa	: 3 đường tiếng
Loa Bass	: 2 x 200mm/ RST® Bass drivers
Loa Mid	: 1 x 100mm/ RST® Bass/Mid driver
Loa Treble	: 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất	: 250W
Độ nhạy	: 90dB
Trở kháng	: 4ohm
Tần số	: 30Hz-35kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1050 x 230 x 300 mm
Trọng lượng	: 26.3kg



Silver 8

Đặc điểm loa
Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System x 2
RST®

Hệ thống loa	: 3 đường tiếng
Loa Bass	: 2 x 150mm/ RST® Bass drivers
Loa Mid	: 1 x 100mm/ RST® Mid driver
Loa Treble	: 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất	: 200W
Độ nhạy	: 90dB
Trở kháng	: 4ohm
Tần số	: 32Hz-35kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1021 x 245 x 360 mm
Trọng lượng	: 23.3kg



Silver 6

Đặc điểm loa
Kỹ thuật C-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System x 2
RST®

Hệ thống loa	: 2,5 đường tiếng
Loa Bass	: 1 x 150mm/ RST® Bass drivers
Loa Mid	: 1 x 150mm/ RST® Mid driver
Loa Treble	: 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất	: 150W
Độ nhạy	: 90dB
Trở kháng	: 8ohm
Tần số	: 35Hz-35kHz
Kích thước (CxRxS)	: 885 x 185 x 240 mm
Trọng lượng	: 16.6kg



Silver 2

Đặc điểm loa
Kỹ thuật G-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System RST®

Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Bass/Mid	: 1 x 200mm/ RST® Bass drivers
Loa Treble	: 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất	: 120W
Độ nhạy	: 88dB
Trở kháng	: 8ohm
Tần số	: 40Hz-35kHz
Kích thước (CxRxS)	: 375 x 230 x 300 mm
Trọng lượng	: 9.7kg

Silver 1

Đặc điểm loa
Kỹ thuật G-CAM® gold dome cho loa treble
HiVe®II port System
RST®

Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Bass/Mid	: 1 x 100mm/ RST® Bass drivers
Loa Treble	: 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất	: 100W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 8ohm
Tần số	: 45Hz-35 kHz
Kích thước (CxRxS)	: 312 x 185 x 240 mm
Trọng lượng	: 6.95kg

Silver FX

Loa Surround

Đặc điểm loa
Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble
RST®

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Bass/ Mid	: 1 x 150mm/RST® Bass/Mid driver
Loa Treble	: 2 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất	: 85W
Độ nhạy	: 87dB
Trở kháng	: 8ohm
Tần số	: 60Hz-35kHz
Kích thước (CxRxS)	: 250 x 311 x 130 mm
Trọng lượng	: 4.69kg

Silver Centre

Loa centre

Đặc điểm loa
Gold C-CAM® ứng dụng vào loa treble
RST®

Thông số kỹ thuật	
Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Bass/ Mid	: 2 x 150mm/RST® Bass driver
Loa Treble	: 1 x 25mm/C-CAM® gold dome tweeter
Công suất	: 150W
Độ nhạy	: 90dB
Trở kháng	: 8ohm
Tần số	: 45Hz-35kHz
Kích thước (CxRxS)	: 185 x 500 x 200 mm
Trọng lượng	: 9.62kg

Silver W12

Loa Subwoofer

Đặc điểm loa
G-CAM® Bass Driver

Thông số kỹ thuật	
Loa Bass	: 1 x 300mm/C-CAM Bass driver
Công suất	: 500W/class D
Tần số	: 40Hz-120Hz
Kích thước (CxRxS)	: 340 x 340 x 410 mm
Trọng lượng	: 20.1kg



Azur 851A

Integrated Amplifier



Tính năng kỹ thuật:

Ampli tích hợp 2 kênh, mạch công suất class XD cho hiệu suất cực kỳ tốt. Khả năng phối ghép nhiều dòng loa cho âm thanh với tiếng mid trong, rõ, âm bass mềm mại sâu lắng. Màn hình LED hiển thị thông tin.

Công suất : 120W RMS (8ohm)/200W RMS (4ohm)
Ngõ vào : 2 x balanced XLR/8 x RCA
Ngõ ra : Preamp output/Record output
Kích thước (CxRxS) : 430 x 115 x 385 mm
Trọng lượng : 15.0kg

Azur 851c

CD Player



Tính năng kỹ thuật:

Azur 851C có thể xem như một đầu phát hiend dùng cho audiophile và cũng có thể hoạt động như một preampli và bộ DAC cao cấp. Bộ chuyển đổi tín hiệu kết hợp kỹ thuật ATF2TM có khả năng upsampling tần số lấy mẫu lên đến 384 kHz, cho âm thanh độ phân giải cao.

Bộ DAC : 2 x Analog Devices AD1955 24 bit
Ngõ vào : 2 x optical/1 x coaxial/1 x USB (b)
Ngõ ra : 1 x balace/1 x RCA
Kích thước (CxRxS) : 430 x 115 x 360 mm
Trọng lượng : 10.0kg

Azur 651A

Integrated Amplifier



Tính năng kỹ thuật:

Ampli tích hợp 2 kênh. Ngõ vào USB kết nối trực tiếp với laptop để nghe nhạc với âm thanh chất lượng cao.

Công suất : 75W RMS (8 Ohm)
Ngõ vào : 5 x RCA / USB Audio 1.0, 16 bit 32 kHz, 44.1 kHz, 48 kHz.
Ngõ ra : Preamp output/Record output
Kích thước (CxRxS) : 430 x 120 x 350 mm
Trọng lượng : 8.4 Kg

Azur 651c

CD Player



Tính năng kỹ thuật:

Biến áp hình xoắn loại dùng cho audiophile. DAC dùng 2 con WM8742 24-bit/192kHz của Wolfson Microelectronics

Ngõ ra : 1 x RCA/1 x Optical/1 x Coaxial
Kích thước (CxRxS) : 430 x 85 x 305 mm
Trọng lượng : 4.8 Kg

Azur 351A

Integrated Amplifier



Tính năng kỹ thuật:

Ampli tích hợp 2 kênh. Ngõ vào USB kết nối trực tiếp với laptop để nghe nhạc với âm thanh chất lượng cao.

Công suất : 45W RMS (8ohm)
Ngõ vào : 5 x RCA, 1 x USB (type B), 1 x 3.5 mm MP3.
Ngõ ra : 1 x Rec Out
Kích thước (CxRxS) : 430 x 86 x 340 mm
Trọng lượng : 6.0kg

Azur 351c

CD Player



Tính năng kỹ thuật:

Biến áp hình xoắn loại dùng cho audiophile. DAC dùng WM8728 24-Bit/192kHz của Wolfson Microelectronics.

Ngõ ra : 1 x RCA/1 x Optical/1 x Coaxial
Kích thước (CxRxS) : 430 x 85 x 305 mm
Trọng lượng : 4.8kg



THE NEW **CX** SERIES

CUTTING EDGE DIGITAL AUDIO

CXA60 / CXA80

INTEGRATED AMPLIFIERS

Dòng sản phẩm ampli tích hợp CX là thành quả lao động của tình yêu sự say mê âm thanh trung thực của đội ngũ kỹ sư thiết kế và âm thanh của Cambridge Audio. Với nhiều ngõ kết nối Digital, dòng Ampli này đáp ứng sự mong đợi của những người yêu nhạc sở hữu kho nhạc số dồi dào.

CXA80

INTEGRATED AMPLIFIERS
Mạnh mẽ, chính xác và kết nối digital



Tính năng kỹ thuật:

Ampli tích hợp 2 kênh, 80W x2, mạch công suất class A/B. Ngõ vào digital dùng kết nối các thiết bị nghe nhạc số như laptop, đầu phát HD...Bộ xử lý 24 bit/192kHz với chip DA WM8740 của Wolfson

- Công suất : 80W RMS(8 Ohm)/120W RMS (4 Ohm)
- DAC : Wolfson WM8740
- Ngõ vào Analog : 1 x balanced XLR/4 x RCA , 1 x 3.5mm MP3
- Ngõ vào Digital : 1 x coaxial, 2 x optical, 1 x USB audio, Bluetooth qua BT100 (không kèm theo máy)
- Tương thích : TOSLINK optical, S/PDIF coaxial, USB 1.0 and 2.0, BT100 Bluetooth receiver
- Ngõ ra : Speakers A+B, 3.5mm headphone, Preamp Output, Subwoofer Output
- Kích thước : 430 x 115 x 341mm
- Trọng lượng : 8.7Kg

CXA60

INTEGRATED AMPLIFIERS
Mạnh mẽ, chính xác và kết nối digital



Tính năng kỹ thuật:

Ampli tích hợp 2 kênh, 80W x2, mạch công suất class A/B. Ngõ vào digital dùng kết nối các thiết bị nghe nhạc số như laptop, đầu phát HD...Bộ xử lý 24 bit/192kHz với chip DA WM8740 của Wolfson

- Công suất : 60W RMS(8 Ohm)/90W RMS (4 Ohm)
- DAC : Wolfson WM8740
- Ngõ vào Analog : 4 x RCA , 1 x 3.5mm MP3
- Ngõ vào Digital : 1 x coaxial, 2 x optical, Bluetooth qua BT100 (không kèm theo máy)
- Tương thích : TOSLINK optical, S/PDIF coaxial, BT100 Bluetooth receiver
- Ngõ ra : Speakers A+B, 3.5mm Headphone, Preamp Output, Subwoofer Output
- Kích thước : 430 x 115 x 341mm
- Trọng lượng : 8.3Kg



CXC

CD Transport cao cấp

Cambridge CXC là một CD transport thuộc dòng CX. Nó được thiết kế đặc biệt để có thể đi chung với Ampli stereo CXA60 hoặc CXA80 với bộ giải mã bên trong. Cốt lõi của CXC là bộ servo S3 danh tiếng có hãng Cambridge Audio. Nó được thiết kế để phục hồi hiệu quả dữ liệu digital của CD với bộ chỉnh sửa cao cấp, vốn thiết kế để phát những CD nhạc xuất sắc.

- Kết nối với DAC rời hoặc với CXA 80 và CXA 60
- Ngõ ra optical : Coaxial x1, Optical x 1
- Kích thước (C x R x S) : 85 x 430 x 315 mm
- Trọng lượng : 4,7kg

Cambridge Audio

Topaz
Series



TOPAZ AM5

Entry-level Integrated Amplifier



Một Ampli với thiết kế công suất vừa đủ cho những ai có nhu cầu nghe nhạc 2 kênh ở mức giá thấp nhất có thể nhưng vẫn đảm bảo chất lượng âm thanh.

Tính năng kỹ thuật:

Công suất : 50W RMS (40hm)
Ngõ vào : 4 RCA, 1 x 3.5
Kích thước (CxRxS) : 80 x 430 x 340mm
Trọng lượng : 5.1Kg

TOPAZ AM10

INTEGRATED AMPLIFIER



Tính năng kỹ thuật:

Biến áp hình xuyên cấp nguồn mạnh mẽ
Công suất : 70W RMS (4 Ohm)
Ngõ vào : 4 x RCA, 1 x 3.5
Kích thước (CxRxS) : 80 x 430 x 340 mm
Trọng lượng : 5.1Kg

TOPAZ CD5

ENTRY-LEVEL CD PLAYER



Các liên kiện sử dụng trong TOPAZ CD5 là loại dùng trong những đầu CD cao cấp. Bằng cách tập trung vào các thành phần làm tăng chất lượng âm thanh, cắt giảm thêm chi phí và những tính năng không cần thiết, Cambridge có thể cung cấp hiệu suất âm thanh rất cao.

DAC : Wolfson Microelectronics WM8725
Định dạng : CD-DA/CD-R/CD-RW/CD-ROM; MP3/MP3 Pro/WMA
Ngõ ra : 1 x RCA
Kích thước (CxRxS) : 80 x 430 x 305mm
Trọng lượng : 4.3kg

TOPAZ CD10

CD PLAYER



Topaz CD10 cung cấp hiệu suất âm thanh tuyệt vời nhờ vào một chip kỹ thuật số Wolfson 8761 để chuyển đổi tín hiệu Analog. Nó có thể chơi tất cả các định dạng đĩa của bạn và tái tạo âm nhạc một cách tuyệt vời nhất.

DAC : Wolfson Microelectronics WM8761
Định dạng : CD-DA/CD-R/CD-RW/CD-ROM; MP3/MP3 Pro/WMA
Ngõ ra : 1 x RCA/ Coaxial x 1
Kích thước (CxRxS) : 80 x 430 x 305mm
Trọng lượng : 4.3kg



DacMagic XS

USB DAC / Headphone Amp
Bộ chuyển đổi tín hiệu mini/head ampli



Tính năng kỹ thuật:
Kích thước nhỏ như hộp quẹt diêm, DAC XS dùng cho chuyển đổi tín hiệu từ ngõ ra USB của Laptop, cho tín hiệu âm thanh hay hơn khi nghe trực tiếp từ Laptop. Thích hợp cho những ai thường nghe nhạc từ Laptop qua tai nghe. Chính được volume trên thiết bị.

- Ngõ vào : Micro USB
- Ngõ ra : 3.5 mm analogue
- Digital to Analogue Converter : ESS9023 24-bit DAC
- Sample Rates Supported : USB 1.0 mode: 16/24-bit, 44.1kHz, 48kHz, 88.2kHz, 96kHz.
USB 2.0 mode: 16/24-bit, 44.1kHz, 48kHz, 88.2kHz, 96kHz, 176.4kHz, 192kHz.

DAC Magic 100



Bộ chuyển đổi DAC
Bộ DAC nhỏ gọn, thích hợp cho người lấy nguồn nhạc từ Laptop, đầu phát ổ cứng.

- Ngõ vào : Micro USB input
- Ngõ ra : 3.5 mm analogue
- Digital to Analogue Converter : Wolfson WM8742 24-bit DAC
- Digital input sampling frequencies : 32 kHz, 44.1 kHz, 48 kHz, 88.2 kHz, 96 kHz, 192 kHz
- Kích thước (CxRxS) : 106 x 46 x 130 mm

AZUR 851N

DAC, PREAMPLI & STREAMER



Azur 851N là một DAC kết hợp đầu phát network đỉnh cao của Cambridge Audio. Nó được tích hợp những đặc điểm của một DAC cao cấp nhất gồm bộ chuyển đổi và upsampling lên 24bit/384kHz từ tất cả các nguồn phát, chơi được các file nhạc 24 bit/192kHz và DSD. Ngõ vào USB và truyền phát qua ngõ wifi gồm phương thức UpnP, NAS, Spotify, Apple AirPlay.

- DAC : 2 x Analog Devices AD1955 24-bit
- Ngõ vào Digital : 1 x AES/EBU, 2 x coaxial, 2 x optical, USB-B, USB-Audio (DSD)
- Ngõ ra Analog : Balanced XLR, RCA
- Có thể cắm BT100 để nhận tín hiệu Bluetooth: A2DP plus aptX
- Định dạng âm thanh : ALAC, WAV, FLAC, AIFF, WMA, MP3, AAC, HE AAC, AAC+, OGG Vorbis
- Kích thước (C x R x S) : 115 x 430 x 360mm
- Trọng lượng : 8.1kg



CXN

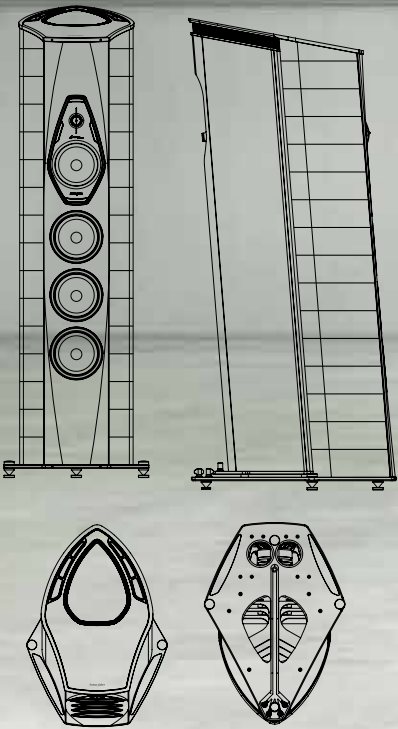
DAC, PREAMPLI & STREAMER



Trên nền tảng của Stream Magic 6 vốn đã đạt nhiều giải thưởng từ các tạp chí chuyên ngành âm thanh, Cambridge Audio đã thiết kế thành công bộ DAC + Streamer CXN, để phát tất cả các file nhạc từ các file nhạc nén MP3 đến những file lossless 24bit/192kHz như FLAC và WAV với chất âm đầy nhạc tính.

Kết nối không dây, tích hợp Spotify, AirPlay, truy xuất nhạc như một máy chủ NAS và UpnP

- DAC : 2 x Wolfson WM8740 24-bit DACs
- Ngõ vào Digital : Coaxial/Optical, USB-B, USB-Audio (DSD)
- Ngõ ra Analog : Balance / RCA
- Ngõ ra Digital : Coaxial/Optical
- Có thể cắm BT100 để nhận tín hiệu Bluetooth: A2DP plus aptX
- Định dạng âm thanh : ALAC, WAV, FLAC, AIFF, WMA, MP3, AAC, HE AAC, AAC+, OGG Vorbis
- Kích thước : 85 x 430 x 305mm
- Trọng lượng : 3.5Kg (7.7lbs)



Lilium

Có thể gọi Lilium là kiệt tác về nghệ thuật từ hãng Sonus Faber. Từ đường nét thiết kế cho đến kết cấu loa đều toát lên vẻ sang trọng cũng như sự tinh xảo của các nghệ nhân làm loa.

Thông số kỹ thuật	
Công suất ampli đề nghị	: 100-800W
Trở kháng	: 4 Ohm
Độ nhạy	: 92dB
Đáp tuyến tần số	: 20Hz-35 kHz
Loa treble	: 1 x 28 mm, moving coil
Loa mid	: 1 x 100 mm, nam châm neodymium, siêu tuyến tính và độ động . Cuộn coil làm bằng CCAW (sợi nhôm mạ đồng)
Loa bass	: 3 x 180 mm
Loa bass dưới	: 1 x 260mm, đánh úp xuống sàn
Loa bass trên (thụ động)	: 1 x 260mm
Kích thước	: 1600mm x 491mm x 705mm
Trọng lượng	: 103 Kg/ 1 cái

Lilium
Sonus faber
— FINE SOUNDS —
GROUP

Sonus faber®

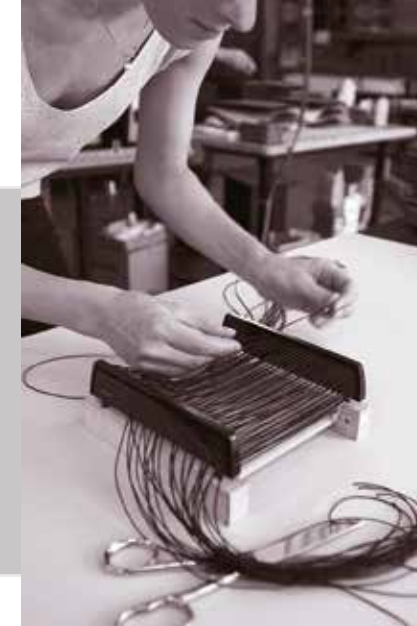
Aida
ART OF A NEW ERA



Một kiệt tác về thiết kế hình dáng và chất lượng âm thanh, một tác phẩm nghệ thuật được hình thành từ những đam mê và cảm xúc mạnh mẽ. Lấy ý tưởng từ hình dáng đàn Lia (Lyre) cổ của Ý, các nghệ nhân ở Sonus Faber đã chế tác đôi loa Aida, nhằm đem đến cho người nghe những cung bậc âm thanh bằng một cấu trúc đặc biệt nhất.

Thông số kỹ thuật	Công suất	: 100W-1000W	
Cấu trúc loa	: 3,5 đường tiếng.	Trở kháng	: 4ohm
Cọc đầu loa	: Tri-wire	Độ nhạy	: 92dB
Mặt trước	: 1 treble, 1 mid, 2 bass	Đáp tuyến tần số	: 29Hz - 35kHz
Mặt sau	: 1 mid phân âm, 1 treble phân âm.	Kích thước (C x R x S)	: 1725 x 482 x 780 mm
Mặt đáy loa	: 1 bass	Trọng lượng	: 165kg/1cái (Net)

Sonus faber®



Hãng loa Sonus Faber (Ý) danh tiếng với các dòng loa hiend có kiểu dáng độc đáo và chất âm đặc trưng được hầu hết các audiophile trên thế giới khen ngợi.

Các sản phẩm của Sonus Faber cũng được mô phỏng từ các nhạc cụ như đàn Lute, Violin. Nhờ vậy mà hình dáng của loa luôn như một tác phẩm điêu khắc nghệ thuật, khiến người nghe có thể ngắm nhìn say đắm.

Điểm đặc biệt có tính truyền thống là loa Sonus Faber luôn kết hợp giữa da và gỗ để trang trí hình dáng bên ngoài. Nó vừa mang lại đặc tính âm học tốt cho việc tái tạo âm thanh vừa tăng tính sang trọng quý giá của loa.

Stradivari Homage



Stradivari Homage là cặp loa mang tên nghệ nhân làm đàn Violon nổi tiếng trong lịch sử Italia, Stradivari. Thoáng nhìn hình dáng dẹt theo chiều ngang của Stradivari, bạn sẽ liên tưởng đến hình thù của những chiếc loa màn hình tĩnh điện. Nhà sản xuất cho rằng dáng thiết kế kiểu “bức tường” của loa có tác dụng tái hiện và kiểm soát bức xạ tiếng trung và treble một cách hiệu quả nhất.

(Trích Nghe Nhìn Việt Nam)

Đặc điểm loa

Hình dáng mô phỏng theo đàn Lute. Cấu trúc thùng loa đa lớp, vỏ đánh sơn mài bóng màu đỏ đàn violon.

Thông số kỹ thuật	Độ nhạy	: 92dB	
Hệ thống loa	: 3 đường tiếng	Trở kháng	: 4ohm
Loa Bass	: 2 x 260 mm/Aluminium/Magnesium	Tần số	: 22Hz - 40kHz
Loa Mid	: 1 x 160 mm	Kích thước	: 1370 x 655 x 500 mm
Loa Treble	: 1 x 25 mm/Wave Guide	Trọng lượng	: 151kg/1 cặp
Công suất	: 300W		

Amati Futura



Phiên bản thay thế cho Amati Anniversario

Amati Futura chính là sự sáng tạo không ngừng nghỉ của nhóm kỹ sư tại phòng nghiên cứu và phát triển của Sonus Faber. Bằng những thay đổi về chất liệu, cải tiến chi tiết các bộ phận như bộ phân tần, hộc khoang loa, Amati Futura nay nghiêm nhiên trở thành “linh vật” của hãng loa hiend lừng danh Sonus Faber.

Hình dáng mô phỏng theo đàn Luyt cổ. Cấu trúc thùng loa đa lớp, vỏ đánh bóng sơn mài bằng tay

Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 300W
Trở kháng	: 4ohm
Độ nhạy	: 90dB
Đáp tuyến tần số	: 25Hz-30kHz
Loa treble	: 1 x 29 mm, moving coil
Loa mid	: 1 x 179 mm, siêu tuyến tính và độ động
	Cuộn coil làm bằng CCAW (sợi nhôm mạ đồng)
Loa bass	: 1 x 220 mm, màng loa bằng hợp nhất nhôm, ma-giê
Kích thước (CxRxS)	: 1160 x 405 x 635 mm
Trọng lượng	: 111 Kg/1 cặp net - 145 Kg/1 cặp cho shipping
Công suất ampli đề nghị	: 30W-300W

Guarneri Evolution



Sonus tiếp tục phát triển loa Guarneri bằng việc cho ra đời đôi loa Guarneri Evolution.

Loa được vinh dự lấy tên của nghệ nhân làm đàn Violon nổi tiếng Giuseppe Guarneri (1698-1744). Đây là cặp loa tái tạo tiếng đàn Violon hay nhất thế giới. Có thể nói rằng, Guarneri là một trong vài đôi loa bookshelf đẹp nhất thế giới hiện nay, tính theo hình dáng bên ngoài. Loa được thiết kế để đi chung với bộ chân đá độc đáo của chính hãng Sonus Faber. Đế chân của đôi loa này được làm bằng đá tảng và được cắt gọt vuông vắn rất phù hợp với thể đứng hơi nghiêng của đôi loa. E-căng được làm bằng nhiều sợi ni-lon, gợi nhớ rất nhiều đến một loại nhạc cụ cổ của Hy Lạp là cây đàn Luyt.

Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 200W
Trở kháng	: 4ohm
Độ nhạy	: 89dB
Đáp tuyến tần số	: 40Hz-30kHz
Loa treble	: 1 x 29 mm siêu tuyến tính và độ động, moving coil, chống rung
Loa mid/bass	: 1 x179 mm, siêu tuyến tính và độ động. Cuộn coil làm bằng CCAW (sợi nhôm mạ đồng)
Kích thước (CxRxS)	: 410 x 235 x 412 mm/ 795 x 320 x 423 mm (gồm chân)
Trọng lượng	: 37kg/1 cặp net - 43.5kg/1 cặp cho shipping, không chân 72kg/cặp net gồm chân - 86kg/1 cặp cho shipping
Công suất ampli đề nghị	: 25W-200W

Homage Vox



Loa center
Dùng phối ghép cho hệ thống xem phim

Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 300W
Trở kháng	: 4ohm
Độ nhạy	: 89dB
Đáp tuyến tần số	: 50Hz-30kHz
Loa treble	: 1 x 29 mm 29XTR3. Siêu tuyến tính và độ động. Nam châm Neodymium.
Loa mid	: 2 x 150 mm, siêu tuyến tính và độ động. Cuộn coil làm bằng CCAW (sợi nhôm mạ đồng)
Loa bass	: 2 x 180 mm, màng loa bằng hợp chất Aluminium/Magnesium
Kích thước (CxRxS)	: 310 x 825 x 390 mm
Trọng lượng	: 37kg/1 cái net - 43kg/1 cái cho shipping
Công suất ampli đề nghị	: 30W-300W



Olympica III

Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 300W
Trở kháng	: 4ohm
Độ nhạy	: 90dB
Đáp tuyến tần số	: 35Hz-30kHz
Loa treble	: 1 x 29 mm, moving coil, siêu tuyến tính và độ động, nam châm Neodymium.
Loa mid	: 1 x150 mm, siêu tuyến tính và độ động. Cuộn coil làm bằng CCAW (sợi nhôm mạ đồng). Màng loa làm bằng cellulose pulp, kapok, kenaf và các loại sợi tự nhiên khác, loa nhẹ, cứng không méo tiếng.
Loa bass	: 2 x 180 mm, W18XTR cùng loại với loa Aida
Kích thước (CxRxS)	: 1114 x 403 x 508 mm
Trọng lượng	: 88 Kg/1 cặp net - 91 Kg/1 cặp cho shipping
Công suất ampli đề nghị	: 50W-300W



Olympica II

Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 250W
Trở kháng	: 4ohm
Độ nhạy	: 88dB
Đáp tuyến tần số	: 40Hz-30kHz
Loa treble	: 1 x 29 mm, moving coil, siêu tuyến tính và độ động, nam châm Neodymium.
Loa mid	: 1 x150 mm, siêu tuyến tính và độ động. Cuộn coil làm bằng CCAW (sợi nhôm mạ đồng). Màng loa làm bằng cellulose pulp, kapok, kenaf và các loại sợi tự nhiên khác, loa nhẹ, cứng không méo tiếng.
Loa bass	: 1 x 180 mm, W18XTR cùng loại với loa Aida
Kích thước (CxRxS)	: 1055 x 370 x 472 mm
Trọng lượng	: 68 Kg/1 cặp net - 11 Kg/1 cặp cho shipping
Công suất ampli đề nghị	: 50W-250W



Olympica I

Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 150W
Trở kháng	: 4ohm
Độ nhạy	: 87dB
Đáp tuyến tần số	: 50Hz-30kHz
Loa treble	: 1 x 29 mm, moving coil, siêu tuyến tính và độ động, nam châm Neodymium.
Loa mid/bass	: 1 x150 mm, siêu tuyến tính và độ động. Cuộn coil làm bằng CCAW (sợi nhôm mạ đồng).
Kích thước (CxRxS)	: 354 x 222 x 368 mm / 1068 x 287 x 435 mm
Trọng lượng	: 15kg/1 cặp net - 17kg/1 cặp cho shipping
Công suất ampli đề nghị	: 40W-150W

Olympica Center



Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 300W
Trở kháng	: 4ohm
Độ nhạy	: 88dB
Đáp tuyến tần số	: 50Hz-30kHz
Loa treble	: 1 x 29 mm, moving coil, siêu tuyến tính và độ động, nam châm Neodymium.
Loa mid/bass	: 1 x 80mm, siêu tuyến tính và độ động. Cuộn coil làm bằng CCAW (sợi nhôm mạ đồng).
Loa bass	: 2 x 150 mm, siêu tuyến tính và độ động. Cuộn coil làm bằng CCAW (sợi nhôm mạ đồng). Màng loa làm bằng cellulose pulp, kapok, kenaf và các loại sợi tự nhiên khác, loa nhẹ, cứng không méo tiếng.
Kích thước (CxRxS)	: 230 x 649 x 353 mm/ 443 x 438 x 310 mm
Trọng lượng	: 17kg
Công suất ampli đề nghị	: 50W-300W



Venere

Mỹ thuật, thanh tú là mỹ từ để khen tặng dòng loa này. Hơn thế nữa, âm thanh mà chúng đem lại thật đặc biệt, đậm chất sonus faber

Venere 3.0

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 38Hz-25kHz ± 3dB
Công suất	: 250W
Độ nhạy	: 90dB
Trở kháng	: 6ohm
Kích thước (CxRxS)	: 1157 x 340 x 438 mm
Trọng lượng	: 21.30kg



Venere 2.5

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 40Hz-25kHz ± 3dB
Công suất	: 150W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6ohm
Kích thước (CxRxS)	: 1107 x 340 x 437 mm
Trọng lượng	: 19.5kg



Venere 2.0

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 45Hz - 25kHz
Công suất	: 150W
Độ nhạy	: 88dB
Trở kháng	: 6ohm
Kích thước (CxRxS)	: 449x246x336mm
Trọng lượng	: 7 kg



Venere 1.5

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 50Hz-25kHz ± 3dB
Công suất	: 150W
Độ nhạy	: 85dB
Trở kháng	: 6ohm
Kích thước (CxRxS)	: 394 x 206 x 300 mm
Trọng lượng	: 6kg



Venere Center

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 60 Hz-25 kHz ± 3 dB
Công suất	: 150W
Độ nhạy	: 89dB
Trở kháng	: 6ohm
Kích thước (CxRxS)	: 222 x 500 x 290 mm
Trọng lượng	: 9.5kg



Venere Wall

Thông số kỹ thuật	
Tần số	: 50Hz - 25kHz
Công suất	: 150W
Độ nhạy	: 87 dB SPL
Trở kháng	: 6ohm
Kích thước (CxRxS)	: 291 x 500 x 170mm
Trọng lượng	: 6.25 Kg

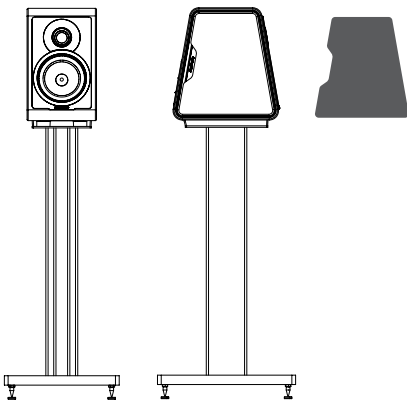
Với bộ sưu tập Chameleon, Sonus faber nhắm đến đối tượng đông hơn người yêu nhạc, yêu thích sản phẩm loa cao cấp của Sonus Faber. Chameleon thừa hưởng các đặc tính kỹ thuật của các dòng loa cao cấp, biến nó thành sản phẩm hiend với giá hợp lý hơn.

Toàn bộ thùng loa được bọc da, các viền khung loa được làm bằng những vành nhôm sang trắng, trông nổi bật và sang trọng. Loa treble được Sonus Faber thiết kế với màng dome bằng vải chứa ferrofluid. Loa mid siêu dynamic và tuyến tính với màng loa bằng polypropylene nung nhiệt cao.

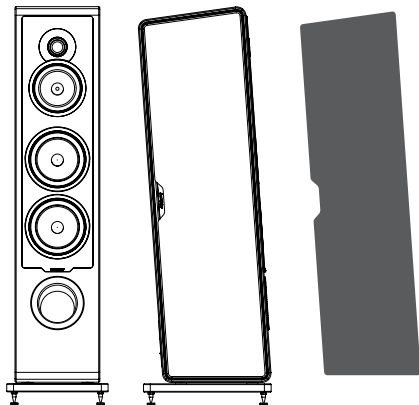
Chameleon collection



Sonus faber
Chameleon B.



Sonus faber
Chameleon T.



Sonus faber
Chameleon C.



Chameleon T

Loa đứng 3 đường tiếng với 1 treble, 1 mid và 2 loa bass. Âm thanh sống động và siêu tuyến tính.



Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 300W
Trở kháng	: 4 ohm
Độ nhạy	: 90dB
Đáp tuyến tần số	: 38Hz-25kHz
Loa treble	: 1 x 29 mm, dome
Loa mid	: 1 x150 mm, siêu tuyến tính và độ động . Màng loa làm bằng polypropylene
Loa bass	: 2 x 180 mm, siêu tuyến tính và độ động . Màng loa làm bằng polypropylene
Kích thước	: 1060x270x355 mm
Trọng lượng	: 24.5kg
Công suất ampli đề nghị	: 40W-300W

Chameleon B

Loa bookshelf, 2 đường tiếng với 1 treble, 1 mid/ bass. Âm thanh sống động và siêu tuyến tính.



Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 150W
Trở kháng	: 4 ohm
Độ nhạy	: 87dB
Đáp tuyến tần số	: 50Hz-25kHz
Loa treble	: 1 x 29 mm, dome.
Loa mid/bass	: 1 x150 mm, siêu tuyến tính và độ động . Màng loa làm bằng polypropylene
Kích thước	: 315x185x283 mm
Trọng lượng	: 6.7kg
Công suất ampli đề nghị	: 30W-150W

Chameleon C

Loa center dung trong hệ thống xem phim



Thông số kỹ thuật	
Công suất	: 150W
Trở kháng	: 4 ohm
Độ nhạy	: 87dB
Đáp tuyến tần số	: 50Hz-25kHz
Loa treble	: 1x29mm, dome.
Loa mid/bass	: 1x150mm, siêu tuyến tính và độ động . Màng loa làm bằng polypropylene
Loa bass thụ động	: 1x150mm. Màng loa làm bằng polypropylene
Kích thước	: 199x540x228mm
Trọng lượng	: 8.1kg
Công suất ampli đề nghị	: 30W-150W



Tannoy vừa mới công bố mẫu loa mới nhất thuộc dòng high-end có tên Kingdom Royal. Sản phẩm đầu bảng này như sự tổng kết “gia tài lịch sử” giàu có của hãng với những cải tiến kỹ thuật đỉnh cao và trình độ chế tạo loa chuyên nghiệp của nhà sản xuất loa nổi tiếng Tannoy.

Công suất loa từ 300W đến 600W với đáp tuyến tần số đạt mức tối ưu từ 24Hz đến 61kHz. Độ nhạy là 96 dB, giúp dễ phối ghép với Ampli.

Cấu trúc loa 4 đường tiếng với loa bass có đường kính 380 mm, loa mid, treble đồng trục và 1 loa super treble chuyên trách tần số siêu cao.

“Loa được cho là sự kết hợp trong thiết kế giữa hai trường phái Ý và Anh Quốc. Đó sự phối ghép giữa da và gỗ cùng các chi tiết mạ vàng cho bề ngoài loa”.

Công suất	: 300W RMS
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 96dB
Đáp tuyến tần số	: 24Hz - 61kHz (-6dB)
Kích thước (CxRxS)	: 1275 x 585 x 600 mm
Trọng lượng	: 120kg
Ampli đề nghị	: 20-600W



KINGDOM ROYAL





Canterbury GR

Canterbury GR là phiên bản mới thay thế cho Model Canterbury SE đã thành công gần một thập niên qua. Củ loa Alnico phát triển từ Gold Monitor trước đây, với từ tính mạnh mẽ, tái tạo âm thanh chuẩn xác nhất. Bộ phân tần dùng linh kiện audiophile được xử lý theo công nghệ làm lạnh âm 190 độ (Deep cryogenically), giữ các trị số bất biến theo thời gian.

Công suất	: 150W RMS/600W peak
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 96dB
Đáp tuyến tần số	: 28Hz-27kHz
Loa treble	: 52 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium/magnesium, nam châm Alnico
Loa bass/mid	: 380 mm
Kích thước (CxRxS)	: 1100 x 680 x 480 mm
Trọng lượng	: 63kg
Công suất ampli đề nghị	: 20W-300W



Westminster GR



Sau nhiều năm làm say mê nhiều thể hệ audiophile trên khắp thế giới, nay dòng loa Prestige SE được thay thế bằng thể hệ GR (Gold Reference), tạo ra một chương mới trong lịch sử của dòng sản phẩm danh giá này.

Củ loa mới thuộc dòng Monitor Gold được cải tiến. Màng loa bass với hai gân nhúng, được gia tăng thêm độ cứng bằng chất liệu sợi, có đặc tính nhẹ, dễ dàng đáp ứng nhanh khi tần số thay đổi, cải thiện về độ động (dynamic) cực tốt, giảm tối thiểu độ méo tiếng, giúp tiếng mid tự nhiên hơn rất nhiều.

Loa treble với khả năng tái tạo tần số cao lên 27kHz. Màng loa bằng hợp chất nhôm-ma-nê, gân nhúng bằng sợi Mylar™, nam châm Alnico và hống hướng sóng hạt tiêu (Pepperpot Waveguide™) cho âm tần số cao vượt trội hẳn so với củ loa treble thế hệ trước.

Công suất	: 175W RMS/700W peak
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 99dB
Đáp tuyến tần số	: 18Hz-27kHz
Loa treble	: 52 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium/magnesium
Loa bass/mid	: 380 mm
Kích thước (CxRxS)	: 1395 x 980 x 560 mm
Trọng lượng	: 138kg
Công suất ampli đề nghị	: 25W-350W





Kensington GR

Củ loa Alnico, ống hướng sóng hạt tiêu

Công suất	: 125W RMS/500W peak
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 93dB
Đáp tuyến tần số	: 29Hz-27kHz
Loa treble	: 52 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium, nam châm Alnico
Loa bass/mid	: 250 mm
Kích thước (CxRxS)	: 1100 x 406 x 338 mm
Trọng lượng	: 37kg
Công suất ampli đề nghị	: 50W-250W



Turnberry GR

Củ loa Alnico, ống hướng sóng hạt tiêu

Công suất	: 100W RMS/400W peak
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 93dB
Đáp tuyến tần số	: 34Hz-44kHz
Loa treble	: 52 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium, hợng loa tulip
Loa bass/mid	: 250 mm
Kích thước (CxRxS)	: 950 x 456 x 336 mm
Trọng lượng	: 30kg
Công suất ampli đề nghị	: 30W-180W



Stirling GR

Củ loa Alnico, ống hướng sóng hạt tiêu

Công suất	: 90W RMS/300W peak
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 91dB
Đáp tuyến tần số	: 39Hz-46kHz
Loa treble	: 25 mm, loa dome bằng hợp chất aluminium, hợng loa tulip
Loa bass/mid	: 250 mm
Kích thước (CxRxS)	: 850 x 397 x 368 mm
Trọng lượng:	23kg
Công suất ampli đề nghị	: 30W-150W

Autograph Mini



Autograph Mini là cặp loa tí hon nhất mà Tannoy từng sản xuất do dòng loa Prestige. Với trọng lượng mỗi loa 4kg gồm 1 bass/mid 100 và 1 loa treble Titan 19 mm

Công suất	: 50W RMS
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 88dB
Đáp tuyến tần số	: 68Hz-54kHz
Kích thước (CxRxS)	: 345 x 210 x 130 mm
Trọng lượng	: 4kg
Ampli đề nghị	: 15-100W

SuperTweeter™

Để gia tăng tần số cao cho các dòng loa, Tannoy chế tạo loa riêng đặc trách tần số siêu cao lên đến 100kHz.



ST200



Loa Supertweeter ST200 được thiết kế siêu nhỏ, đặc trách cho tần số siêu cao, dùng để cải thiện âm tần số cao cho các bộ dàn hiend. Loa đặt trên đầu loa của bộ dàn đang dùng và kết nối song song với loa chính.

Công suất	:135W RMS
Trở kháng	: 8 Ω
Độ nhạy	: 95 dB
Đáp tuyến tần số	: 54Hz, (- 18dB) đến 100kHz
Loa treble	: 25mm, 25 micron titanium dome, gold finish, với nam châm neodymium
Kích thước (CxRxS)	: 150mm
Trọng lượng	: 3.5 Kg

ST100



Loa Supertweeter ST100 được thiết kế siêu nhỏ, đặc trách cho tần số siêu cao, dùng để cải thiện âm tần số cao cho các bộ dàn hiend. Loa đặt trên đầu loa của bộ dàn đang dùng và kết nối song song với loa chính.

Công suất	:135W RMS/550W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 95dB
Đáp tuyến tần số	: 54Hz, (- 18dB) đến 100kHz
Loa treble	: 25 mm, 25 micron titanium dome, gold finish, với nam châm neodymium
Kích thước (CxRxS)	: 150 mm
Trọng lượng	: 6.5kg

ST50



Loa Supertweeter ST50 được thiết kế siêu nhỏ, đặc trách cho tần số siêu cao, dùng để cải thiện âm tần số cao cho các bộ dàn hiend. Loa đặt trên đầu loa của bộ dàn đang dùng và kết nối song song với loa chính.

Công suất	:110W RMS/450W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 93dB
Đáp tuyến tần số	: 54Hz, (- 18dB) đến 100kHz
Loa treble	: 25 mm, 25 micron titanium dome, gold finish, với nam châm neodymium
Kích thước (CxRxS)	: 150 mm
Trọng lượng	: 0.75kg

DC 10A Definition



DC10A là đôi thuộc dòng Definition nhưng được thừa hưởng nhiều đặc tính của dòng Prestige. Củ loa cùng loại với Kensington SE, dùng nam châm Alnico. Bộ phân tần dùng kỹ thuật Deep Cryogenically Treated, một công thức đông lạnh chậm dần cho đến âm 190 độ, sau đó lại cho “rã đông” trong một khoảng thời gian qui định. Qui trình này làm hạn chế vĩnh viễn các ứng suất từ các siêu cấu trúc của các thành phần linh kiện của bộ phân tần, giúp âm thanh tái tạo thật sự trung thực, chính xác, chi tiết và bất biến theo thời gian. DC10A được thiết kế theo phong cách hiện đại với vỏ ngoài làm bằng gỗ thật và sơn mài bóng loáng, trông trang nhã và sang trọng. Chất âm của DC10 trung thực, rõ ràng và chi tiết, làm thỏa mãn bất kỳ audiophile nào khó tính nhất.

Công suất	:150W/600W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 93dB
Đáp tuyến tần số	: 28Hz-22kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1135 x 345 x 438 mm
Trọng lượng	: 42.7kg
Ampli đề nghị	: 30-300W

DC 10Ti



DC10Ti được nâng cấp từ dòng DC10T với sự thêm vào chân loa trông đẹp mắt. Loa thiết kế dùng cho audiophile với đường nét chắc chắn, tinh xảo. Bộ Crossover dùng kỹ thuật Deep Cryogenically Treated, với dây dẫn bằng đồng mạ bạc và cọc loa bi-wire có cọc nối đất độc đáo của Tannoy.

Công suất	: 125W/500W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 92dB
Đáp tuyến tần số	: 30Hz-35kHz
Loa treble	: 25 mm, loa dome bằng hợp chất titanium, họng loa tulip
Loa mid	: 245 mm
Loa bass	: 250mm
Kích thước (CxRxS)	: 1125 x 339 x 320mm
Trọng lượng	: 40.5kg
Ampli đề nghị	: 30-250W

DC 8Ti



DC8Ti được nâng cấp từ dòng DC8T với sự thêm vào chân loa trông đẹp mắt. Loa thiết kế dùng cho audiophile với đường nét chắc chắn, tinh xảo. Bộ Crossover dùng kỹ thuật Deep Cryogenically Treated, với dây dẫn bằng đồng mạ bạc và cọc loa bi-wire có cọc nối đất độc đáo của Tannoy.

Công suất	: 100W/400W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 89dB
Đáp tuyến tần số	: 30Hz-35kHz
Loa treble	: 25 mm, loa dome bằng hợp chất titanium, họng loa tulip
Loa mid	: 200 mm
Loa bass	: 200 mm
Kích thước (CxRxS)	: 1025 x 271 x 260 mm
Trọng lượng	: 28.5kg
Ampli đề nghị	: 30-200W

DC 8



Công suất	: 87W/350W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 88dB
Đáp tuyến tần số	: 42Hz-35kHz
Loa treble	: 25 mm, loa dome bằng hợp chất titanium, họng loa tulip
Loa bass/mid	: 200 mm
Kích thước (CxRxS)	: 470 x 271 x 260 mm
Trọng lượng	: 10kg
Ampli đề nghị	: 30-175W

Precision Precision Precision

Công suất	:100W/400W
Trở kháng	: 8 Ω
Độ nhạy	: 90 dB
Đáp tuyến tần số	: 29 Hz - 35 kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1052 x 310 x 352 mm
Trọng lượng	: 21.8 Kg
Ampli đề nghị	: 20 - 200 W

Precision 6.4

Precision 6.4 được thiết kế 3 đường tiếng với 1 loa mid/treble đồng trục, 3 loa bass trong đó có 2 loa bass thụ động. Loa thiết theo kiểu nén kín, không dùng bassreflex. Âm bass mạnh, mid, treble rõ, trong trẻo.



Precision 6.2

Công suất	:87W/350W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 89dB
Đáp tuyến tần số	: 34Hz-35kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1000 x 310 x 283 mm
Trọng lượng	: 18.4kg
Ampli đề nghị	: 20-175W



Precision 6.1

Loa Bookshelf có thể dùng làm loa Surround

Công suất	: 75W/300W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 88dB
Đáp tuyến tần số	: 43Hz-35kHz
Kích thước (CxRxS)	: 330 x 224 x 257 mm
Trọng lượng	: 7.3kg
Ampli đề nghị	: 20-150W

Precision 6C



Loa centre

Công suất	: 87W/350W
Trở kháng	: 8ohm
Độ nhạy	: 90dB
Đáp tuyến tần số	: 36Hz-35kHz
Kích thước (CxRxS)	: 237 x 585 x 256 mm
Trọng lượng	: 13kg
Ampli đề nghị	: 20-175W



Revolution XT



Revolution XT 8F

Revolution XT 8F là đôi loa đứng lớn nhất thuộc dòng Revolution XT với những thiết kế cải tiến hoàn toàn mới so với dòng Revolution cũ, đem lại người nghe chất lượng âm thanh xuất sắc trong tầm giá. Loa được thiết kế 3 đường tiếng với loa bass 200mm, loa mid/treble đồng trục truyền thống của Tannoy.

Công suất	: 100W/400W
Trở kháng	: 8Ω
Độ nhạy	: 91dB
Đáp tuyến tần số	: 34Hz - 32kHz
Loa treble	: 25mm, đồng trục, dome với kỹ thuật Torus Ogive WaveGuide và nam châm đa hướng Omnimagnet
Loa mid	: 200mm, đồng trục, màng giấy và sợi tổng hợp
Loa bass	: 200mm, màng giấy và sợi tổng hợp
Kích thước (CxRxS)	: 1080 x 317 x 345 mm
Trọng lượng	: 19.9kg
Ampli đề nghị	: 30 - 200 W



Revolution XT 6F

Công suất	: 75W/300W
Trở kháng	: 8Ω
Độ nhạy	: 90dB
Đáp tuyến tần số	: 38Hz-32kHz
Loa treble	: 25mm, đồng trục, dome với kỹ thuật Torus Ogive WaveGuide và nam châm đa hướng Omnimagnet
Loa mid	: 150mm, đồng trục, màng giấy và sợi tổng hợp
Loa bass	: 150mm, màng giấy và sợi tổng hợp
Kích thước (CxRxS)	: 1005 x 269 x 317 mm
Trọng lượng	: 16.3kg
Ampli đề nghị	: 25-150W



Revolution XT 6

Công suất	: 60W/240W
Trở kháng	: 8Ω
Độ nhạy	: 89dB
Đáp tuyến tần số	: 46Hz-32kHz
Loa treble	: 25mm, đồng trục, dome với kỹ thuật Torus Ogive WaveGuide và nam châm đa hướng Omnimagnet
Loa mid/bass	: 150mm, đồng trục, màng giấy và sợi tổng hợp
Kích thước (CxRxS)	: 400.5 x 221 x 302 mm
Trọng lượng	: 7.5kg
Ampli đề nghị	: 25 - 120 W



Accuphase

Accuphase là một tên tuổi lớn trong làng Hiend thế giới. sản phẩm của Accuphase đa dạng, từ Ampli integrated, đầu phát CD, Pre/Power đến các thiết bị lọc nguồn. Đặc tính của Accuphase là sản phẩm rất bền, chất lượng âm thanh cao, được các audiophile thế giới khen tặng và các tạp chí chuyên ngành đánh giá cao.

Thuật ngữ kỹ thuật:

AAVA (Accuphase Analog Vari-gain Amplifier): Mạch kiểm soát âm lượng ở phần tiền khuếch đại. Nguyên lý hoạt động là chuyển nạp tín hiệu âm nhạc vào mạch khuếch đại chuyển đổi điện thế qua dòng (V-I). Sau đó phân thành 16 nấc dòng điện (1/2, 1/4, ..., 1/32,768, 1/65,536) và được điều khiển qua mạch On/ Off dùng chip xử lý. Cuối cùng của mạch xử lý này là chuyển dòng điện chứa tín hiệu âm thanh về lại điện thế. Khi dòng thay đổi từ thấp đến cao, điện thế đầu ra sẽ thay đổi và điều chỉnh âm lượng âm thanh. Vì không sử dụng chiếc áp bằng điện trở thông thường, nên trở kháng không thay đổi dù tăng volume, loại bỏ hoàn toàn các vấn đề nhiễu nền trên tín hiệu (S/N Ratio) và giữ nguyên chất lượng tín hiệu âm thanh từ ngõ vào đến đầu ra . Nhờ vậy, các ampli của Accuphase được cho là tái tạo âm thanh rõ và rất trung thực.

MDSD(Multiple Double Speed DSD): Là kỹ thuật mới có tác dụng giảm ồn trong quá trình phát đĩa SACD. Tín hiệu ghi trên SACD (2.822 MHz, 1 bit DSD signal) có đáp tuyến tần số và độ động rất rộng. Tuy nhiên về nguyên lý nó gồm cả thành phần ồn lượng tử vượt ngưỡng tai người nghe khoảng trên 100kHz. Mạch MDSD kết hợp giữa tốc độ gấp đôi và mạch lọc trung bình động để loại bỏ các thành phần nhiễu ở tần số siêu cao. Đây chính là kỹ thuật cốt lõi của Accuphase dành cho đầu phát cao cấp. Trải qua nhiều phiên bản, mạch DAC này được nâng cấp ngày càng hoàn thiện và cho chất âm mượt mà và trung thực hơn.

MCS(Multiple Circuit Summing-up): MCS Là kỹ thuật cải thiện hiệu suất mạch khuếch đại analog. Nguyên lý cơ bản nó giống như kỹ thuật MMB và MDS. Đơn giản là kết nối nhiều mạch song song để tạo thành một mạch, nhằm tăng hiệu suất hoạt động lên nhiều lần

MDS (Multi Delta Sigma): Kỹ thuật cải thiện hiệu suất các bộ chuyển đổi D/A bằng cách ghép song song nhiều chip xử lý Sigma để tốc độ chuyển đổi nhanh và giảm nhiễu tốt hơn. Kỹ thuật này cơ bản dựa trên kỹ thuật trước là MMB (Multiple Multi-Bit) và cũng là nền tảng để phát triển các kỹ thuật khác như MDS+, MDS++, MCS và MCS+



Preamplifier

Accuphase C-3850

Precision Stereo Preamplifier

Preamplifier đỉnh cao của Accuphase.



Đặc điểm : Mạch kiểm soát âm lượng AAVA. Hai biến áp nguồn riêng cho 2 kênh. Mạch gain có thể hiệu chỉnh. Từng modul bo mạch 2 kênh tách biệt hoàn toàn.
Gain selector : 12dB, 18dB, 24dB
Ngõ vào : 6 x RCA/ 4 x balance
Ngõ ra : 2 x RCA/ 2 x balance
EXT PRE : 1 x RCA/ 1 x balance
Kích thước (CxNxS) : 156 x 477x 412
Trọng lượng : 24.8kg

Accuphase C-2820

Precision Stereo Preamplifier



- Đặc điểm : Mạch kiểm soát âm lượng AAVA. Hai biến áp nguồn riêng cho 2 kênh. Mạch gain có thể hiệu chỉnh. Từng modul bo mạch 2 kênh tách biệt hoàn toàn.
- Gain selector : 12dB, 18dB, 24dB
- Ngõ vào : 5 x RCA/ 2 x balance
- Ngõ ra : 2 x RCA/ 2 x balance
- EXT PRE : 1 x RCA/ 1 x balance
- Kích thước (C x N x S): 156 x 477x 412
- Trọng lượng : 23.7kg

Accuphase C-2420

Precision Stereo Preamplifier



- Đặc điểm : Mạch kiểm soát âm lượng AAVA. Hai biến áp nguồn riêng cho 2 kênh. Mạch gain có thể hiệu chỉnh. Từng modul bo mạch 2 kênh tách biệt hoàn toàn.
- Gain selector : 12dB, 18dB, 24dB
- Ngõ vào : 5 x RCA/ 2 x balance
- Ngõ ra : 2 x RCA/ 2 x balance
- EXT PRE : 1 x RCA/ 1 x balance
- Kích thước (CxN xS) : 150 x 465x 409
- Trọng lượng : 19.2kg

Accuphase C-2120

Precision Stereo Preamplifier



- Đặc điểm : Mạch kiểm soát âm lượng AAVA. Hai biến áp nguồn riêng cho 2 kênh. Mạch gain có thể hiệu chỉnh. Từng modul bo mạch 2 kênh tách biệt hoàn toàn.
- Gain selector : 12dB, 18dB, 24dB
- Ngõ vào : 5 x RCA/ 2 x balance
- Ngõ ra : 2 x RCA/ 1 x balance
- EXT PRE : 1 x RCA/ 1 x balance
- Kích thước (CxNxS) : 150 x 465 x 405
- Trọng lượng : 16.8kg

Accuphase C-37

Stereo Phono Amplifier



- Sản phẩm kỷ niệm 40 năm thành lập hãng.
- Đặc điểm : Mạch khuếch đại ngõ vào MM/MC với mức ổn cực thấp. Linh hoạt chuyển đổi trở kháng với ba mức cho MM và sáu mức cho MC. Ba ngõ vào analog với bộ nhớ thiết lập riêng.
- MM : 1kΩ, 47kΩ, 100kΩ
- MC : 3Ω, 10Ω, 30Ω, 100Ω, 300Ω, 1kΩ
- Ngõ vào : 3 x RCA
- Ngõ ra : 1 x RCA/ 1 x balance
- Kích thước : 114 x 465x 407 (C x N x S)
- Trọng lượng : 20Kg



Power Amplifier

Accuphase A 200

Class-A Monophonic Power Amplifier



Power pure Class A, 100 W (8 Ohm)

Hai mạch khuếch đại riêng biệt nổi song song

20 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao chịu được trở kháng siêu thấp đến 1 Ohm

Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao

- Công suất : 400W (2ohm)/200W (4ohm)/100W (8ohm)
- Tần số : 20Hz-20kHz
- Kích thước : 238 x 565 x 514 mm
- Trọng lượng : 46kg

Accuphase A 70

Class-A 60W/Ch Stereo Power Amplifier



Power pure Class A, 80 W (8 Ohm) x 2 CH

10 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao chịu được trở kháng siêu thấp đến 1 Ohm.

Có thể nối cầu trở thành Power mono có công suất lớn gấp đôi

Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao

Công suất	240 W (2 ohm) /120 W(4 ohm)/60 W (8 ohm)
Công suất nối cầu Mono	480 W (4 ohm)/240 W (8 ohm)
Tần số	20 Hz-20kHz
Kích thước	238 x 465 x 515mm
Trọng lượng	43.3Kg

Accuphase M 6200

Monophonic Power Amplifier



Hai mạch công suất nối song song

16 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao

Có thể nối cầu 2 Power M-6200 để có công suất cao hơn

Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao

Công suất	: 600 W (2 ohm) /300 W(4 ohm)/150 W (8 ohm)
Tần số	: 20 Hz-20kHz
Kích thước	: 220 x 465 x 500mm
Trọng lượng	: 40 Kg

Accuphase A 46

Class-A 45W/Ch Stereo Power Amplifier



Power pure Class A, 45 W (8 Ohm) x 2 CH

6 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao chịu được trở kháng siêu thấp đến 1 Ohm.

Có thể nối cầu trở thành Power mono có công suất lớn gấp đôi

Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao

Công suất	: 180 W (2 ohm) /90 W(4 ohm)/45 W (8 ohm)
Công suất nối cầu Mono	: 360 W (4 ohm)/180 W (8 ohm)
Tần số	: 20 Hz-20kHz
Kích thước	: 211 x 465 x 464mm
Trọng lượng	: 31.9kg

Accuphase P 6100

Stereo Power Amplifier



8 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao

Có thể nối cầu 2 Power M-6000 để có công suất cao hơn

Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao

Công suất	440 W (2 ohm) /220 W(4 ohm)/110 W (8 ohm)
Công suất nối cầu Mono	880 W (4 ohm)/440 W (8 ohm)
Tần số	20 Hz-20kHz
Kích thước	221 x 465 x 499mm
Trọng lượng	42.7Kg

Accuphase A 36

Class-A 30W/Ch Stereo Power Amplifier



Power pure Class A, 30 W (8 Ohm) x 2 CH

3 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao chịu được trở kháng siêu thấp đến 1 Ohm.

Có thể nối cầu trở thành Power mono có công suất lớn gấp đôi

Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao

Công suất	120 W (2 ohm) /60 W(4 ohm)/30 W (8 ohm)
Công suất nối cầu Mono	240 W (4 ohm)/120 W (8 ohm)
Tần số	20 Hz-20kHz
Kích thước	171 x 465 x 425mm
Trọng lượng	22.8Kg

Accuphase P 4200

Stereo Power Amplifier



3 MOS-FET bắt song song trong mạch Push-Pull cho công suất cao

Có thể nối cầu 2 Power M-6000 để có công suất cao hơn

Biến áp nguồn cực lớn với tụ lọc có trị số cao

Công suất	360 W (2 ohm) /180 W(4 ohm)/90 W (8 ohm)
Công suất nối cầu Mono	720 W (4 ohm)/360 W (8 ohm)
Tần số	20 Hz-20kHz
Kích thước	190 x 465 x 427mm
Trọng lượng	28.9Kg



Integrated Ampli



Accuphase E 600



Ampli tích hợp Pure Class A
Mạch AAVA volume control. Tăng ra với 3
mạch song song Push pull bằng sò MOS-FET

Công suất	120 W/ch 2-ohm load
	60 W/ch 4-ohm load
	30 W/ch 8-ohm load
Kích thước (C x N x S) 191 x 465 x 428	
Trọng lượng 24.7Kg	

Accuphase E 470



Mạch AAVA volume control. Tăng ra với 3
mạch song song Push pull bằng sò MOS-FET

Công suất	260 W/ch 2-ohm load
	220 W/ch 4-ohm load
	180 W/ch 8-ohm load
Kích thước (C x N x S) 181 x 465 x 428	
Trọng lượng 24.5Kg	

Accuphase E 360



Mạch AAVA volume control. Tăng ra với
mạch song song Push pull bằng transistor

Công suất	140 W/ch 2-ohm load
	120 W/ch 4-ohm load
	100 W/ch 8-ohm load
Kích thước (C x N x S) 171 x 465 x 422	
Trọng lượng 21.7Kg	

Accuphase E 260



Mạch AAVA volume control. Tăng ra với 3
mạch song song Push pull bằng transistor

Công suất	115 W/ch 2-ohm load
	105 W/ch 4-ohm load
	90 W/ch 8-ohm load
Kích thước (C x N x S) 151 x 465 x 420	
Trọng lượng 20 Kg	

Accuphase DP-900/DC-901

Bộ đầu phát CD transport

CD Player



Accuphase DP-900

Precision SA-CD transport

Ngõ ra digital SACD/CD với tốc độ siêu cao.

Hệ thống cơ và sườn máy cứng chắc. Học đĩa ra vào
êm ái, rất tốt cho vận hành đĩa SACD ở tốc độ cao.

Kỹ thuật xử lý tín hiệu đặc biệt bảo đảm chất lượng
tín hiệu cao nhất từ đĩa CD.

Hai mắt đọc laser cho SACD (650nm) và CD
(780nm).

Đường kết nối riêng của Accuphase HS-LINK, kết
nối với DC-901, cho tín hiệu âm thanh digital chất
lượng cao nhất.

Ngõ ra Coaxial (tín hiệu CD)

Bộ cấp nguồn với hai biến áp hình xuyên với hàng
tụ lọc 10 cái có trị số 3000µF, cho phép cấp riêng
từng bộ phận trong máy, tránh can nhiễu lẫn nhau.

Hiển thị thông tin bài hát, ca sĩ lên mặt máy.

Chân máy bằng hợp chất gang chống rung cực tốt
giúp toàn bộ máy vận hành trong môi trường cực êm

Kích thước	156 x 477 x 394
Trọng lượng	30 Kg



Accuphase DC-901

Precision Digital Processor

Bộ giải mã tín hiệu digital

Accuphase DC-901 là bộ xử lý tín hiệu digital với
chất lượng cao nhất.

Thiết kế để dùng chung với DP-900 hoặc có thể
dùng riêng với những transport khác.

Ngõ vào digital	: HS-Link/Balance/Coaxial/Optical/USB
Ngõ ra digital	: Coaxial/Optical
Tần số lấy mẫu	: HS-LINK 32kHz to 192kHz/24 bit (2-channel PCM) 2.8224MHz/1bit (2ch DSD) USB, COAXIAL, BALANCED 32kHz to 192kHz/24 bit (2-channel PCM) OPTICAL 32kHz to 96kHz/24 bit (2-channel PCM)
D/A converter	: MDSD principle (DSD signal) MDS principle (PCM signal)
Kích thước	: 156 x 477 x 394
Trọng lượng	: 23.4kg



Accuphase DP-720

Đầu phát SACD/CD DP-720 thừa hưởng những đặc điểm kỹ thuật cao cấp của bộ CD Transport DP-900/DC-901, nhằm mục đích đạt đến sự hoàn hảo nhất cho dòng đầu phát tích hợp.

Phần Transport

Dạng đĩa tương thích 2-channel Super Audio CD/CD/DSD disc (DSF file format)
Phương thức đọc dữ liệu Mắt đọc quang không tiếp xúc
Bước sóng Laser diode SA-CD: 650 nm/CD: 780 nm
Ngõ ra EXT DSP HS-LINK dùng như Transport output signal
Ngõ ra COAXIAL

Phần xử lý tín hiệu digital

Ngõ vào HS-LINK/COAXIAL/OPTICALUSB 2.0 Hi-Speed (480 Mbps)
Sampling frequency 32 kHz,44.1 kHz,48 kHz,88.2 kHz,96 kHz176.4 kHz, 192 kHz (16 to 24 bits, 2 channel PCM) (OPTICAL: 32 kHz to 96 kHz) /HS-LINK: 2.8224 MHz (1-bit 2-channel DSD)
D/A converter 8 MDSd type converters (DSD signal)
8 MDS++ type converters (PCM signal)
Ngõ ra 1 x balance/ 1 x RCA

Kích thước 156 x 477 x 394
Trọng lượng 28.4 Kg



Accuphase DP-550

Đầu phát CD/SACD

Phần Transport

Dạng đĩa tương thích 2-channel Super Audio CD/CD/DSD disc (DSF file format)
Phương thức đọc dữ liệu Mắt đọc quang không tiếp xúc
Bước sóng Laser diode SA-CD: 650 nm/CD: 780 nm
Ngõ ra EXT DSP HS-LINK dùng như Transport output signal
Ngõ ra COAXIAL / OPTICAL

Phần xử lý tín hiệu digital

Ngõ vào : HS-LINK /COAXIAL/USB 2.0 Hi-Speed(480 Mbps)
Sampling frequency : HS-LINK 32 kHz to 192 kHz/24-bit (2-channel PCM)/2.8224 MHz/1-bit (2-channel DSD) USB, COAXIAL: 32 kHz to 192 kHz/24-bit (2-channel PCM)
D/A converter : 32kHz to 96kHz/24-bit (2-channel PCM)
Ngõ ra : 4 MDS+ principle
: 1 x balance/ 1 x RCA

Kích thước : 151 x 465 x 393
Trọng lượng : 18.5kg



Phần Transport

Quantization : 16 bit/Sampling frequency: 44.1 kHz
Tốc độ : 500 – 200 rpm (CLV)
Thời gian scan đĩa : 1.2 – 1.4 m/s
Phương thức đọc dữ liệu : Mắt đọc quang không tiếp xúc
Transport output : COAXIAL/OPTICAL

Accuphase DP-510

Đầu phát CD

Phần xử lý tín hiệu digital

Input format: Quantization: 16 – 24 bits, linear
Sampling frequencies COAXIAL: 32 kHz to 192 kHz/OPTICAL: 32kHz to 96kHz
Digital input level COAXIAL: 0.5 Vp-p, 75 ohms/OPTICAL (JEITA CP-1212):
Light output –27 to –15 dBm D/A converter 24 bits, 6MDS++ type
Signal-to-noise ratio : 114dB hoặc tốt hơn
Dynamic range : 110dB hoặc tốt hơn (24-bit input)
Ngõ ra : 1 x balance/1 x RCA

Kích thước : 151 x 465 x 393 mm
Trọng lượng : 17.8kg



Phần Transport

Quantization : 16 bit/Sampling frequency: 44.1kHz
Tốc độ : 500 – 200 rpm (CLV)
Thời gian scan đĩa : 1.2 – 1.4 m/s
Phương thức đọc dữ liệu : Mắt đọc quang không tiếp xúc
Transport output : COAXIAL/OPTICAL

Accuphase DP-410

Đầu phát CD

Phần xử lý tín hiệu digital

Input format : Quantization: 16 – 24 bits, linear
Sampling frequencies : 32kHz, 44.1kHz, 48kHz, 88.2kHz, 96kHz, 176.4kHz, 192kHz (all 16 - 24 bit 2ch PCM) (OPTICAL 32kHz - 96kHz)
D/A converter : 24 bits, 6MDS++ type
Signal-to-noise ratio : 114dB hoặc tốt hơn
Dynamic range : 110dB hoặc tốt hơn (24-bit input)
Ngõ ra : 1 x balance/ 1 x RCA

Kích thước : 151 x 465 x 393 mm
Trọng lượng : 14kg



Accuphase DG-58

Digital Voicing Equalizer

Bộ xử lý tần số phù hợp phòng nghe

Hoàn toàn xử lý tín hiệu bằng kỹ thuật số. Mạch DSP tốc độ cao với 40 bit floating point. Bộ lọc kỹ thuật số riêng biệt cho các bộ phận tiếng và mạch cân chỉnh. Màn hình LCD hiển thị bằng màu, kích thước rộng, cho phép dùng viết vẽ các biểu độ tần số bạn ưa thích. Nhớ được 30 chương trình lập sẵn. Bộ phân tích phổ tần real time cho trình diễn tín hiệu âm nhạc và ngõ vào Micro. Ngõ và/Ra Analog và Digital tiêu chuẩn.

Ngõ vào Digital : HS-Link, Coaxial, Optical
Ngõ vào Annalog : Balance, RCA
Ngõ ra Digital : HS-Link, Coaxial, Optical
Ngõ ra Annalog : Balance, RCA
Kích thước : 161 x 465 x 396
Trọng lượng : 22 Kg

Wadia

DAC



321 Decoding Computer

Bộ chuyển đổi DA-321 có 2 ngõ vào optical, 2 ngõ coaxial và ngõ USB tốc độ cao, cho phép âm nhạc từ bất cứ nguồn phát nào được tái tạo một cách cực kỳ chính xác. Ngõ ra RAC và balance mới mức nhiễu gần như bằng Zero Thiết kế vỏ ngoài đẹp mắt, mỹ thuật với đường nét tinh xảo bằng các chất liệu cao cấp có đặc tính chống rung cao.

Ngõ ra	: 600 ohms RCA và Balanced
Digital Input Format	: SPDIF (PCM)
Digital Input Sample Rate	: Coaxial và Optical: Up to 192KHz, 24-Bit
USB	: Lên đến 192KHz, 32-Bit
Ngõ vào Digital	: Coaxial x 2/Optical x 2/ USB Type B Connector
Kích thước	: 454x86x508 mm
Trọng lượng	: 11.4kg



di122

Wadia di122 là bộ giải mã DAC 2 kênh tích hợp những công nghệ cao cấp của Wadia dành cho Series 1 mới nhất. Kích thước nhỏ gọn, thẩm mỹ và cùng một kiểu dáng của Power a102, để trở thành một cặp đôi lý tưởng dành cho audiophile nhạc số.

Ngõ ra	: RCA / Balance 100 ohms
Digital Input Signal Format	: Coaxial và Optical Inputs - SPDIF (PCM) USB Input - PCM, DSD
Digital Input Sample Rate	: Coaxial và Optical: 44.1kHz to 192kHz, 24-Bit
USB	: 44.1kHz to 384kHz, 32-Bit (PCM), DSD64, DSD128, DXD352.8kHz, DXD384kHz
Ngõ vào digital Connector	: Coaxial x 2/ Optical x2/ USB: USB Type B
Chú ý	: Dùng AC/DC Power Adapter
Kích thước	: 254 x 80 x 356mm
Trọng lượng	: 3.2kg



DAC + AMPLIFIER | Intution 01

Intuition 01 là bộ DAC cao cấp với kỹ thuật Upsampling tích hợp Ampli công suất cao lên đến 350W x 2 kênh. DAC Power Intuition 01 thật sự là một sản phẩm cần thiết cho các audiophile muốn khai thác sự tiện lợi của nguồn nhạc số mệnh mông trong kho tàng âm nhạc thế giới.

Power	: 350Wx2 4 ohm / 190Wx2 8 ohm
Upsampling	: 1.536MHz Wadia Delta-SigMaster 32 bit upsampling algorithm
Digital to analog	: 32bit ESS 9018
Frequency response	: 3hz-45khz (-3db) for 1w @ 8 ohm
S/N	: 113dbA (20-20k hz A weighted)
Jitter	: Thấp hơn 1pS RMS
Méo hài	: < 0.005% (THD, DIM, SMPTE)
7 Ngõ vào Digital	: 1xUSB, 1x Optical, 2xWadialink (12S), 1xbalance, 2xCoaxial
Ngõ vào Analog	: 2x Analog (RCA)
Kích thước	: 380 x 380 x 60 mm
Trọng lượng	: 6kg

MUSIC SERVER

M330 là một Media Server cho phép bạn truy cập vào nó và phát các file nhạc chứa trong ổ cứng hoặc vào inetnet để khai thác các kho nhạc số khổng lồ chứa trên những website. Ổ cứng 1 TB được gắn bên trong và nhiều ngõ cắm như USB, eSata cho phép kết nối thêm từ bên ngoài. Tích hợp sẵn các web nghe nhạc online Pandora®, SiriusXM®, Spotify®, Rhapsody, TIDAL and Tuneln.

Hệ điều hành hoạt động nhanh chóng, yên tĩnh và bền. Có thể được điều khiển bằng App trên iPhone, iPad và Android, trình duyệt web hoặc bằng chính remote theo máy. Nếu kết nối m330 với bộ giải mã DAC 321 decoding computer và power a315 hoặc a340 thì thành một bộ hoàn hảo nhất



m330

Music Server + DAC + Preamplifier

Ngõ ra Analog

Ngõ ra Digital

Ngõ vào USB

Ngõ ra audio USB

Network Connection

Ngõ ra DVI

Ngõ vào eSATA

Digital Output Format

Digital Output Sample Rate

Kích thước

Trọng lượng

: Balance x 1/ RCA x 1

: COAXIAL x1/ OPTICAL x 1

: USB 2.0 x 2 / USB 3.0 x 2

: x 1

: 1 (10/100/1000)

: x 1/ HDMI x1 (chỉ dùng để xem thông tin)

: x 1

: SPDIF (PCM)

: Up to 24-Bit/192kHz

: 454x86x508 mm

: 11.3kg

POWER AMPLIFIER

Công nghệ thế giới giờ đây cho phép các nhà sản xuất thiết bị khuếch đại công suất thiết kế những Ampli với mạch class D hoàn chỉnh nhất, không sợ méo tiếng ở tần số thấp. Hơn thế nữa, với lợi thế của mình, các ampli class D cho dải trung, cao cực rõ và chính xác. Tiêu thụ năng lượng ít, giá thành hạ mà chất lượng trình diễn tuyệt vời là những power thế hệ mới của Wadia



a340

a340 là power mono class D, có công suất 400 W tại 8 Ohm hoặc 500W tại 4 Ohm. Nó được thiết kế cùng kích cỡ và hình dáng với bộ DAC 321 decoding computer.

Công suất

Tần số

WIDE BAND DAMPING FACTOR

Kích thước

Trọng lượng

: 400 watts 8 ohm/500 watts 4 ohm

: +0, -0.5dB từ 20Hz to 20kHz/+0, -3.0dB từ 10Hz to 70kHz

: 320, 8 ohm/160, 4 ohm

: 454 x 86 x 508mm

: 12 kg

Sản phẩm - Wadia

a315

a 315 là Power stereo với công suất 150 watt mỗi kênh tại 8 ohms hoặc 250 watt mỗi kênh tại 4 ohm. Nó được thiết kế để đi chung với đầu giải mã DAC 321 decoding computer, cùng làm nên một bộ DAC+Power qui chuẩn với hình thức đẹp và rất chuyên nghiệp

Công suất

Tần số

WIDE BAND DAMPING FACTOR

Kích thước

Trọng lượng

: 150 Watts 8 ohm/250 Watts 4 ohm

: +0, -0.5dB từ 20Hz to 20kHz/+0, -3.0dB từ 10Hz to 70kHz

: 320, 8 ohm/160, 4 ohm

: 454x86x508mm

: 12.2kg

a102

Wadia a102 và Power digital stereo cho 50 watts mỗi kênh tại 8 ohms hoặc 80 mỗi kênh tại 4 ohms. Nó cùng Series 1 và đi chung với DAC di122 digital audio decoder,làm thành một bộ đôi hoàn hảo: DAC rời + Power.

Công suất

Tần số

Wide Band Damping Factor

Kích thước

Trọng lượng

: 50 Watts 8 ohm/80 Watts 4 ohm

: +0, -0.5dB từ 20Hz to 20kHz/+0, -3.0dB từ 10Hz to 50kHz

: 200, 8 ohm/100, 4 ohm

: 254x80x356mm

: 3.9kg

130

131



UNISON
RESEARCH
The pride and the passion

Reference Pre

Pre-Ampli đèn Stereo thuộc hàng thượng hạng của Unison Research.

Mạch Class A với 2 biến áp nguồn cấp cho khối tách biệt (Dual Mono).

Tăng ra dùng 2 bóng 300B cho độ méo tiếng cực thấp.

Chiết áp volume của hãng ALPS thuộc dòng sản phẩm HQPro.

Loại bóng (line): 2 x 300B, 2 x ECC82, 2 x ECC83, 2 x C45P.

Loại bóng (phono): 4 x 6C45P, 2 x ECC83.

Ngõ vào: 4 line RCA, 2 line Balance, 1 tape, 2 phono.

Ngõ ra: 1 RCA, 1 Balance, 1 tape (active), 1 sub woofer (active).

Thiết kế mạch có đáp tuyến tần số rộng từ 10Hz-100Kz phù hợp với các nguồn âm thanh HD.

Ampli đề nghị: Reference.



Reference

Power đèn Mono, class A, mạch đôi single-end parallel.

Thiết kế hình dáng tuyệt đẹp, kết hợp giữa gỗ và thép, với đường nét thẩm mỹ cao.

Mạch điện hoàn toàn class A với công suất thực sự mạnh mẽ.

Thiết kế mạch có đáp tuyến tần số rộng từ 20Hz-30Kz phù hợp với các nguồn âm thanh HD như SACD, DVD-A

Công suất: 100W.

Loại bóng: 4 x 845, 1 x ECC82, 1 x ECC83.

Ngõ vào Balance và RCA.

Pre-Ampli đề nghị: Reference Pre.

Loa đề nghị: Tannoy Westminster Royal, Kingdom Royal.





Unison Research S9

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A.

Công suất : 30W/1 ch, mỗi kênh 2 bóng SV572.
Trở kháng ngõ ra : 6ohm.
Đáp tuyến tần số : 20Hz-50kHz.
Loại bóng : 4 x SV572-10, 4 x ECC82.
Kích thước : 250 x 410 x 570 mm.
Trọng lượng : 54kg.



Unison Research S6

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A.

Công suất : 35W/1ch, mỗi kênh 3 bóng EL34.
Trở kháng ngõ ra : 6ohm.
Đáp tuyến tần số : 20Hz-50kHz.
Loại bóng : 6x EL34, 2 X ECC82.
Kích thước : 210 x 350 x 490 mm.
Trọng lượng : 27kg.



Unison Research Triode 25

Ampli integrated Pusspull, class AB

Công suất : 23W (Triode)/45(Pentode)/1ch, mỗi kênh 2 bóng EL34.
Trở kháng ngõ ra : 6ohm.
Đáp tuyến tần số : 20Hz-30kHz.
Loại bóng : 2xECC83 (12AX7) 1xECC82 (12AU7) 4xEL34 (6CA7).
Kích thước : 200 x 300 x 450 mm.
Trọng lượng : 23kg.



Unison Research Symply Italy

Ampli integrated, single end, class A

Công suất : 12W/1ch, mỗi kênh 1 bóng EL34.
Trở kháng ngõ ra : 6ohm.
Đáp tuyến tần số : 20Hz-50kHz.
Loại bóng : 2 x ECC82 (12AU7), 2 x EL34 (6CA7).
Kích thước : 190 x 260 x 350 mm.
Trọng lượng : 15kg.



Absolute 845

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A

Công suất : 40W/1ch, mỗi kênh 2 bóng 845.
Trở kháng ngõ ra : 4-8ohm.
Đáp tuyến tần số : 20Hz-30kHz.
Loại bóng : 4 x 845, 6 x ECC82, 2 x ECC83.
Kích thước : 275 x 792 x 595 mm.
Trọng lượng : 98.5kg.



Performance

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A

Công suất : 45W/1ch, mỗi kênh 3 bóng 6550/KT88.
Trở kháng ngõ ra : 4-8ohm.
Đáp tuyến tần số : 20Hz-30kHz.
Loại bóng : 6 x 6550/KT88, 2 x ECC82, 2 x ECC83.
Kích thước : 235x 600 x 480 mm
Trọng lượng : 50kg.



Sinfonia

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A

Công suất : 25W/1 ch, mỗi kênh 2 bóng 6550/KT88.
Trở kháng ngõ ra : 4-8ohm.
Đáp tuyến tần số : 20Hz-30kHz.
Loại bóng : 4 x 6550/KT88, 2 x ECC82, 2 x ECC83.
Kích thước : 210 x 440 x 420 mm.
Trọng lượng : 27kg.



Preludio

Ampli integrated Dual Mono, single end parallel, class A

Công suất : 14W/1ch, mỗi kênh 1 bóng 6550/KT88.
Trở kháng ngõ ra : 4-8ohm.
Đáp tuyến tần số : 15Hz-50kHz.
Loại bóng : 2 x 6550/KT88, 2 x ECC82.
Kích thước : 180 x 375 x 400 mm.
Trọng lượng : 20kg.



Unico CDE

Đầu phát CD Hybrid

Unico CDE là đầu phát CD hi-end của Unison Research. Với cặp đôi bóng ECC83/12AX7 cho âm thanh chi tiết giàu nhạc tính và âm hình rộng mở. Có ngõ ra balance.

Loại bóng	: 4 x ECC83/12AX7
Transport	: TEAC CD5010A
Bộ chuyển đổi D/A	: CRYSTAL CS4392/24bit/96kHz. CRYSTAL CS8420
Kích thước (N x S x C)	: 345 x 430 x 130 mm
Trọng lượng	: 12.5 Kg



Unico CD Primo

Đầu phát CD Hybrid

Mạch Class-A không hồi tiếp cho âm thanh tự nhiên

Loại bóng	: ECC 82 x 1
Bộ chuyển đổi D/A	: Chip Wolfson WM 8524 Micro
Kích thước (N x S x C)	: 435 x 340 x 95 mm
Trọng lượng	: 9 Kg



Unico 100

Ampli tích hợp Hybrid

Công suất	: 180 W RMS (8 Ω)
Trở kháng ngõ vào	: 47 kΩ
Tiến khuếch đại	: Class-A. Đèn ECC83/12AX7
Khuếch đại ngõ ra	: Class-A, 3 POWER MOSFET
Ngõ vào	: RCA x 4, Balance x 1
Ngõ ra	: Tape x 1, sub (volume controlled) x 1
Kích thước (N x S x C)	: 435 x 440 x 180 mm
Trọng lượng	: 25 Kg



Unico 50

Ampli tích hợp Hybrid

Công suất	: 120W RMS 8 (8 Ω)/200 W RMS (4 Ω)/ 350W RMS (2 Ω)/Class-A
Tần số	: 10 Hz - 0.5 dB @ 100 kHz
Tiến khuếch đại	: Pure Class-A dùng đèn ECC83/12AX7
Mạch công suất	: Dynamic Class-A dùng 2 POWER MOSFET
Ngõ vào	: RCA x 5 (phono optional x 1), Balanced x 1
Ngõ ra	: Tape x 1, Sub x 1
Kích thước (N x S x C)	: 435 x 430 x 130 mm
Trọng lượng	: 25 Kg



Unico Secondo

Ampli tích hợp Hybrid

Công suất	: 100W RMS (8 Ω)/200 W RMS (4 Ω)/Class-A
Tần số	: 10 Hz - 0.5 dB @ 100 kHz
Tiến khuếch đại	: Class-A dùng đèn ECC83/12AX7
Mạch công suất	: Class-A dùng 2 POWER MOSFET
Ngõ vào	: RCA x 5 (phono optional x 1), Balanced x 1
Kích thước (N x S x C)	: 435 x 430 x 130 mm
Trọng lượng	: 15 Kg



Unico Nuovo

Ampli tích hợp Hybrid

Công suất	: 80 W RMS (8 Ω)
Trở kháng ngõ vào	: 50 kΩ
Tiến khuếch đại	: Class-A. Đèn ECC83/12AX7
Khuếch đại ngõ ra	: Class-A, 2 POWER MOSFET
Ngõ vào	: RCA x 5 (phono optional x 1)
Ngõ ra	: Tape x 1, sub (volume controlled) x 1
Kích thước (N x S x C)	: 435 x 430 x 95 mm
Trọng lượng	: 16 Kg



Unico Primo

Ampli tích hợp Hybrid

Công suất	: 85 W RMS 8 Ω/Class-A
Tiến khuếch đại	: Class-A, Tube stage (1 x ECC83/12AX7)
Tăng công suất	: Class-A, POWER MOSFET
Ngõ vào	: RCA x 5 (phono optional x 1)
Ngõ ra	: Tape x 1, sub (volume controlled) x1
Kích thước (N x S x C)	: 435 x 430 x 95 mm
Trọng lượng	: 15 Kg



Unico PRE

Pre-Amplifier Hybrid

Pre-amplifier với ngõ vào mạch Class-A dùng bộ đôi bóng đèn ECC82/12AU7 cho 2 bên trái phải. Tăng ra dùng transistor ráp theo mạch Class-A.	
Loại bóng (line)	: (ECC82/12AU7)
Ngõ vào	: 4 x RCA, 4 x Balance, 1 Tape
Ngõ ra	: 1 RCA, 1 Balance, 1 RCA (phase selectable)
Kích thước (N x S x C)	: 435 x 430 x 137 mm
Trọng lượng	: 13 Kg
Power để nghị phối ghép	: Unico DM



Unico DM

Power Hybrid

Power công suất Unico DM với tăng ngõ vào bằng mạch Class-A với bộ đôi bóng đèn ECC82/12AU7.	
Công suất	: 160 W (8 Ω) Stereo/ 650 W (8 Ω) Mono
Loại bóng	: ECC82/12AU7
Tăng khuếch đại	: 3 cặp MOSFET
Ngõ vào	: 1 x RCA/1 x balance
Kích thước (N x S x C)	: 435 x 430 x 459 mm
Trọng lượng	: 29 Kg
Loa để nghị	: Sonus Faber Cremona M

PATHOS

THE UNORTHODOX APPROACH

PATHOS

THE UNORTHODOX APPROACH

Pathos Acoustic - hãng sản xuất thiết bị Hi-End audio có bản doanh tại Vicenza, Ý. Sản phẩm của Pathos có thể nói “đẹp từ trong ra ngoài”. Chất lượng âm thanh tuyệt hảo và kiểu dáng được thiết kế vô cùng tinh tế...



ENDORPHIN

Đầu phát CD

Thiết kế đẹp mắt, mô phỏng hình của một chiếc đĩa bay.
Âm thanh cực kỳ trung thực và tự nhiên.
Bộ chuyển đổi D/A: Dual differential 24-bit delta-sigma
Analog stage: Dual, fully balanced, tube, class A, zero feedback

Bộ cấp nguồn : 2 biến áp nguồn độc lập cho mạch điều khiển và âm thanh
Ngõ ra analog : Balance x 1, RCA x 1
Ngõ ra digital : Coaxial x 1, Optical x 1
Kích thước : 480R x 400C x 100S mm



DIGIT

Đầu phát CD

Thiết kế và sản xuất tại Vicenza, Italy.
Thừa hưởng rất nhiều đặc điểm kỹ thuật từ đàn anh Endorphine.

Bộ chuyển đổi D/A : Crystal DAC - 192 KHz
Ngõ ra : XLR x 1 RCA x 1
Ampli để nghị : Classic One
Kích thước : 230R x 90C x 540S mm

Musiteca™ music server

Hộp lưu nhạc CD cho âm thanh chất lượng cao



Hàng ngàn đĩa CD quý hiếm với âm thanh cho audiophile sẽ được tập hợp lưu vào chung trong một hộp, giúp ta dễ dàng tìm kiếm, chọn lựa và thưởng thức âm nhạc với chất lượng hoàn toàn không suy chuyển so với CD gốc.

Hộp lưu nhạc hoạt động thông qua một màn hình chạm tay (touch screen) 21" tỉ lệ 16/9 với giao diện thân thiện để sử dụng.

Thiết kế với ổ đĩa CD bên trong cho dễ dàng rip nhạc.

Ổ cứng dung lượng 1TB.

Bộ chuyển đổi D/A danh tiếng của Pathos, loại dùng cho đầu phát Endorphin™.

Ngõ USB dùng đưa vào nhạc lossless hoặc Mp3.

Ngõ kết nối LAN tải về thông tin cho track nhạc cũng như sửa lại bìa đĩa nhạc.



T.T

Ampli tích hợp Hybrid

Hoạt động chế độ pure class A theo mạch INPOL® Zero feedback cho âm thanh tự nhiên, đầy nhạc tính.

Công suất	: 2 x 35 W @ 8 Ω
Ngõ vào	: 4 RCA
Tần số	: 13 Hz - 78 kHz
Độ méo hài THD	: < 0,5%
Tỷ lệ Signal/noise	: 90 dB
Trở kháng ngõ vào	: 100 kΩ



ETHOS

Ampli tích hợp Hybrid

Sản phẩm mới của Pathos. Thiết kế nghệ thuật, thẩm mỹ. Mạch điện dựa trên nguyên lý Ampli Hybrid (bóng đèn và MOSFET), cho âm thanh mạnh mẽ nhưng đầy nhạc. Ampli cũng được bố trí 2 ngõ vào USB, có thể phát lại các file nhạc MP3 với chất lượng âm thanh cho audiophile nhờ bộ chuyển đổi tín hiệu D/A của Pathos Digit™

Công suất	: 100 W RMS (8 Ω), 200 W RMS (4 Ω)
Tần số	: 2 Hz - 20 KHz
Tỷ lệ S/N	: > 90 dB
Ngõ vào	: Balanced XLR, RCA x 5, USB x 2
Ngõ ra	: pre-out x 1, sub-out x 1
D/A converter	: 24 bit/96 kHz



Logos

Ampli tích hợp Hybrid

Công suất	: 110 W RMS @ 8 Ω, 220 W RMS @ 4 Ω
Ngõ vào	: Balanced (XLR) x 1 RCA x 5
Tần số	: 2 Hz - 200 kHz
Độ méo hài THD	: < 0.05%
Tỷ lệ Signal/Noise	: > 90 dB
Trở kháng ngõ vào	: 100 kΩ



InPol²

Ampli tích hợp Hybrid

Hoạt động chế độ pure Class-A theo mạch INPOL® Zero feedback Giàu nhạc tính, âm thanh ấm áp, chính là nhờ sự kết hợp tuyệt vời giữa tầng khuếch đại bằng đèn và công suất dùng transistor.

Công suất	: 45 W RMS @ 8 Ω Class-A 75 W RMS @ 4 Ω
Ngõ vào	: Balance x 1, RCA x 5
Tần số	: 100 Hz - 80 kHz
Độ méo hài THD	: < 0.05%
Tỷ lệ S/N	: > 90 dB
Trở kháng ngõ vào	: 100 kΩ



Classic One

Ampli tích hợp, Class A/AB, mạch Hybrid

Có thể nối cầu (bridge) thành mono để tăng công suất. Đây được xem là model thành công nhất của Pathos. Bằng chứng là cho đến giờ đã có phiên bản MKIII nhưng số lượng bán ra vẫn ngày càng tăng.

Công suất	: 2 x 70 W @ 8 Ω, 2 x 130 W @ 4 Ω, 270 W khi nối cầu Mono
Ngõ vào	: Balanced (XLR) x 1 RCA x 5
Tần số	: 2 Hz - 100 kHz
Độ méo hài THD	: < 0.05%
Tỷ lệ Signal/Noise	: 90 dB
Trở kháng ngõ vào	: 100 kΩ





Opera Loudspeaker là một hãng loa nổi tiếng của Ý. Các sản phẩm của hãng này có thiết kế đẹp, thùng loa kết hợp giữa gỗ và thuộc da. Âm thanh trầm ấm và truyền cảm.

Grand Callas

Grand Callas là đôi loa đứng lớn nhất thuộc dòng Callas. Nó là kết quả của sự tiến bộ vượt bậc trong nghiên cứu kỹ thuật tiên tiến vào cách thức sáng tạo mà Opera (Một hãng sản xuất loa thủ công của Italia) đã đem đến cho người yêu âm nhạc trên toàn thế giới. Sự giao thoa hài hòa của bốn củ loa phía trước và hai củ loa phía sau giúp Grand Callas tái hiện một sâu khấu rộng lớn tràn đầy sắc màu âm nhạc. ngoài ra loa có thể thích ứng nhiều kết cấu phòng nghe khác nhau qua nút điều chỉnh EQ phía sau. Với thiết kế mang đậm phong cách Ý hiện đại Grand Callas có thể thích hợp với mọi nội thất.

Hệ thống loa	: 3 đường tiếng + 2 loa phía sau
Loa Treble	: 25 mm scanspeaker 9700
Mid	: 178 mm Polypropylene
Bass	: 2 x 200 mm đáp ứng nhanh, mạnh mẽ
Loa treble sau	: 2 x 25 mm (vị trí đặt tối thiểu 20 cm từ tường sau loa)
Đáp tuyến tần số	: 32 – 25000 Hz
Crossover	: 200-2000Hz
Độ nhạy	: 89 dB
Trở kháng	: 4 Ohm
Công suất ampli để nghị	: 10 – 240 W
Kích thước	: 130 x 31 x 55 cm (H x W x D)
Trọng lượng	: 75 kg / cái

Callas

Đôi loa Callas là loa bookshelf thuộc dòng Callas. Callas thừa thừa hưởng sự tinh túy của Grand Callas nhưng nhỏ gọn và dễ đặt để cho phòng nghe có kích thước khiêm tốn. Thể hiện giọng ca và các nhạc cụ dầy rõ ràng mạch lạc. Đặc biệt với độ sâu và góc vát về phía sau giúp callas trình diễn âm trầm mạnh mẽ và đầy đủ.Loa Callas thích ứng nhiều kết cấu phòng nghe khác nhau qua nút điều chỉnh EQ phía sau.

Hệ thống loa	: 2 đường tiếng
Loa Treble	: 25 mm scanspeaker 9700
Bass	: 178 mm đáp ứng nhanh, mạnh mẽ
Đáp tuyến tần số	: 40 – 25000 Hz
Crossover	: 2000Hz
Độ nhạy	: 89 dB
Trở kháng	: 4 Ohm
Công suất ampli để nghị	: 10 – 100 W
Kích thước	: 42 x 24,5 x 42 cm (H x W x D)
Trọng lượng	: 15 kg / cái

Opera Quinta

Opera Quinta thuộc dòng Classica được kết cấu 3 đường tiếng, 1 loa treble, 1 mid và 2 loa bass. Kiểu loa thiết kế dạng kín hoàn toàn, không có lỗ bass phản hồi, cho âm thanh trầm ấm, thỏa mãn các audiophile khó tính trong thưởng thức âm nhạc.

Công suất	:140W
Trở kháng	: 4 Ω
Độ nhạy	: 89 dB
Đáp tuyến tần số	: 30 Hz - 30 kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1100 x 245 x 430 mm
Trọng lượng	: 51 Kg
Ampli để nghị	: 20 - 200 W

Opera Seconda

Công suất	:140W
Trở kháng	: 4 Ω
Độ nhạy	: 89 dB
Đáp tuyến tần số	: 30 Hz – 30 kHz
Kích thước (CxRxS)	: 1020 x 245 x 430 mm
Trọng lượng	: 45 Kg
Ampli để nghị	: 10 - 200 W

Opera Mezza

Công suất	:70W
Trở kháng	: 4 Ω
Độ nhạy	: 88 dB
Đáp tuyến tần số	: 45 Hz - 25 kHz
Kích thước (CxRxS)	: 320 x 200 x 320 mm
Trọng lượng	: 16 Kg
Ampli để nghị	: 10 - 100 W



Nhà phân phối
máy chiếu Sim2 và
InFocus tại Việt Nam

SIM 2



Sim2, hãng máy chiếu của
Italy, danh tiếng thế giới.

www.sim2.com

InFocus®



Màn chiếu LUMENE



Cung cấp các loại màn chiếu của Lumene - Pháp.
Model: Majestic 300 C premium.

Màn hình kéo dùng remote, chất dẻo tổng hợp Emat-ST, xử lý bề mặt trắng vĩnh viễn, không có vết đốm trên màn hình, chất liệu chống tích điện trên bề mặt. Không để lại vết nhăn gấp khi cuộn và bung ra, xử lý mặt sau chống sáng lọt qua màn hình, đường viền 4 cạnh màu đen.

Màn hình tốt nhất cho các loại máy chiếu.

Kích thước cả khung: R 315 cm, C 210cm

Model: Embassy II 240 V

Màn hình kéo dùng remote

Kích thước cả khung: R 244 cm, C 188 cm

Model: Movie palace velvet 240C

Màn hình khung treo tường

Kích thước cả khung: R 315 cm, C 210 cm



www.ezacoustics.com

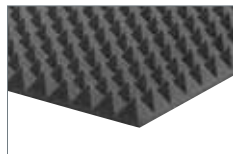


AnhDuy Audio xin giới thiệu một sản phẩm trọn gói cho phòng nghe nhạc, phòng thu âm và home cinema: “absolute sound pack” của nhà sản xuất chuyên nghiệp về các sản phẩm xử lý âm học EZ Acoustics- Tây Ban Nha. “Absolute sound pack” gồm tất cả những gì cần thiết để cải thiện tính âm học cho phòng nghe của bạn. Dễ dàng lắp đặt, hiệu quả cao.

Các bộ phận của “absolute sound pack” cải thiện hiệu quả tiếng bass, âm hình rõ ràng hơn, triệt tiêu các sóng cộng hưởng rối loạn ở các góc phòng. Hãy trang bị ngay để tận hưởng 100% khả năng trình diễn của dàn máy.

AnhDuy Audio chuyên tư vấn cải thiện âm học, cách âm phòng nghe nhạc, cinema, chống vang, chống ồn cho các công trình, hội trường, phòng họp, phòng học, nhà hàng, vũ trường, karaoke, Club, Gym, show room.

Hút âm



EZ Foam Pyramidal



EZ Foam Wedges



EZ Foam Flat



EZ Fabric Panel



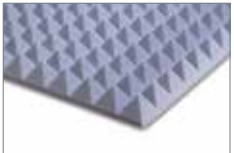
EZ Art Panel



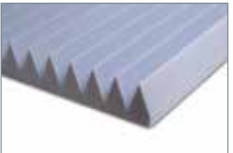
EZ Wood Panel



EZ Suede Wedges



EZ Foam Pyramidal FR



EZ Foam Wedges FR

Tán âm



EZ Diffuser 1QR

Bẫy âm bass



EZ Foam Bass Trap



EZ Wood Corner Trap



EZ Suede Bass Trap



EZ Foam Bass Trap FR



EZ Foam Cube

Tiêu, tán âm, bẫy bass hiệu quả, âm thanh trung thực và tuyệt hơn

HiDiamond

Thuật ngữ kỹ thuật:

- Copper (4VRC): kỹ thuật làm chất dẫn điện với độ nung gấp 4 lần so với 2 lần đối với dây đồng thường của hàng khác. Công nghệ này giúp dây đồng tinh khiết hơn, dẫn tín hiệu tốt hơn rất nhiều.
- Chất liệu XLPE cách ly tốt hơn 100 lần so với teflon thường dùng. Điều này làm giảm ngưỡng thoát tăng đột biến, triệt tiêu sự ảnh hưởng giữa các dây dẫn bên trong và do đó độ rộng của tín hiệu âm nhạc đảm bảo tuyến tính hơn.
- Graphite/Copper (4VRC): Chất Graphite than chì kết hợp với đồng 4VRC® là giải pháp cho phép ngăn nhiễu ồn bên trong dây từ sự truyền dẫn của tín hiệu điện tử (không có tín hiệu âm nhạc), để cho ra một tín hiệu hoàn chỉnh, không có bất kỳ sự nhiễu ồn nào dây hại đến âm thanh

Dây tín hiệu



Diamond 9

Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 4 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 8

Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 7

Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 6

Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 5

Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 4

Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn



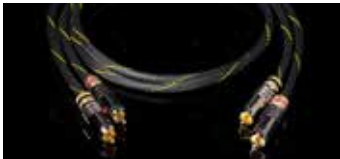
Diamond 3

Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn



Diamond 2

Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



Diamond 1

Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



Phono 0

Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, 2 sợi dẫn, dây nối đất

Dây loa



Diamond 8

Độ dày vỏ ngoài: 270mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 12 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 7

Độ dày vỏ ngoài: 160mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 8 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 6

Dây loa Bi-Wire. Độ dày vỏ ngoài: 140mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 6 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 5

Độ dày vỏ ngoài: 140mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 6 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



Diamond 4

Độ dày vỏ ngoài: 130mm, Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 8 sợi dẫn



Diamond 3

Độ dày vỏ ngoài: 120mm, Copper (4VRC), ruột 4 sợi dẫn



Diamond 2

Độ dày vỏ ngoài: 100mm, Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



Diamond 1

Độ dày vỏ ngoài: 86mm, Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



Dây cuộn

Độ dày vỏ ngoài: 86mm, Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn

Dây tín hiệu Digital



AES EBU BIG ONE

Dây coaxial balance. Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 10 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



USB BIG ONE

Dây USB A-B. Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 12 sợi dẫn



DIGITAL REFERENCE AES

Dây coaxial balance-RCA. Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 3 sợi dẫn, jack mạ bạc



DIGITAL REFERENCE RCA

Dây coaxial RCA. Graphite/Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn, jack mạ Rhodium



DIGITAL REFERENCE USB

Dây USB A-B. Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 6 sợi dẫn



DIGITAL CARBON MKII

Dây Coaxial. Copper (4VRC), XLPE cách ly, ruột 2 sợi dẫn



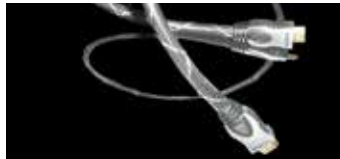
DIGITAL DGT+MK2

Dây Coaxial. Copper (4VRC), ruột 2 sợi dẫn



DIAMOND HID USB

Dây USB A-B. Copper (4VRC), đầu cắm mạ vàng



HDMI EVOLUTION

Dây HDMI 2.0, 4k/2160p, Copper (4VRC)

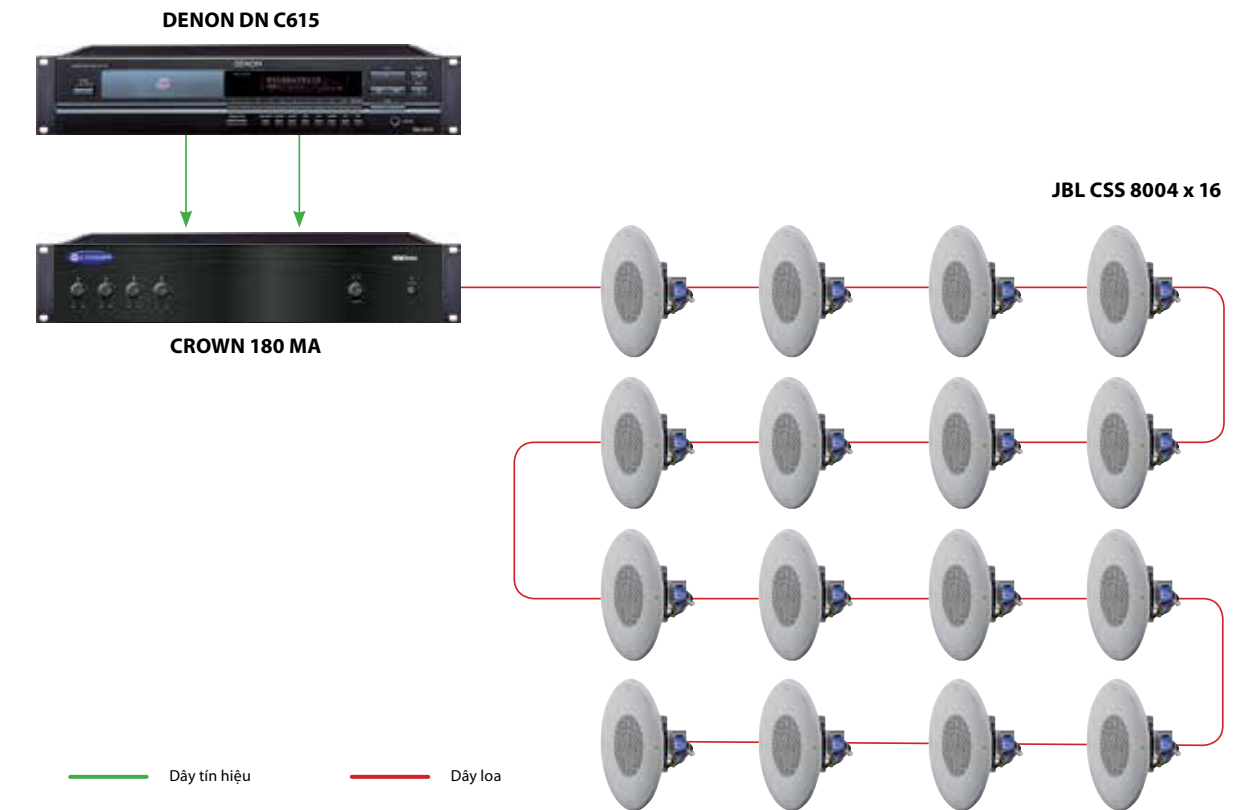


FIBER 1

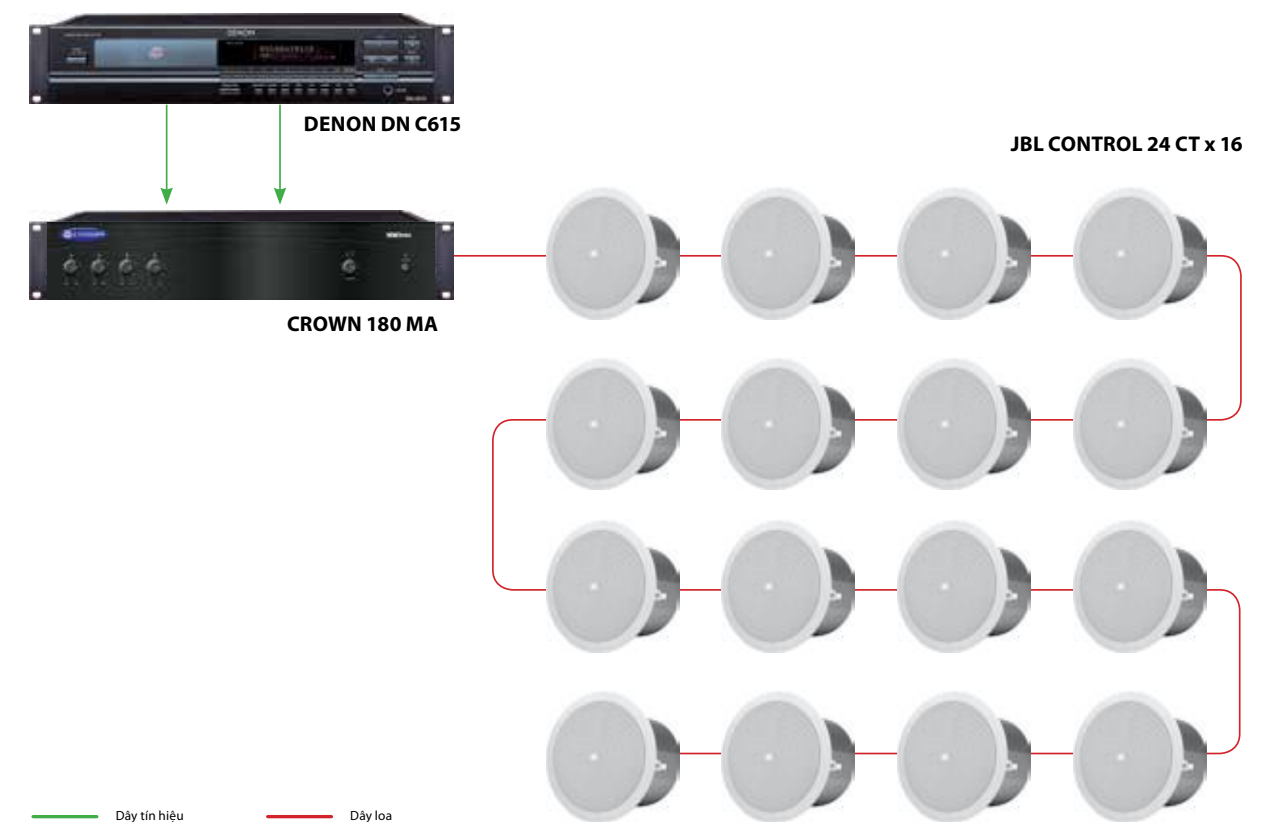
Dây Optical, sợi quang cao cấp



Bộ 1: Hệ thống loa âm trần nhạc nền và loa thông báo cho công trình tới 250 m²



Bộ 2: Hệ âm thanh âm trần cho công trình tới 300 m²



Âm thanh công trình và biểu diễn chuyên nghiệp

AnhDuyAudio
Thế giới nghe nhìn

H PRO
Harman Pro Group

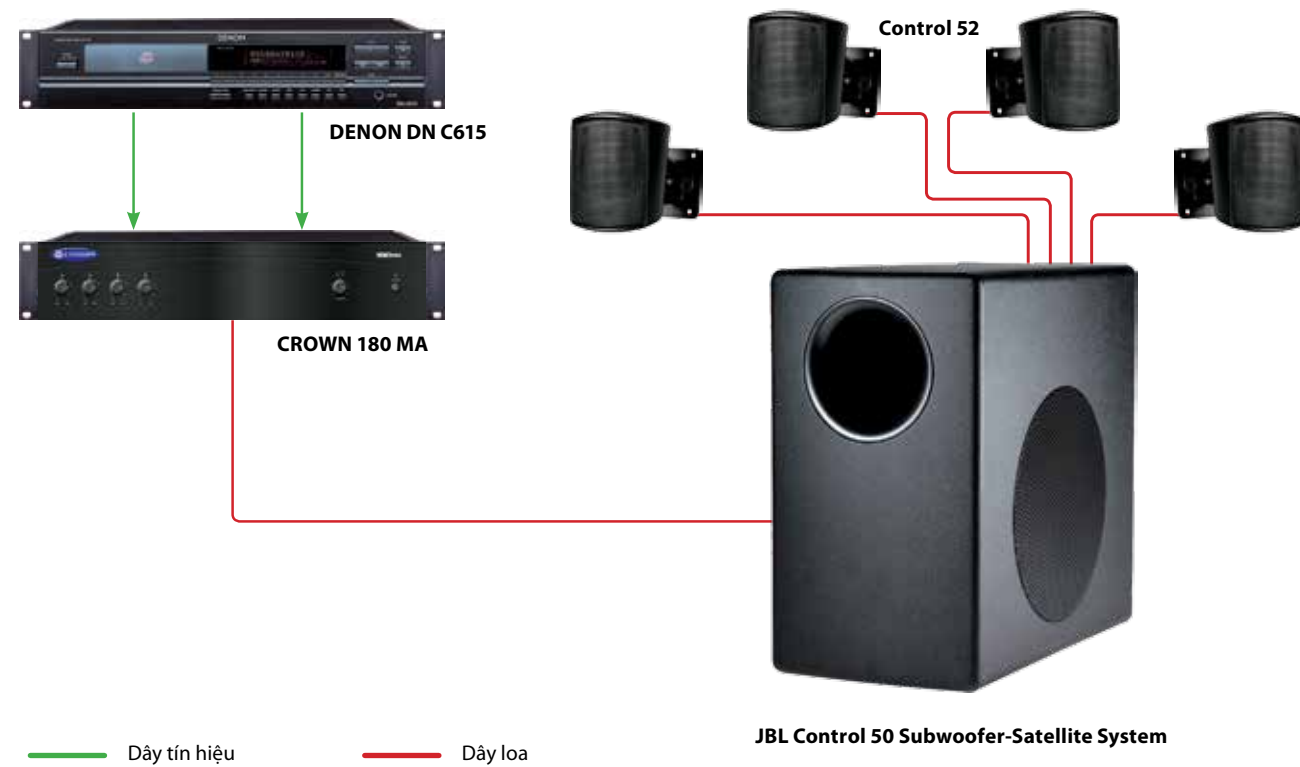
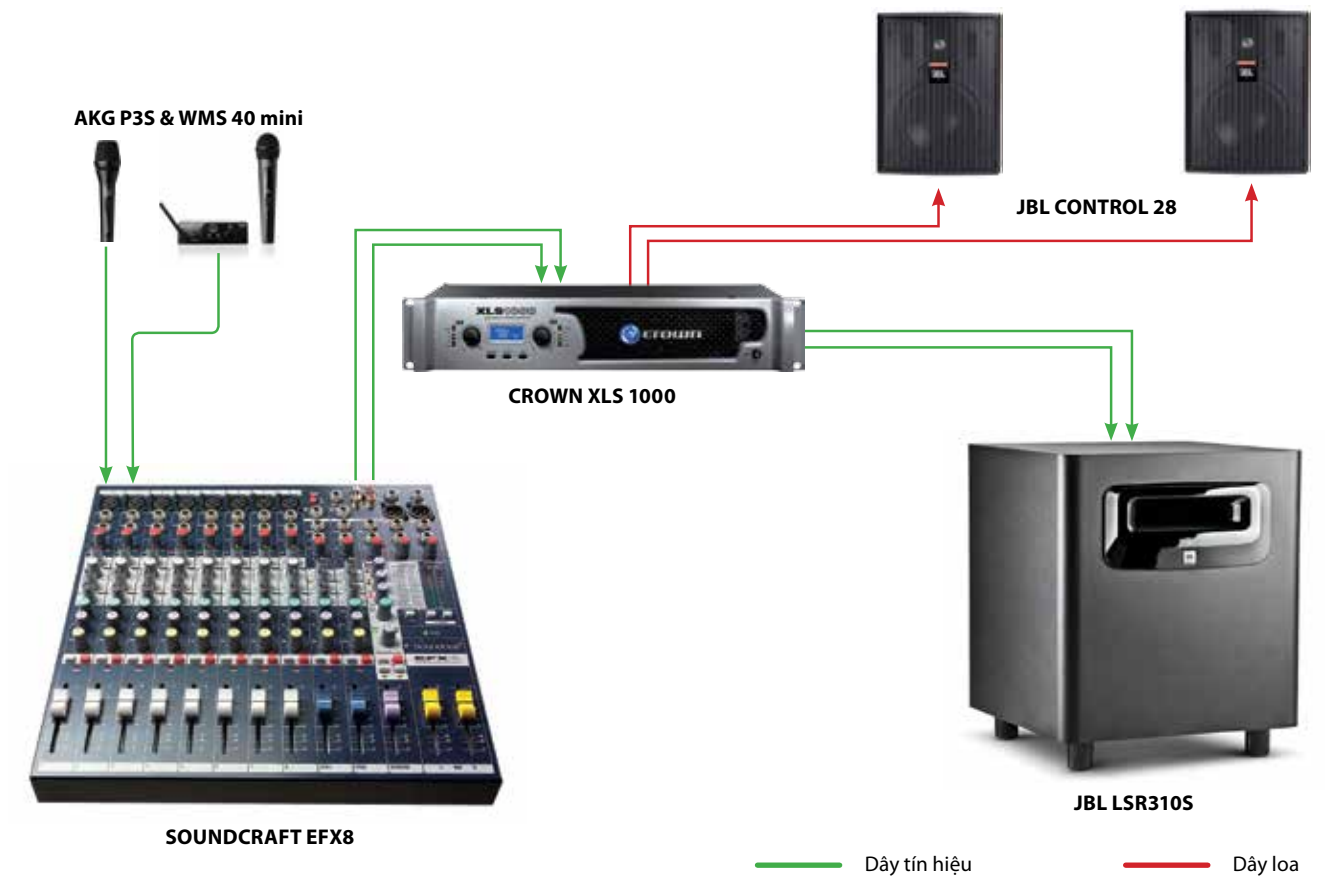
AnhDuyAudio là đại lý ủy quyền của hãng Harman Pro với các nhãn hiệu JBL Pro, Crown, Soundcraft, Lexicon, dbx, AKG.

Các sản phẩm của Harman Pro đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về âm thanh chuyên nghiệp như: nhà hát, biểu diễn ngoài trời, sân vận động, tòa nhà, Disco, Bar, Karaoke, phòng thu, trường học, khách sạn, shop, phát thanh truyền hình, công trình công cộng ...

Harman Pro là tập đoàn lớn nhất thế giới về thiết bị âm thanh chuyên nghiệp với trên 1000 sản phẩm khác nhau phục vụ nhu cầu đa dạng của các công trình. Vui lòng xem chi tiết tại www.HarmanPro.com.



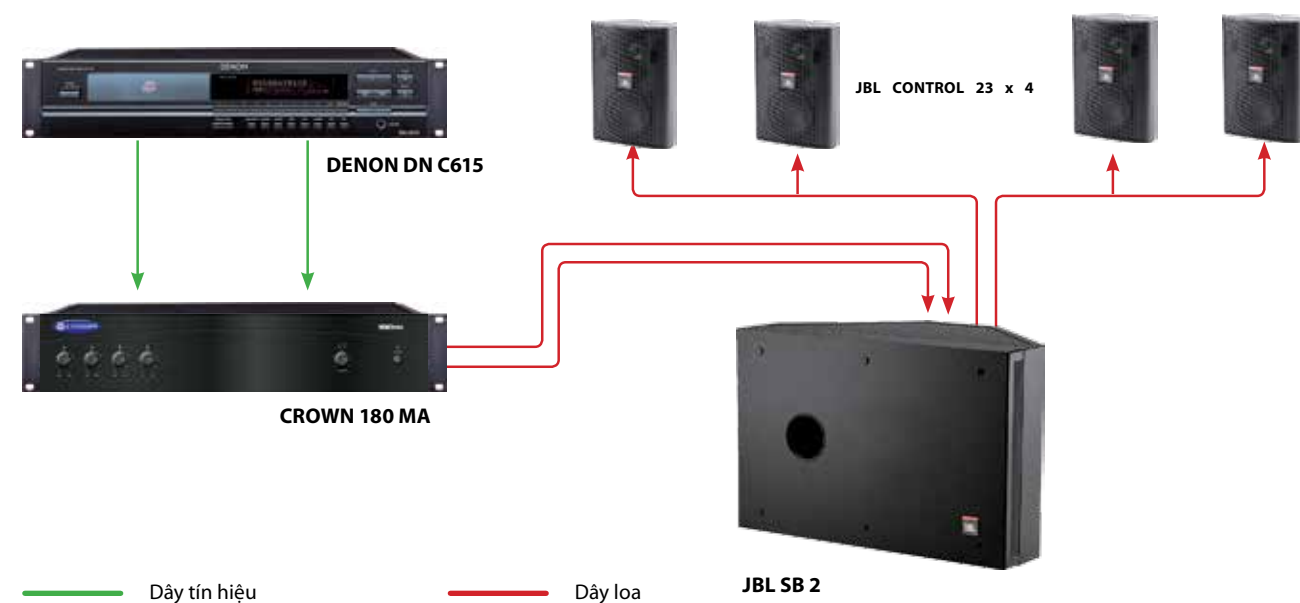
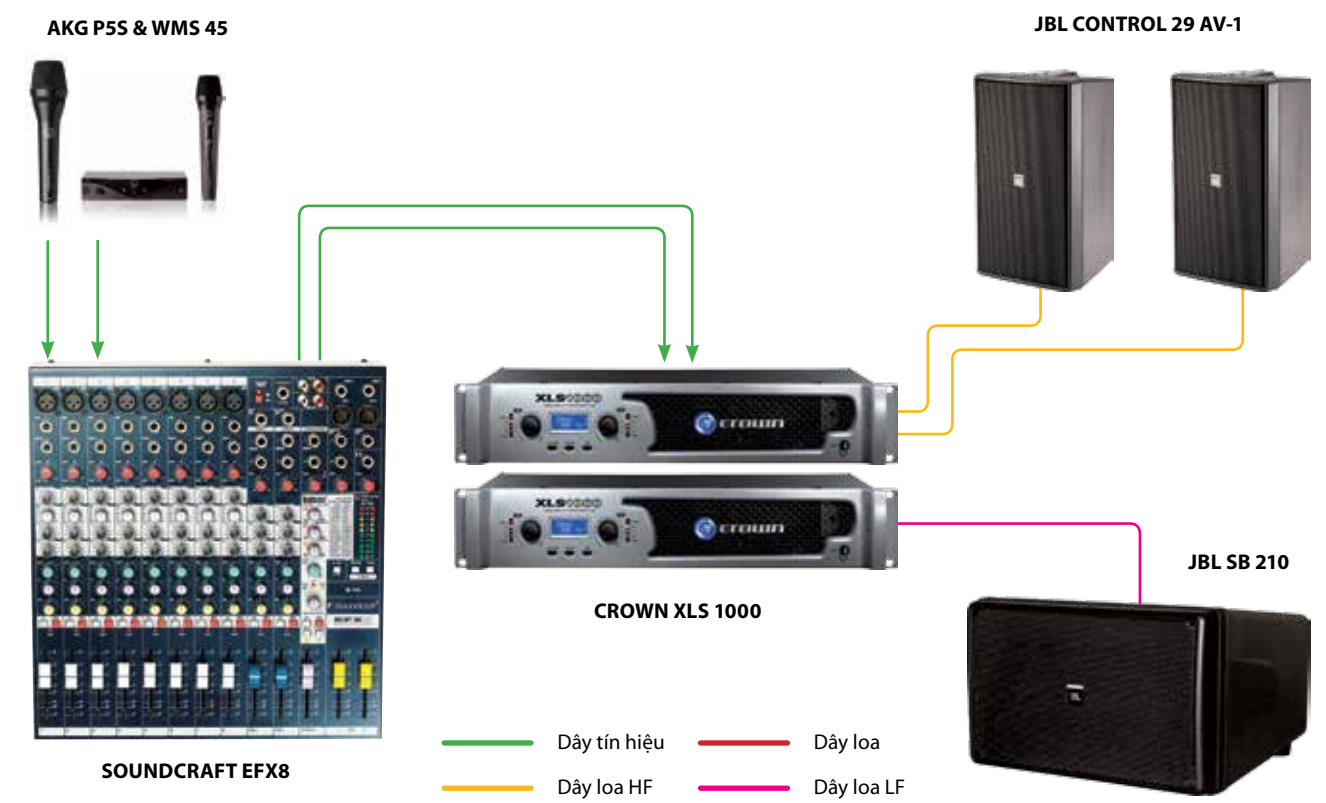
Bộ 3: Dàn âm thanh chất lượng cao cho Café, Shop

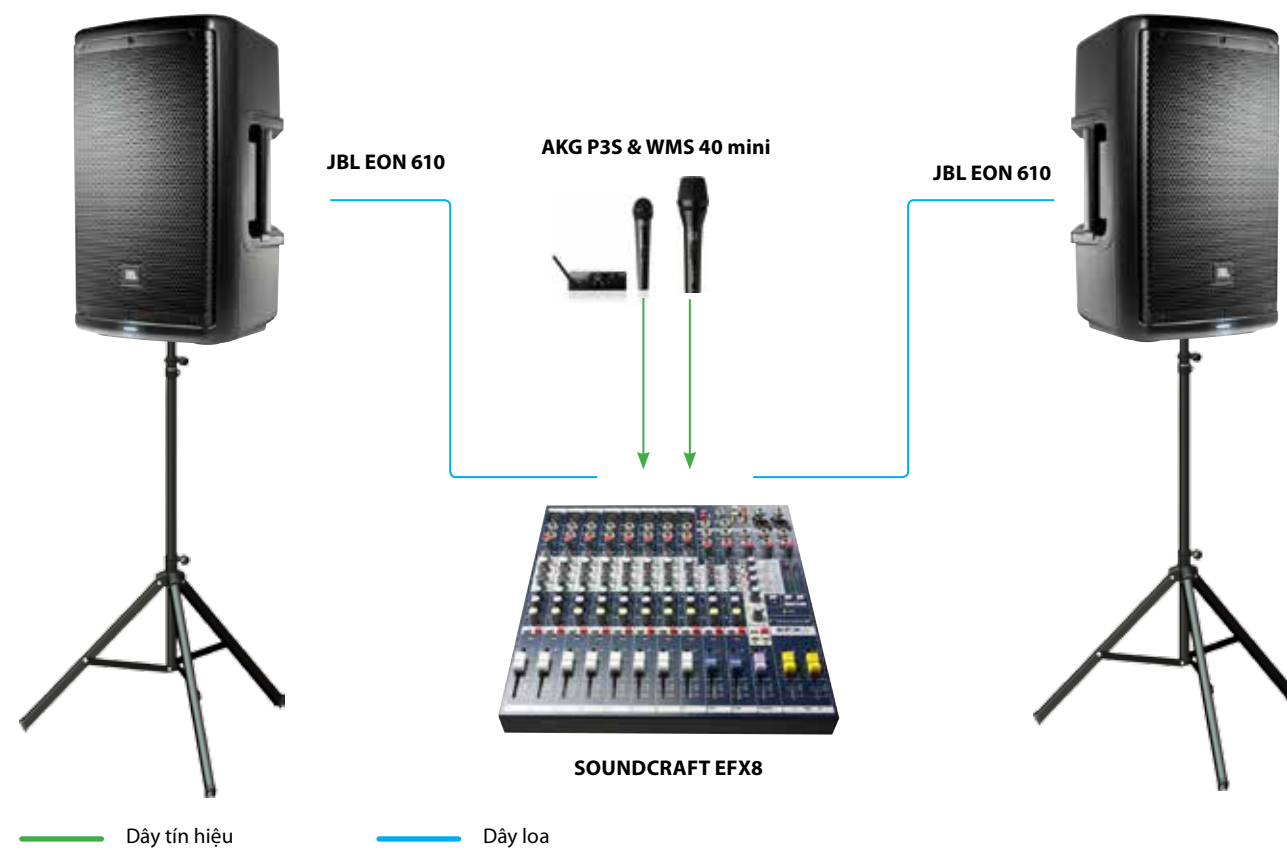
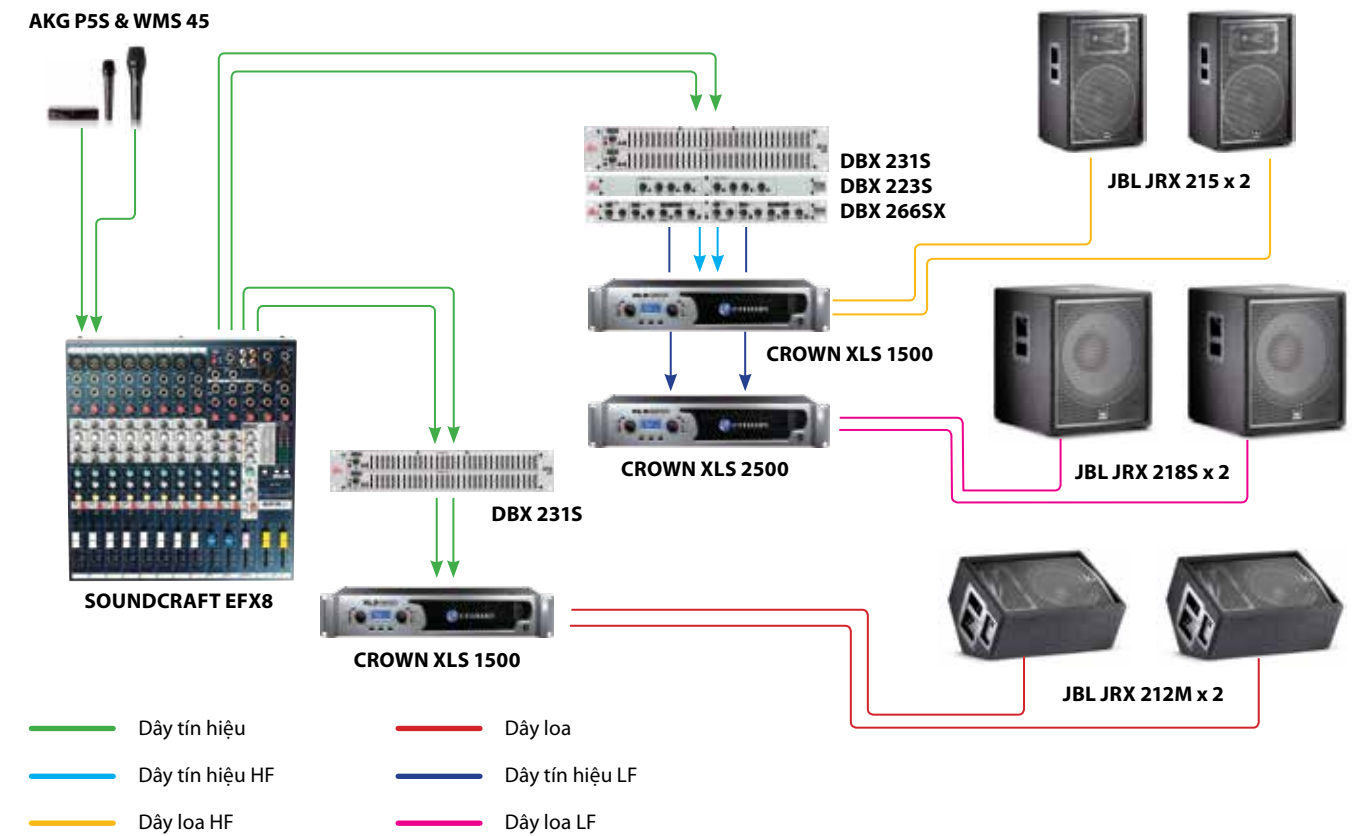
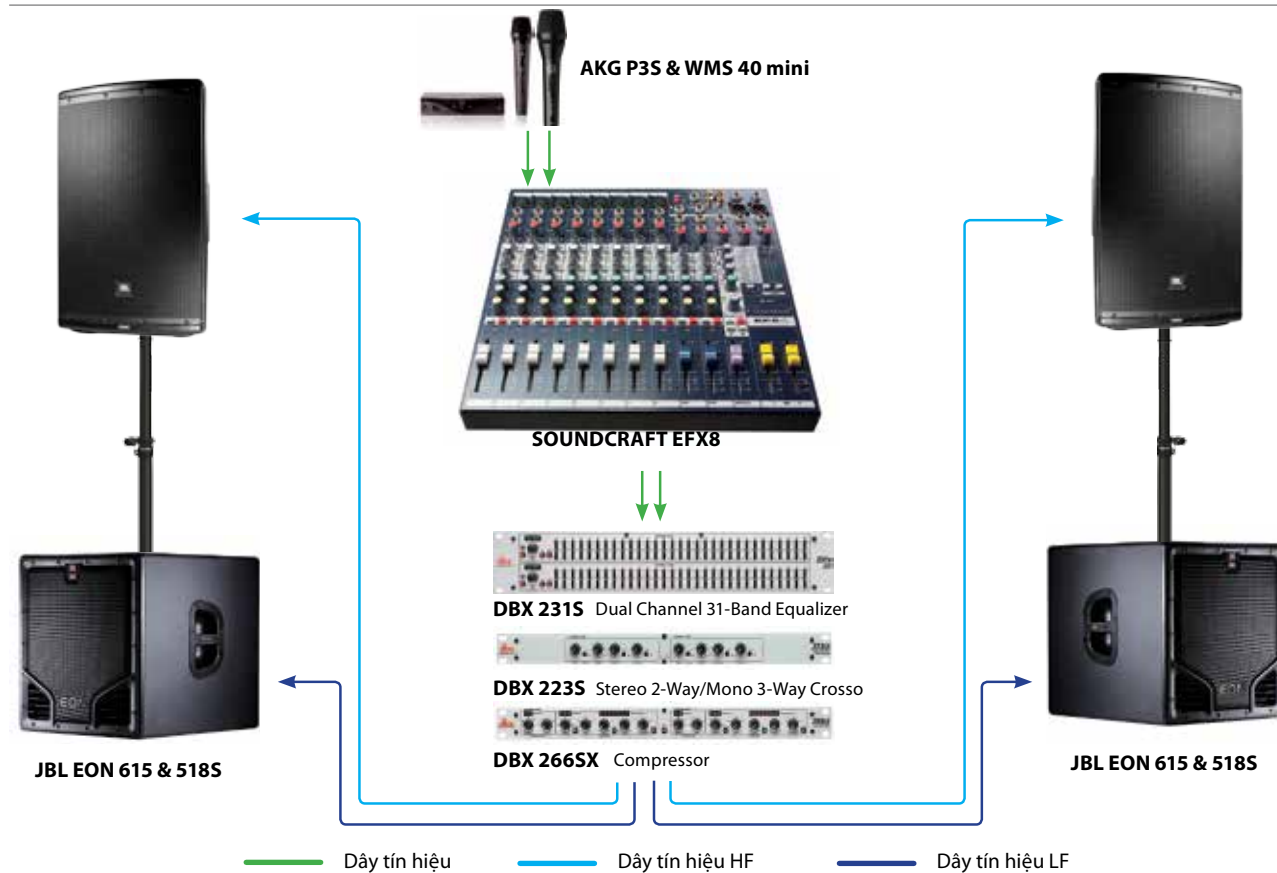
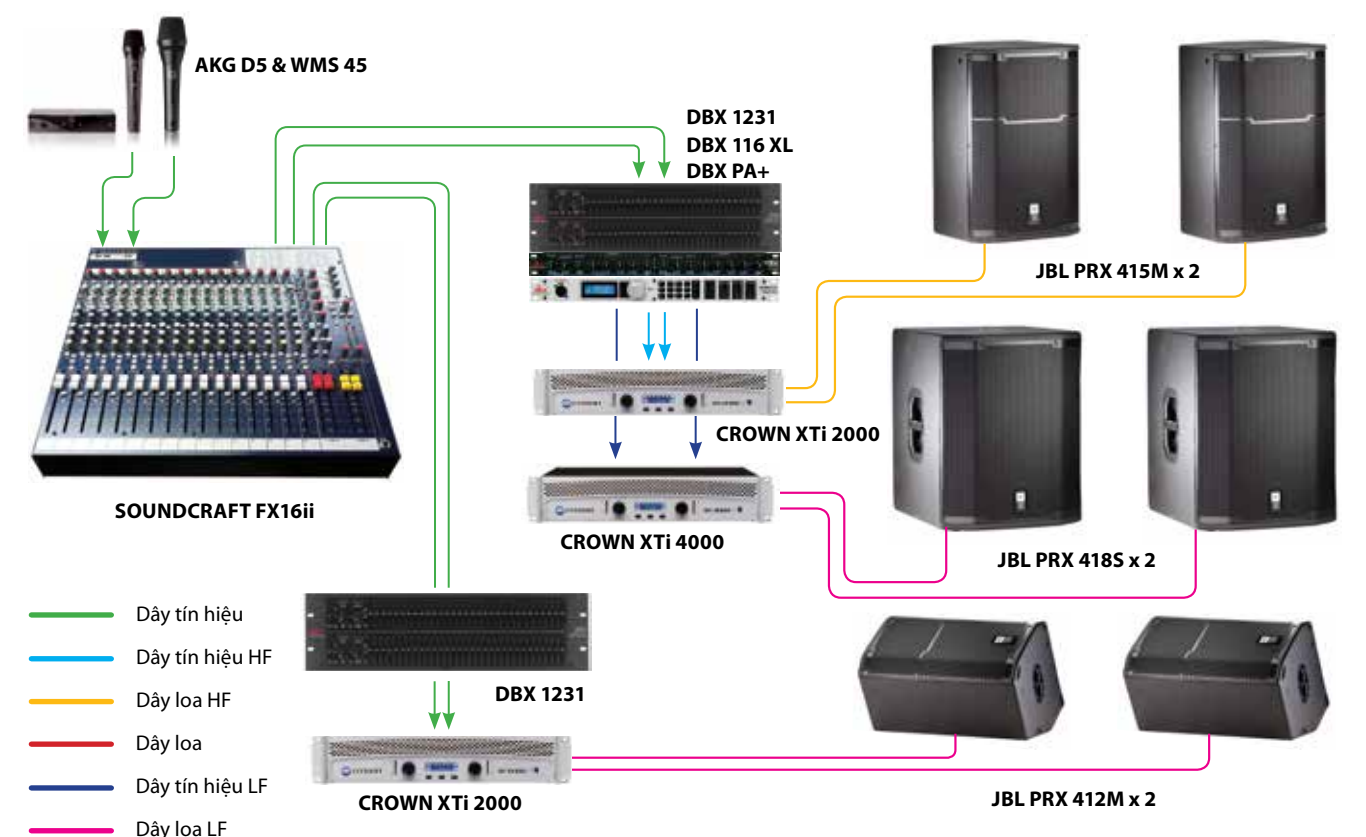
Bộ 5: Karaoke, Bar, Café, Phòng 20 m² tới 40 m²

Bộ 4: Dàn âm thanh chất lượng cao cho Café, Shop

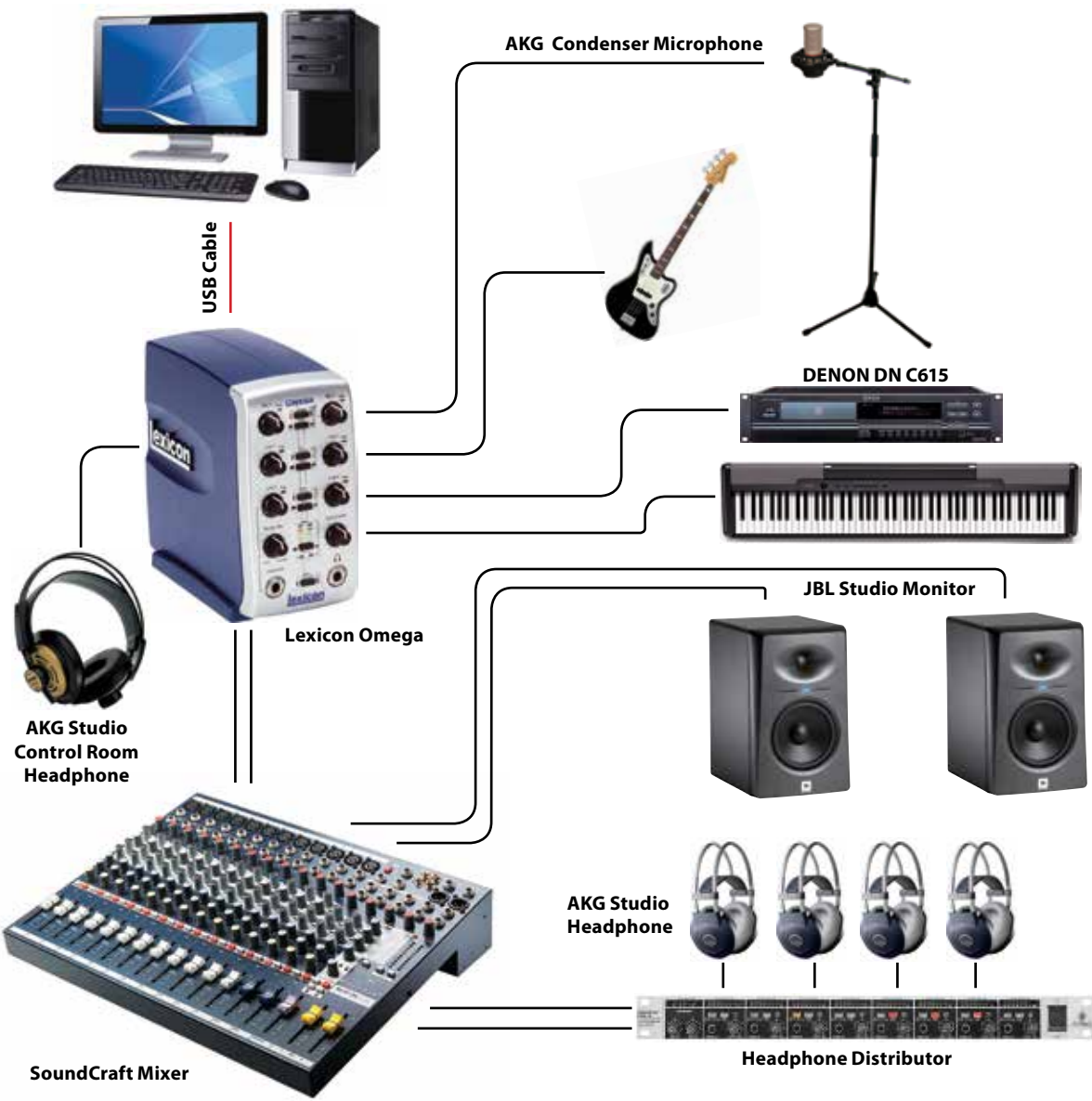
CCS6000: Hệ thống loa Satellite và Subwoofer thuộc dòng Control™ Contractor

Hệ thống bao gồm 4 loa con Control 23 two-way full-range và 1 loa sub Control SB-2 với dual voice coil 250mm.

Bộ 6: Karaoke VIP, biểu diễn, Bar, Café, Phòng 30 m² tới 50m²

Bộ 7: Biểu diễn cơ động DJ Café, Bar, Disco, Sân khấu, Hội trường, Phòng 100 m²Bộ 9: Biểu diễn Ca nhạc, DJ, Disco, Hội trường, Phòng 100 m²Bộ 8: Biểu diễn cơ động DJ Café, Bar, Disco, Sân khấu, Hội trường, Phòng 50m²Bộ 10: Biểu diễn Ca nhạc, DJ, Disco, Hội trường, Phòng 150 m²

HỆ THỐNG THU THANH



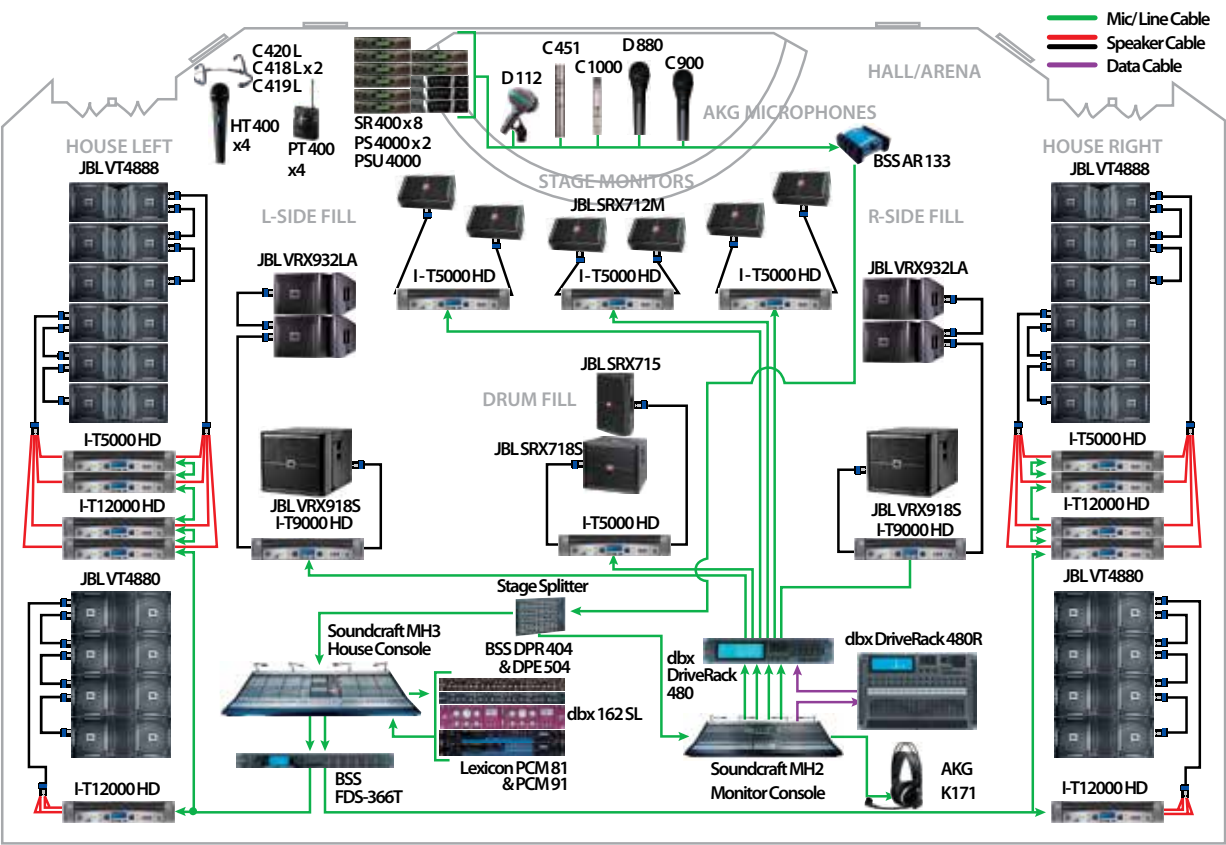
MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Thu hát cho người yêu thích hát
Thu thanh lồng tiếng, biên tập âm thanh
Home Studio cho các nhạc sĩ
Thu thanh kết hợp với phòng hát Karaoke

DANH MỤC THIẾT BỊ

TT	Ký hiệu	Mô tả	Số lượng	Hãng SX
1	Omega	Sound Card 4in/2out	1	Lexicon
2	C2000	Condenser Micro	1	AKG
3	EPM8	Bộ trộn âm thanh	1	SoundCraft
3	2325P	Loa kiểm tra phòng máy	2	JBL
5	K77	Headphone cho phòng thu	2/4	AKG
6	K 141 st	Headphone cho phòng máy	1	AKG
7	Headphone Amp	Bộ chia tai nghe	1	
8	Desktop/Laptop	Máy tính + Phần mềm biên tập âm thanh	1	

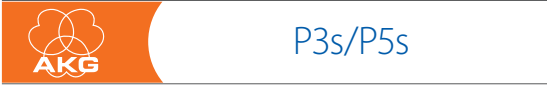
LARGE TOURING SYSTEM



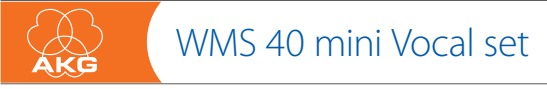
Vocal/general-purpose microphone
Designed for hi-fi recording and Karaoke use



Vocal/general-purpose microphone
Sturdy die-cast metal body
Designed for hi-fi recording and Karaoke use



Backing Vocals /Instrumente/Live Sound



Live sound
Houses of worship
Conferencing
Sound/AV company
Gyms

DENON



Home cinema, Hi-Fi, Hi-End
Ampli, Loa, dàn máy, Karaoke

Âm thanh nhà hàng quán bar, sân vườn, trường học
Tư vấn lắp đặt

AnhDuyAudio
Thế giới nghe nhìn

Công ty TNHH Quốc Tế Anh Duy
Nhà phân phối chính thức các nhãn hiệu Audio hàng đầu thế giới
170 Ung Văn Khiêm, Phường 25,
Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
www.anhduy.vn